

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
suối Ca Tang	TV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 18' 29"	104° 16' 45"	19° 20' 09"	104° 18' 07"	E-48-17-B		
Núi Côn	SV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 42"	104° 14' 29"					E-48-17-A		
Bản Cù	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 21' 00"	104° 16' 25"					E-48-17-B		
bản Hồng Tiến	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 19' 12"	104° 19' 29"					E-48-17-B		
bản Khe Nằn	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 20' 31"	104° 17' 18"					E-48-17-B		
bản Khe Tang	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 20' 15"	104° 17' 49"					E-48-17-B		
bản La Ngan	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 44"	104° 17' 18"					E-48-17-B		
Bản Lăn	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 21' 21"	104° 15' 23"					E-48-17-B		
bản Lưu Hoà	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 47"	104° 16' 39"					E-48-17-B		
bản Lưu Thắng	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 12"	104° 20' 14"					E-48-17-B		
bản Lưu Tiến	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 19' 57"	104° 18' 38"	19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-16-B		
Nậm Mỏ	TV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn							E-48-17-B		
núi Pa Ca	SV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 23' 41"	104° 19' 08"					E-48-17-B		
núi Pa Khèm	SV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 03"	104° 17' 04"					E-48-17-B		
bản Tạt Thương	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 24"	104° 19' 09"					E-48-17-B		
Suối Thay	TV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 27' 44"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B		
Suối Thương	TV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 17' 03"	104° 16' 46"	19° 19' 11"	104° 19' 34"	E-48-17-B		
Suối Thủ	TV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 14' 14"	104° 17' 10"	19° 15' 12"	104° 18' 57"	E-48-17-B		
Suối Tiều	TV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 21' 30"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B		
bản Xiêng Thù	DC	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 21' 27"	104° 15' 51"					E-48-17-B		
Núi Xung	SV	xã Chiểu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 25' 11"	104° 20' 33"					E-48-5-C		
khê Huồi Ha	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 33' 22"	104° 08' 57"	19° 31' 56"	104° 09' 57"	E-48-5-C		
khê Huồi Hèo	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 33' 24"	104° 08' 39"	19° 32' 11"	104° 08' 16"	E-48-5-C		
khê Huồi Ho	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 32' 52"	104° 10' 30"	19° 32' 26"	104° 10' 49"	E-48-5-C		
bản Huồi Khơ	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 38' 31"	104° 10' 22"					E-48-5-C		
khê Huồi Lẻ	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 34' 31"	104° 06' 29"	19° 36' 25"	104° 08' 14"	E-48-5-C		
khê Huồi Tổng	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 34' 35"	104° 07' 06"	19° 35' 37"	104° 08' 22"	E-48-5-C		
bản Huồi Viêng	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 33' 57"	104° 08' 54"					E-48-5-C		
khê Huồi Xiêng	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 36' 08"	104° 11' 52"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-C		
khê Nậm Sốt	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 58"	104° 11' 11"	19° 35' 57"	104° 10' 03"	E-48-5-C		
Suối Nháng	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 54"	104° 13' 58"	19° 35' 11"	104° 14' 00"	E-48-5-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		
bản Noong Hán	DC	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn	19° 36' 36"	104° 11' 32"						E-48-5-C
bản Phả Léch Phay	DC	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn	19° 34' 02"	104° 10' 33"						E-48-5-C
bản Phả Nọi	DC	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn	19° 36' 28"	104° 10' 02"						E-48-5-C
suối Phả Tá	TV	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn			19° 33' 30"	104° 12' 24"	19° 34' 47"	104° 13' 47"		E-48-5-C
bản Phả Tả	DC	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn	19° 34' 39"	104° 10' 36"						E-48-5-C
khê Phả Va	TV	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 09"	104° 09' 31"	19° 36' 25"	104° 08' 14"		E-48-5-C
Huồi Sác	TV	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn			19° 37' 37"	104° 11' 08"	19° 36' 49"	104° 14' 04"		E-48-5-C
Khê Sỏi	TV	xã Đoạc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 36"	104° 10' 27"	19° 35' 57"	104° 10' 03"		E-48-5-C
khe Huồi Đun	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 30' 23"	104° 14' 22"	19° 28' 36"	104° 13' 21"		E-48-5-D
bản Huồi Đun	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 21"	104° 14' 26"						E-48-5-C
bản Huồi Khả	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 31' 39"	104° 15' 10"						E-48-5-D
bản Huồi Lê	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 22"	104° 14' 11"						E-48-5-C
bản Huồi Mú	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 24"	104° 11' 57"						E-48-5-C
bản Huồi Thăng	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 28' 55"	104° 14' 08"						E-48-5-C
bản Huồi Ưc 1	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 32' 34"	104° 14' 21"						E-48-5-C
bản Huồi Ưc 2	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 32' 53"	104° 14' 21"			19° 32' 38"	104° 12' 00"		E-48-5-D
Suối Lê	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 32' 34"	104° 15' 18"				E-48-5-D
bản Na Ni	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 32' 39"	104° 16' 28"						E-48-17-B
Suối Nhị	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"		E-48-5-D
núi Phả Bún	SV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 33' 17"	104° 15' 31"						E-48-5-D
núi Phả Công	SV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 34' 39"	104° 17' 43"						E-48-5-D
núi Phả Mo	SV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 34' 42"	104° 19' 05"						E-48-5-D
núi Phả Mứt	SV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 34' 16"	104° 19' 14"						E-48-17-B
khe Phả Nách	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 33' 24"	104° 14' 40"	19° 34' 47"	104° 13' 47"		E-48-5-D
khe Pha Ne	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 30' 33"	104° 12' 57"	19° 31' 09"	104° 12' 59"		E-48-5-C
suối Phả Tá	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 33' 30"	104° 12' 24"	19° 34' 47"	104° 13' 47"		E-48-5-C
bản Phả Xắc	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 31' 42"	104° 18' 31"						E-48-5-D
Khe Phe	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 31' 45"	104° 14' 57"	19° 31' 30"	104° 14' 06"		E-48-5-D
khe Sa Mát	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 32' 12"	104° 18' 57"	19° 33' 33"	104° 17' 37"		E-48-5-D
bản Trung Tâm	DC	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 28"	104° 14' 26"						E-48-5-C
Suối Tụ	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 33' 14"	104° 16' 25"	19° 35' 37"	104° 20' 04"		E-48-5-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
khe Xà Lồng	TV	xã Huồi Tụ	H. Kỳ Sơn									E-48-5-D
quốc lộ 7	KX	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn									E-48-17-A
Bản Bả	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 12"	104° 13' 10"							E-48-17-A
suối Ca Nan	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn									E-48-17-A
Suối Chiếng	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn									E-48-17-A
Núi Cồn	SV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 42"	104° 14' 29"							E-48-17-A
bản Đình Sơn 1	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 18"	104° 12' 54"							E-48-17-A
bản Đình Sơn 2	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 20' 49"	104° 11' 30"							E-48-17-A
núi Độc May	SV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 11"	104° 10' 47"							E-48-17-A
Suối Hóc	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn					19° 17' 36"	104° 12' 11"	19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Bản Hòm	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 38"	104° 12' 41"							E-48-17-A
bản Huồi Thợ	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 02"	104° 14' 26"							E-48-17-A
bản Khe Tỳ	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 23' 16"	104° 10' 20"							E-48-17-A
núi La Ne	SV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 18"	104° 12' 19"							E-48-17-A
Nậm Mỏ	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn					19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A
bản Na Chảo	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 48"	104° 12' 05"							E-48-17-A
bản Na Lượng 1	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 23' 07"	104° 10' 52"							E-48-17-A
bản Na Lượng 2	DC	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 55"	104° 11' 32"							E-48-17-A
Suối Ninh	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn					19° 21' 22"	104° 10' 01"	19° 22' 53"	104° 11' 47"	E-48-17-A
Suối Pa	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn					19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Núi Thiên	SV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 19' 47"	104° 12' 45"							E-48-17-A
Núi Thông	SV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn	19° 19' 25"	104° 10' 59"							E-48-17-A
Suối Tì	TV	xã Hữu Kiêm	H. Kỳ Sơn					19° 21' 07"	104° 08' 37"	19° 23' 36"	104° 10' 20"	E-48-17-A
núi Cầu Thàn	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 28' 24"	104° 13' 44"							E-48-17-B
bản Chá Lán	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 24' 44"	104° 14' 26"							E-48-17-A
khe Chá Lán	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn					19° 27' 27"	104° 14' 30"	19° 23' 27"	104° 13' 40"	E-48-17-A
Núi Cồn	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 22' 42"	104° 14' 29"							E-48-17-A
núi Huồi Tang	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 27' 46"	104° 14' 20"							E-48-17-B
núi Kèo Kha	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 27' 24"	104° 15' 01"							E-48-17-A
Núi Lóm	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 24' 43"	104° 13' 40"							E-48-17-A
Nậm Mỏ	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn					19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Bản Na	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 41"	104° 13' 43"							E-48-17-A
Suối Nhị	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"			E-48-17-B
bản Noọng Ó	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 27' 43"	104° 15' 24"							E-48-17-B
Khe Thặng	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn			19° 26' 40"	104° 13' 02"	19° 23' 31"	104° 12' 55"			E-48-17-A
bản Xốp Nhị	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 34"	104° 11' 49"							E-48-17-A
bản Xốp Thặng	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 45"	104° 12' 58"							E-48-17-A
bản Xốp Thập	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 25"	104° 14' 21"							E-48-5-C
Suối Chải	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn					19° 37' 34"	104° 05' 10"	19° 38' 13"	104° 04' 03"	E-48-5-C
Suối Chót	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn					19° 36' 05"	104° 06' 21"	19° 37' 34"	104° 05' 10"	E-48-5-C
bản Hát Tả Vén	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 01"	104° 07' 52"							E-48-5-C
bản Hoà Xuân	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 38"	104° 09' 40"							E-48-5-C
bản Huồi Cáng	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 38"	104° 07' 38"							E-48-5-C
bản Huồi Lê	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 35' 34"	104° 06' 56"							E-48-5-C
bản Huồi Phóc	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 21"	104° 09' 40"							E-48-5-C
bản Huồi Phườn 1	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 45"	104° 05' 54"							E-48-5-C
bản Huồi Phườn 2	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 24"	104° 06' 10"							E-48-5-C
bản Huồi Tống	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 35' 03"	104° 07' 33"							E-48-5-C
bản Keng Đu	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 56"	104° 05' 41"							E-48-5-C
bản Kèo Cơn	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 38' 32"	104° 05' 28"							E-48-5-C
bản Khe Linh	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 38"	104° 04' 18"							E-48-5-C
Suối Lê	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 34' 31"	104° 06' 29"	19° 36' 25"	104° 08' 14"			E-48-5-C
Khe Linh	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 37' 05"	104° 04' 31"	19° 37' 46"	104° 03' 45"			E-48-5-C
Nậm Nơn	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 17' 13"	104° 25' 35"			E-48-5-C
Suối Phườn	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 36' 31"	104° 06' 55"	19° 37' 35"	104° 07' 39"			E-48-5-C
bản Quyết Thắng	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 35' 37"	104° 08' 56"							E-48-5-C
Nậm Sồng	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 34' 59"	104° 05' 02"	19° 40' 58"	104° 04' 07"			E-48-5-C
Nậm Xóc	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 36' 25"	104° 08' 14"	19° 40' 02"	104° 09' 05"			E-48-5-C
Núi Hồng	SV	xã Mường Ái	H. Kỳ Sơn	19° 20' 00"	103° 56' 08"							E-48-16-B
bản Huồi Khe	DC	xã Mường Ái	H. Kỳ Sơn	19° 17' 28"	103° 59' 30"							E-48-16-B
suối Huồi Khuẩn	TV	xã Mường Ái	H. Kỳ Sơn			19° 15' 44"	103° 57' 09"	19° 18' 07"	103° 52' 57"			E-48-16-B
Núi Miếng	SV	xã Mường Ái	H. Kỳ Sơn	19° 15' 23"	103° 59' 30"							E-48-16-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối						
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ					
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)					
Năm Mỏ	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn										E-48-16-B	
suối Năm Típ	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn										E-48-17-A	
bản Nhà Nang	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 20"	103° 58' 53"					19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-16-B
Suối Pản	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn							19° 17' 17"	104° 00' 31"	19° 19' 53"	103° 57' 02"	E-48-17-A, E-48-17-C
Bản Púng	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn							19° 14' 44"	104° 02' 20"	19° 17' 14"	104° 01' 24"	E-48-17-A
núi Sông Voi	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 05"	104° 00' 43"									E-48-16-B
Suối Than	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 19' 08"	103° 54' 53"									E-48-17-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					19° 15' 03"	104° 00' 18"	19° 17' 17"	104° 00' 31"	30-B+DE-48-30-A
Suối Xăng	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn							19° 15' 40"	103° 58' 19"	19° 17' 44"	103° 58' 12"	E-48-16-B
núi Xang Noi	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 18' 51"	103° 53' 56"									E-48-16-B
bản Xốp Lau	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 18' 33"	103° 57' 38"									E-48-16-B
bản Xốp Phong	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 20' 05"	103° 57' 01"									E-48-16-B
bản Xốp Xăng	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 48"	103° 58' 05"									E-48-17-B
Suối Chính	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 32' 12"	104° 23' 59"	19° 33' 28"	104° 25' 37"	E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-5-D
dốc Cổng Trời	KX	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 54"	104° 19' 49"									E-48-17-B
bản Huồi Khun	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 29' 47"	104° 24' 09"									E-48-17-B
Suối Khúa	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 28' 47"	104° 19' 54"	19° 32' 12"	104° 23' 59"	E-48-5-D
bản Long Kèo	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 32"	104° 20' 39"									E-48-5-D
bản Mò Nùng	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 33' 58"	104° 19' 51"									E-48-5-D
bản Mường Lống 1	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 54"	104° 20' 39"									E-48-5-D
bản Mường Lống 2	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 26"	104° 20' 42"									E-48-5-C
xóm Nậm Non	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 17' 13"	104°25' 35"	E-48-17-B
Núi Nghéché	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 25' 38"	104° 20' 47"									E-48-5-D
suối Nhát Khổng	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 33' 00"	104° 20' 46"	19° 30' 38"	104° 23' 37"	E-48-5-D
suối Nhát Na	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 31' 49"	104° 22' 06"	19° 32' 12"	104° 23' 59"	E-48-17-B
Suối Nhị	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn							19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"	E-48-5-D
núi Nhót Nhị	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 33' 06"	104° 19' 46"									E-48-5-D
núi Nông Pa Pỉnh	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 33' 09"	104° 23' 28"									E-48-5-D
bản Sa Lầy	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 53"	104° 19' 49"									E-48-17-B
núi Sam Soum	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 47"	104° 22' 01"									E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Sam Sum	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 28' 52"	104° 23' 14"							E-48-17-B
núi Tăm He Ne	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 08"	104° 18' 29"							E-48-17-B
bản Thà Lạng	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 32' 34"	104° 22' 16"							E-48-5-D
suối Thà Lạng	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 32' 16"	104° 21' 23"	19° 34' 55"	104° 22' 33"			E-48-5-D
bản Tham Hang	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 47"	104° 18' 23"							E-48-17-B
bản Tham Hốc	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 35"	104° 19' 18"							E-48-17-B
bản Tham Lực	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 42"	104° 20' 22"							E-48-5-D
bản Tham Pạng	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 40"	104° 21' 24"							E-48-5-D
Suối Thay	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 27' 44"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"			E-48-17-B
bản Trung Tăm	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 58"	104° 20' 08"							E-48-5-D
bản Xám Xúm	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 51"	104° 21' 04"							E-48-17-B
bản Chà Lạt	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 20' 31"	103° 59' 38"							E-48-16-B
khe Chà Lạt	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 38"	103° 58' 40"	19° 23' 31"	103° 58' 09"			E-48-16-B
khe Huồi Ha	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 02"	104° 04' 47"	19° 16' 30"	104° 02' 59"			E-48-17-A
bản Huồi Khí	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 22' 20"	104° 00' 21"							E-48-17-A
bản Huồi Khôi	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 21' 29"	103° 59' 18"							E-48-16-B
Nậm Mỏ	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"			E-48-17-A
bản Na Mỹ	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 19' 19"	103° 57' 28"							E-48-16-B
khe Na Nhu	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 19' 45"	104° 02' 57"	19° 20' 17"	104° 00' 27"			E-48-17-A
suối Nậm Típ	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 17' 17"	104° 00' 31"	19° 19' 53"	103° 57' 02"			E-48-17-A
khe Nậm Típ	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 16' 40"	104° 04' 42"	19° 17' 37"	104° 00' 17"			E-48-17-A
Suối Nhi	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 20' 17"	104° 00' 27"	19° 21' 46"	104° 00' 26"			E-48-17-A
Suối Păn	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 19' 44"	104° 02' 20"	19° 17' 14"	104° 01' 24"			E-48-17-A
Suối Péc	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 46"	104° 03' 47"	19° 17' 14"	104° 01' 24"			E-48-17-A
bản Phà Nội	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 16' 34"	104° 03' 33"							E-48-17-A
Suối Pung	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 19' 29"	104° 02' 53"	19° 17' 17"	104° 00' 55"			E-48-17-A
khe Sốp Khảm	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 14"	104° 00' 50"	19° 17' 37"	104° 00' 17"			E-48-16-B
bản Sốp Phe	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 22' 20"	103° 57' 31"							E-48-16-B
bản Sốp Típ	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 21' 24"	103° 57' 06"							E-48-16-B
bản Ta Đơ	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 03"	104° 00' 35"							E-48-16-B
núi Tho Lều	SV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 21' 14"	103° 57' 51"							E-48-16-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Suối Thông	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn					19° 14' 48"	104° 03' 02"	19° 16' 22"	104° 03' 35"	E-48-17-A
bản Vang Phao	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 20' 13"	103° 57' 09"							E-48-16-B
suối Xốp Phe	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 20' 38"	103° 59' 09"	19° 22' 16"	103° 57' 27"			E-48-16-B
suối Chà Lăn	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 39' 36"	104° 14' 10"	19° 42' 15"	104° 15' 31"	E-48-5-D
bản Cha Nga	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 42' 27"	104° 13' 57"							E-48-5-D
núi Cha Nga	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 41' 04"	104° 14' 23"					19° 42' 29"	104° 14' 00"	E-48-5-C
suối Cha Nga	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn									E-48-5-D
phủ Đền Đín	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 42' 03"	104° 24' 44"							E-48-5-D
bản Hoà Lý	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 18"	104° 21' 39"							E-48-5-D
Núi Hung	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 15"	104° 20' 34"							E-48-5-D
núi Huồi Phuồn	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 34"	104° 23' 32"							E-48-5-D
bản Huồi Pùn	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 31"	104° 24' 23"							E-48-5-D
Suối Ké	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 36' 16"	104° 22' 13"	19° 35' 27"	104° 21' 25"	E-48-5-D
Suối Kho	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 21' 25"	104° 52' 06"	19° 18' 25"	104° 49' 29"	E-48-18-B
Suối Lợi	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 42' 05"	104° 23' 48"	19° 41' 49"	104° 22' 14"	E-48-5-D
Suối Mai	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
suối Nanh Héo	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 38' 26"	104° 17' 00"	19° 38' 58"	104° 17' 27"	E-48-5-D
bản Nhọt Lọt	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 41' 37"	104° 24' 13"							E-48-5-D
núi Nhọt Lọt	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 54"	104° 25' 01"							E-48-5-D
Nậm Non	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 17' 13"	104° 25' 35"	E-48-5-C
Suối Pa	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
núi Phà Chéng	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 11"	104° 24' 48"							E-48-5-D
bản Phà Chiéng	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 04"	104° 24' 34"							E-48-5-D
núi Pha Cọc	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 02"	104° 17' 22"							E-48-5-D
núi Pha Han	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 01"	104° 17' 08"							E-48-5-D
núi Phà Khùm	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 36"	104° 24' 08"							E-48-5-D
núi Pha Lai	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 33"	104° 16' 19"							E-48-5-D
núi Phà Mút	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 34' 16"	104° 19' 14"							E-48-17-B
núi Phà Nu	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 34' 38"	104° 21' 43"							E-48-5-D
núi Pha Phá	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 09"	104° 16' 56"							E-48-5-D
bản Piéng Pên	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 01"	104° 21' 50"							E-48-5-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
bản Piêng Vai	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 33' 20"	104° 22' 13"							E-48-5-D
Suối Pún	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 38' 27"	104° 23' 50"	19° 37' 28"	104° 24' 21"			E-48-5-D
Suối Sán	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 38' 15"	104° 18' 03"	19° 38' 39"	104° 18' 20"			E-48-5-D
Suối Tầm	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 34' 06"	104° 13' 18"	19° 36' 44"	104° 18' 44"			E-48-5-C
núi Thầm Len	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 38"	104° 17' 20"							E-48-5-D
Suối Tôm	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 35' 51"	104° 17' 35"	19° 36' 52"	104° 17' 44"	E-48-5-D
Suối Tụ	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 33' 14"	104° 16' 25"	19° 35' 37"	104° 20' 04"	E-48-5-D
Suối Tuộc	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 29' 16"	104° 30' 02"	19° 30' 28"	104° 31' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Vật	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 37' 21"	104° 22' 39"	19° 35' 53"	104° 20' 23"	E-48-5-D
Suối Xá	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 39' 12"	104° 24' 57"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
Suối Xang	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 41' 27"	104° 24' 28"	19° 37' 40"	104° 19' 00"	E-48-5-D
Suối Xăng	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn					19° 38' 27"	104° 17' 41"	19° 38' 54"	104° 17' 49"	E-48-5-D
bản Xăng Trên	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 35"	104° 18' 51"							E-48-5-D
bản Xiềng Tắm	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 38"	104° 18' 39"							E-48-5-D
bản Xốp Dương	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 41' 29"	104° 18' 32"							E-48-5-D
bản Xốp Tụ	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 22"	104° 18' 38"							E-48-5-D
bản Yên Hoà	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 43"	104° 18' 57"							E-48-5-D
bản Đồi Boọng	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 30' 38"	104° 10' 40"							E-48-5-C
khe Huồi Héo	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 24"	104° 08' 39"	19° 32' 11"	104° 08' 16"			E-48-5-C
khe Huồi Hó	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 32' 52"	104° 10' 30"	19° 32' 26"	104° 10' 49"			E-48-5-C
khe Huồi Khạp	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 30' 56"	104° 10' 53"	19° 31' 42"	104° 09' 51"			E-48-5-C
khe Huồi Khúm	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 22"	104° 08' 57"	19° 31' 56"	104° 09' 57"			E-48-5-C
khe Huồi Lê	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 32' 34"	104° 15' 18"	19° 32' 38"	104° 12' 00"			E-48-5-C
bản Huồi Ngòi	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 30' 32"	104° 09' 59"							E-48-5-C
khe Huồi Ngòi	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 30' 36"	104° 10' 06"	19° 31' 27"	104° 10' 02"			E-48-5-C
bản Huồi Sần	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 32' 44"	104° 12' 19"							E-48-5-C
khe Huồi ực	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 32' 45"	104° 14' 14"	19° 34' 06"	104° 13' 18"			E-48-5-C
Khe Linh	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 31' 42"	104° 09' 51"	19° 33' 30"	104° 12' 24"			E-48-5-C
bản Na Khường	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 32' 01"	104° 08' 24"							E-48-5-C
bản Na Loi	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 31' 44"	104° 09' 34"							E-48-5-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
suối Năm Tám	TV	xã Na Lôi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 22"	104° 08' 57"	19° 31' 42"	104° 09' 51"	E-48-5-C		
khe Pha Ne	TV	xã Na Lôi	H. Kỳ Sơn			19° 30' 33"	104° 12' 57"	19° 31' 09"	104° 12' 59"	E-48-5-C		
suối Phá Tá	TV	xã Na Lôi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 30"	104° 12' 24"	19° 34' 47"	104° 13' 47"	E-48-5-C		
bản Piêng Lau	DC	xã Na Lôi	H. Kỳ Sơn	19° 32' 30"	104° 11' 07"					E-48-17-A		
bản Buộc Mú 1	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 43"	104° 08' 04"					E-48-17-A		
bản Buộc Mú 2	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 27"	104° 08' 00"					E-48-17-C		
bản Ca Dưới	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 55"	104° 10' 21"					E-48-17-A		
suối Ca Na	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 14' 19"	104° 05' 35"	E-48-17-A		
suối Ca Nan	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-C		
bản Ca Nội	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 50"	104° 11' 02"					E-48-17-A		
suối Ca Nội	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 13' 15"	104° 11' 09"	E-48-17-C		
bản Ca Trên	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 35"	104° 10' 15"					E-48-17-A		
suối Ca Trên	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 16' 49"	104° 10' 29"	E-48-17-C		
núi Chông Tinh	SV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 04"	104° 10' 40"					E-48-17-A		
suối Cò Năn	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 17' 35"	104° 06' 34"	E-48-17-C		
Suối Hốc	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 17' 36"	104° 12' 11"	E-48-17-A		
suối Huồi Cương	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 17' 58"	104° 09' 04"	E-48-17-A		
suối Huồi Hốc	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 12' 33"	104° 08' 01"	E-48-17-A		
suối Huồi Hừng	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 12' 11"	104° 09' 26"	E-48-17-A		
suối Huồi Kinh	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 16' 19"	104° 08' 29"	E-48-17-A		
suối Huồi Lầu	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn					19° 13' 54"	104° 06' 11"	E-48-17-A		
bản Huồi Thum	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 18' 01"	104° 13' 05"					E-48-17-B		
bản Huồi Xài	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 16"	104° 15' 49"					E-48-17-A		
bản Kẹo Bắc	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 15"	104° 06' 12"			19° 15' 22"	104° 15' 51"	E-48-17-B		
suối Khia Pa	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn							E-48-17-A		
bản Na Cánh	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 09"	104° 12' 55"					E-48-17-C		
bản Phù Khả 1	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 04"	104° 12' 47"					E-48-17-C		
bản Phù Khả 2	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 43"	104° 12' 39"					E-48-17-A		
núi Phù Quặc	SV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 45"	104° 14' 31"					E-48-17-A		
bản Phù Quặc 1	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 22"	104° 14' 19"					E-48-17-B		
bản Phù Quặc 2	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 40"	104° 15' 12"					E-48-17-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Phú Quốc 3	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 58"	104° 16' 04"					E-48-17-B
núi Púng Mon	SV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 13' 01"	104° 09' 58"					E-48-17-C
bản Tầng Phấn	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 06"	104° 09' 25"					E-48-17-A
Suối Tát	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn			19° 17' 59"	104° 06' 00"	19° 15' 48"	104° 06' 46"	E-48-17-A
bản Thăm Hón	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 17' 37"	104° 09' 22"					E-48-17-A
bản Tổng Khư	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 22"	104° 10' 24"					E-48-17-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					30-B+DE-48-30-A
Suối Xai	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn			19° 16' 59"	104° 12' 25"	19° 17' 36"	104° 12' 11"	E-48-17-A
bản Xiềng Xí	DC	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 51"	104° 08' 02"					E-48-17-A
suối Xiềng Xí	TV	xã Na Ngòi	H. Kỳ Sơn			19° 18' 04"	104° 07' 39"	19° 15' 16"	104° 08' 18"	E-48-17-A
bản Huồi Nhao	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 08"	104° 15' 39"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khuru Pan	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 14' 58"	104° 13' 29"	19° 14' 14"	104° 17' 10"	E-48-17-A
Nậm Kiến	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 07' 38"	104° 13' 00"	19° 08' 59"	104° 16' 09"	E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Kiếp	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 08' 48"	104° 13' 34"	19° 08' 40"	104° 15' 35"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Lái Nọi	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 09' 46"	104° 18' 28"					E-48-17-D, E-48-29-B
bản Liên Sơn	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 42"	104° 15' 52"					E-48-17-D, E-48-29-B
Huổi Liêng	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 06' 53"	104° 18' 01"	19° 15' 12"	104° 18' 57"	E-48-17-D, E-48-29-B
Núi Lom	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 09' 09"	104° 13' 58"					E-48-17-C
Phu Luồng	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 06' 52"	104° 17' 51"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Nà Cà	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 11' 55"	104° 10' 56"	19° 11' 31"	104° 14' 16"	E-48-17-C
bản Nậm Càn	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 17"	104° 16' 02"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Nậm Càn	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 10' 52"	104° 11' 45"	19° 14' 05"	104° 16' 44"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Nậm Khiến 1	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 02"	104° 17' 47"					E-48-17-D, E-48-29-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Nậm Khiến 2	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 11' 38"	104° 17' 43"					E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Niéc	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 07' 41"	104° 19' 12"	19° 12' 23"	104° 17' 44"	E-48-17-D, E-48-29-B
Nậm Púng	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn				104° 14' 31"	19° 14' 05"	104° 16' 44"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Púng Păng	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 13' 04"	104° 12' 28"					E-48-17-C
bản Sơn Thành	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 11' 27"	104° 16' 40"					E-48-17-D, E-48-29-B
bản Thăm Hín	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 13' 51"	104° 14' 36"					E-48-17-C
núi Xang Linh	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 10' 11"	104° 13' 51"					E-48-17-C
quốc lộ 7	KX	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-A
khe Huồi Cáng	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 28' 07"	104° 05' 37"	19° 26' 50"	104° 07' 29"	E-48-17-A
khe Huồi Met	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 30' 20"	104° 08' 18"	19° 32' 31"	104° 06' 29"	E-48-17-A
bản Huồi Póc	DC	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 57"	104° 08' 23"					E-48-17-A
khe Huồi Póc	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 29' 08"	104° 07' 23"	19° 26' 50"	104° 07' 29"	E-48-17-A
khe Huồi Thảng	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 26' 50"	104° 07' 29"	19° 25' 28"	104° 09' 00"	E-48-17-A
bản Khánh Thành	DC	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 26' 40"	104° 06' 41"					E-48-17-A
Suối Lội	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 26' 33"	104° 11' 07"	19° 24' 18"	104° 08' 25"	E-48-17-A
cầu Nậm Cấn	KX	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 14"	104° 05' 03"					E-48-17-A
suối Nậm Cấn	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 28' 51"	104° 05' 01"	19° 24' 59"	104° 04' 14"	E-48-17-A
trạm Cửa khẩu Nậm Cấn	KX	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn							E-48-17-A
bản Noong Dẻ	DC	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 20"	104° 05' 17"					E-48-17-A
đèo Noong Dẻ	SV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 25' 25"	104° 07' 40"					E-48-17-A
		xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 26' 03"	104° 06' 41"					E-48-17-A
bản Pà Ca	DC	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 26' 37"	104° 08' 22"					E-48-17-A
khe Pà Ca	TV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn			19° 26' 51"	104° 08' 27"	19° 26' 10"	104° 09' 41"	E-48-17-A
núi Pà Ca	SV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 01"	104° 06' 18"					E-48-17-A
núi Pù Pợn	SV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 29' 27"	104° 06' 27"					E-48-17-A
núi Sa Ket	SV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 42"	104° 07' 10"					E-48-17-A
núi Thăm Mần	SV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 22"	104° 05' 54"					E-48-17-A
núi Thầu Tho	SV	xã Nậm Cấn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 55"	104° 04' 52"					E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng							Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Kinh độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		
bản Tiên Tiêu	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 00"	104° 05' 26"						E-48-17-A	
bản Trường Sơn	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 33"	104° 06' 07"						E-48-17-A	
núi Cầu Thàn	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 28' 24"	104° 13' 44"						E-48-17-A	
khe Chà Lúm	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 24' 40"	104° 10' 26"	19° 24' 58"	104° 08' 59"		E-48-17-A	
núi Chà Lúm	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 24' 37"	104° 09' 52"						E-48-17-A	
khe Huồi Ngu	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 28' 36"	104° 13' 21"	19° 26' 33"	104° 11' 07"		E-48-17-A	
bản Huồi Nhúc	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 24' 25"	104° 10' 54"						E-48-17-A	
núi Huồi Tang	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 46"	104° 14' 20"						E-48-17-A	
núi Kẹo Lực	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 26' 51"	104° 13' 41"						E-48-17-A	
bản Kẹo Lực 1	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 26' 39"	104° 13' 22"						E-48-17-A	
bản Kẹo Lực 2	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 57"	104° 13' 26"						E-48-17-A	
bản Kẹo Lực 3	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 12"	104° 12' 55"						E-48-17-A	
bản Kim Đa	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 51"	104° 10' 23"			19° 26' 33"	104° 11' 07"	19° 24' 18"	104° 08' 25"	E-48-17-A
Suối Lợi	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn									E-48-17-A
núi Noong Xang	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 00"	104° 10' 34"							E-48-17-A
bản Phà Khảo	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	104° 11' 26"	104° 11' 26"							E-48-17-A
bản Phà Khóm	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 26' 01"	104° 12' 39"							E-48-17-A
bản Piêng Hòm	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 02"	104° 11' 18"							E-48-17-A
bản Piêng Phó	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 04"	104° 09' 01"							E-48-17-A
Khe Thạng	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 26' 40"	104° 13' 02"	19° 23' 31"	104° 12' 55"			E-48-17-A
Bản Xán	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 42"	104° 13' 37"							E-48-17-A
núi Xôi Voi	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 29' 12"	104° 11' 59"							E-48-17-A
quốc lộ 7	KX	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"			E-48-17-A
bản Bình Sơn 1	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 36"	104° 07' 30"							E-48-17-A
bản Bình Sơn 2	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 23' 48"	104° 06' 45"							E-48-17-A
huồi Cà Chếch	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 11"	104° 03' 32"	19° 24' 48"	104° 04' 03"			E-48-17-A
huồi Cà Nhãn	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 18"	104° 05' 30"	19° 23' 42"	104° 06' 48"			E-48-17-A
huồi Cà Nhấp	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 20' 00"	104° 03' 11"	19° 23' 42"	104° 06' 48"			E-48-17-A
Bản Cánh	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 48"	104° 06' 47"							E-48-17-A
bản Cầu Tám	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 18"	104° 08' 16"							E-48-17-A
núi Chà Lúm	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 37"	104° 09' 52"							E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Huổi Giảng	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 21' 43"	104° 07' 41"	19° 24' 08"	104° 08' 35"	E-48-17-A		
Huổi Hiền	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 23' 01"	104° 03' 59"	19° 24' 58"	104° 04' 13"	E-48-17-A		
bản Hoà Sơn	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 23' 56"	104° 08' 31"					E-48-17-A		
Huổi Hoay	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 43"	104° 04' 45"	19° 24' 02"	104° 05' 35"	E-48-17-A		
Suối Lợi	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 26' 33"	104° 11' 07"	19° 24' 18"	104° 08' 25"	E-48-17-A		
Núi Mo	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 27"	104° 03' 50"					E-48-17-A		
Huổi Mỏ	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 23' 33"	104° 04' 53"	19° 24' 12"	104° 05' 06"	E-48-17-A		
Nậm Mỏ	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A		
núi Mú Nậu	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 51"	104° 02' 24"					E-48-17-A		
bản Na Nhu	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 25' 27"	104° 02' 48"					E-48-17-A		
bản Nhãn Cù	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 02"	104° 05' 29"					E-48-17-A		
bản Nhãn Lý	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 52"	104° 04' 10"			19° 21' 46"	104° 00' 26"	E-48-17-A		
Huổi Nhu	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 13"	104° 07' 18"			E-48-17-A		
núi Sao Lo	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 23' 36"	104° 08' 39"					E-48-17-A		
bản Sơn Hà	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 48"	104° 08' 34"					E-48-17-A		
bản Sơn Thành	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 25' 25"	104° 02' 57"					E-48-17-A		
bản Xa Vang	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 34' 49"	104° 33' 18"	19° 34' 09"	104° 33' 58"	E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Xa Vang	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn							E-48-17-A		
núi Ca Nhãn	SV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 22' 20"	104° 05' 44"					E-48-17-A		
suối Cà Nhãn	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 18' 18"	104° 05' 30"	19° 23' 42"	104° 06' 48"	E-48-17-A		
suối Cà Nhấp	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 20' 00"	104° 03' 11"	19° 23' 42"	104° 06' 48"	E-48-17-A		
Suối Cốc	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 18' 26"	104° 06' 56"	19° 21' 04"	104° 06' 10"	E-48-17-A		
bản Đồng Dưới	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 21' 45"	104° 03' 50"					E-48-17-A		
bản Đồng Trên	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 21' 30"	104° 03' 33"					E-48-17-A		
Huổi Hiền	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 23' 01"	104° 03' 59"	19° 24' 58"	104° 04' 13"	E-48-17-A		
Suối Huay	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 22' 43"	104° 04' 45"	19° 24' 02"	104° 05' 35"	E-48-17-A		
bản Huổi Giảng 1	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 20"	104° 07' 48"					E-48-17-A		
bản Huổi Giảng 2	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 18"	104° 07' 37"					E-48-17-A		
bản Huổi Giảng 3	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 37"	104° 07' 13"					E-48-17-A		
núi Huổi Hiền	SV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 41"	104° 06' 54"					E-48-17-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Lữ Thành	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 21' 30"	104° 05' 03"							E-48-17-A
Suối Nhạn Lý	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 22' 11"	104° 03' 32"	19° 24' 48"	104° 04' 03"			E-48-17-A
Suối Nhi	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 20' 17"	104° 00' 27"	19° 21' 46"	104° 00' 26"			E-48-17-A
Huổi Nhiều	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 21' 46"	104° 00' 26"	19° 24' 19"	104° 02' 32"			E-48-17-A
Suối Nhu	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 19' 45"	104° 02' 57"	19° 20' 17"	104° 00' 27"			E-48-17-A
Suối Pa	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"			E-48-17-A
Nậm Phiếu	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 19' 54"	104° 08' 02"	19° 21' 43"	104° 07' 41"			E-48-17-A
núi Sao Lo	SV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 22' 13"	104° 07' 18"							E-48-17-A
Suối Tì	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 21' 07"	104° 08' 37"	19° 23' 36"	104° 10' 20"			E-48-17-A
suối Xa Vang	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 34' 49"	104° 33' 18"	19° 34' 09"	104° 33' 58"			E-48-6-A, E-48-6-C
quốc lộ 15	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"			E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"			E-48-32-C-a, E-48-31-D
đường tỉnh 542	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"			E-48-32-C-a, E-48-31-D
khối Ba Hà	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 04"	105° 30' 28"							E-48-32-C-a
khối Đan Nhiệm	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 50"	105° 30' 16"							E-48-32-C-a, E-48-31-D
Sông Đào	TV	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn					18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
Sông Lam	TV	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
khối Lam Sơn	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 19"	105° 29' 23"							E-48-31-D
khối Mai Hắc Đế	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 10"	105° 29' 29"							E-48-31-D
cầu Nam Đàn	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 29' 37"							E-48-31-D
khối Phan Bội Châu	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 53"	105° 30' 01"							E-48-32-C-a
khối Quang Trung	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 54"	105° 30' 20"							E-48-32-C-a
khối Sa Nam	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 03"	105° 29' 33"							E-48-31-D
khối Tây Hồ	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 46"	105° 30' 09"							E-48-32-C-a
khối Xuân Khoa	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 01"	105° 29' 42"							E-48-31-D
khối Yên Khánh	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 53"	105° 29' 50"							E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 59"	105° 31' 20"							E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 2	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 54"	105° 31' 41"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 47"	105° 31' 26"						E-48-32-C-a	
xóm 4	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 39"	105° 31' 26"						E-48-32-C-a	
xóm 5	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 35"	105° 31' 34"						E-48-32-C-a	
xóm 6	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 23"	105° 31' 33"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 31' 33"						E-48-32-C-a	
xóm 8	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 02"	105° 31' 40"						E-48-32-C-a	
xóm 9	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 38' 55"	105° 31' 48"						E-48-32-C-a	
xóm 10	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 38' 49"	105° 31' 45"						E-48-32-C-a	
xóm 11	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 38' 40"	105° 31' 58"						E-48-32-C-a	
xóm 12	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 01"	105° 32' 28"						E-48-32-C-a	
xóm 13	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 05"	105° 32' 17"						E-48-32-C-a	
đường tỉnh 542	KX	xã Hồng Long	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-a	
Sông Lam	TV	xã Hồng Long	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-a	
quốc lộ 46	KX	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-a	
đường tỉnh 542	KX	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-a	
xóm Bình Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 47"	105° 31' 35"						E-48-32-C-a	
xóm Đông Anh	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 19"	105° 31' 57"						E-48-32-C-a	
xóm Đông Lĩnh	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 19"	105° 32' 22"						E-48-32-C-a	
xóm Đông Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 42"	105° 32' 14"						E-48-32-C-a	
xóm Đông Trung	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 40"	105° 31' 05"						E-48-32-C-a	
xóm Đông Ván	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 54"	105° 31' 00"						E-48-32-C-a	
Sông Lam	TV	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-a	
sông Lam Trà	TV	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"		E-48-32-C-a	
xóm Liên Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 15"	105° 31' 53"						E-48-32-C-a	
xóm Nam Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 10"	105° 32' 16"						E-48-32-C-a	
xóm Phúc Chỉ	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 53"	105° 31' 25"						E-48-32-C-a	
xóm Quyết Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 25"	105° 31' 49"						E-48-32-C-a	
xóm Tân Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 06"	105° 31' 50"						E-48-32-C-a	
xóm Tăng Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 22"	105° 31' 57"						E-48-32-C-a	
xóm Tiền Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 29"	105° 31' 39"						E-48-32-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Trang Thọ	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 42"	105° 31' 53"					E-48-32-C-a
xóm Trung Chính	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 35"	105° 31' 59"					E-48-32-C-a
xóm Trường Cửu	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 19"	105° 31' 15"					E-48-32-C-a
xóm Trường Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 10"	105° 32' 24"					E-48-32-C-a
xóm Trường Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 11"	105° 32' 12"					E-48-32-C-a
xóm Xuân Lâm	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 37"	105° 31' 20"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-32-C-c
xóm 1 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 38' 15"	105° 30' 59"					E-48-32-C-a
xóm 1 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 03"	105° 33' 00"					E-48-32-C-c
xóm 2 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 01"	105° 33' 05"					E-48-32-C-c
xóm 3 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 28"	105° 30' 39"					E-48-32-C-c
xóm 3 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 56"	105° 33' 07"					E-48-32-C-c
xóm 4 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 14"	105° 31' 28"					E-48-32-C-c
xóm 4 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 00"	105° 33' 12"					E-48-32-C-c
xóm 5 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 57"	105° 31' 44"					E-48-32-C-c
xóm 5 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 59"	105° 33' 19"					E-48-32-C-c
xóm 6 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 55"	105° 32' 06"					E-48-32-C-c
xóm 6 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 58"	105° 33' 25"					E-48-32-C-c
xóm 7 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 47"	105° 32' 19"					E-48-32-C-c
xóm 7 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 56"	105° 33' 35"					E-48-32-C-c
xóm 8 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 19"	105° 32' 29"					E-48-32-C-c
xóm 8 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 55"	105° 33' 43"					E-48-32-C-c
xóm 9 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 12"	105° 32' 39"					E-48-32-C-c
xóm 9 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 53"	105° 33' 51"					E-48-32-C-c
xóm 10 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 08"	105° 32' 41"					E-48-32-C-c
xóm 10 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 09"	105° 33' 11"					E-48-32-C-c
xóm 11 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 06"	105° 32' 46"					E-48-32-C-c
xóm 11 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 59"	105° 32' 53"					E-48-32-C-c
xóm 12 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 02"	105° 32' 51"					E-48-32-C-c
xóm 12 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 54"	105° 32' 34"					E-48-32-C-c
xóm 13 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 53"	105° 32' 10"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Hoà Hội	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 21"	105° 34' 59"						E-48-32-C-a	
sông Lam Trà	TV	xã Nam Cát	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"		E-48-32-C-a	
xóm Mỹ Thiện	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 08"	105° 36' 05"						E-48-32-C-a	
xóm Phú Nhuận	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 54"	105° 34' 47"						E-48-32-C-a	
xóm Quý Đức	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 35' 39"						E-48-32-C-a	
xóm Thọ Mới	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 39' 09"	105° 34' 56"						E-48-32-C-a	
xóm Thuận Mỹ	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 39"	105° 35' 04"						E-48-32-C-a	
xóm Trung Lang	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 40"	105° 35' 32"						E-48-32-C-c	
xóm 1	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 36' 00"	105° 35' 19"						E-48-32-C-c	
xóm 2	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 50"	105° 35' 27"						E-48-32-C-c	
xóm 3A	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 36' 05"	105° 35' 35"						E-48-32-C-c	
xóm 3B	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 59"	105° 35' 38"						E-48-32-C-c	
xóm 4	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 36' 00"						E-48-32-C-c	
xóm 5	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 22"	105° 36' 09"						E-48-32-C-c	
xóm 6	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 36' 08"						E-48-32-C-c	
xóm 7	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 57"	105° 36' 11"						E-48-32-C-c	
xóm 8	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 49"	105° 36' 07"						E-48-32-C-c	
xóm 9	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 07"	105° 35' 38"						E-48-32-C-c	
xóm 10	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 38"	105° 35' 41"						E-48-32-C-c	
Sông Lam	TV	xã Nam Cường	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-c	
cầu Yên Xuân	KX	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 49"	105° 36' 45"						E-48-32-C-c	
xóm 1	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 06"	105° 35' 03"						E-48-32-C-a	
xóm 2	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 01"	105° 35' 12"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 03"	105° 35' 22"						E-48-32-C-a	
xóm 4	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 35' 18"						E-48-32-C-a	
xóm 5	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 51"	105° 35' 29"						E-48-32-C-a	
xóm 6	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 05"	105° 35' 31"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 58"	105° 36' 05"						E-48-32-C-a	
xóm 8	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 26"	105° 35' 31"						E-48-32-C-a	
xóm 9	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 20"	105° 35' 26"						E-48-32-C-a	
xóm 10	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 35' 03"						E-48-32-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 34' 44"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 45"	105° 36' 07"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 539	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 40' 24'	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"	E-48-32-C-a
mộ Bà Hoàng Thị Loan	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 32"	105° 34' 56"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn					18° 45' 12"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Núi Mượu	SV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 21"	105° 36' 13"					E-48-32-C-a
hồ Rú Dơi	TV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 35' 40"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-d, E-48-31-D
xóm Ba Hai	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 32"	105° 26' 09"					E-48-31-B-d
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 01"	105° 25' 18"					E-48-31-B-d
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 08"	105° 24' 55"					E-48-31-B-d
núi Đá Đen	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 57"	105° 24' 15"					E-48-31-B-d
xóm Đình Long 1	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 31"	105° 24' 51"					E-48-31-B-d
xóm Đình Long 2	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 45"	105° 24' 56"					E-48-31-B-d
núi Động Cáo	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 47' 41"	105° 25' 33"					E-48-31-B-d
xóm Hồng Lam	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 03"	105° 26' 02"					E-48-31-B-d
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 44' 49"	105° 25' 42"					E-48-31-B-d
xóm Hưng Thành	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 11"	105° 26' 36"					E-48-31-B-d
xóm Lam Sơn	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 36"	105° 25' 24"					E-48-31-B-d
núi Thần Tuy	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 51"	105° 27' 12"					E-48-31-D
xóm Tiên Phong	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 10"	105° 25' 28"					E-48-31-B-d
đập Trang Đen	TV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 02"	105° 25' 31"			19° 26' 37"	105° 33' 24"	E-48-32-C-c
quốc lộ 15	KX	xã Nam Kim	H. Nam Đàn					105° 26' 54"	18° 33' 35"	E-48-32-C-c
xóm Đa Lộc	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 11"	105° 33' 08"					E-48-32-C-c
xóm Đặc Sản	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 34"	105° 32' 58"					E-48-32-C-c
Núi Dải	SV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 43"	105° 32' 59"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
xóm Động Dải	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 41"	105° 33' 02"					E-48-32-C-c
xóm Động Táng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 03"	105° 32' 31"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Eo Vòng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 45"	105° 32' 00"					E-48-32-C-c
xóm Hạ Truy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 27"	105° 35' 01"					E-48-32-C-c
xóm Hậu Láng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 26"	105° 34' 39"					E-48-32-C-c
Xóm Hùng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 51"	105° 33' 05"					E-48-32-C-c
xóm Hưng Mỏ	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 38"	105° 32' 41"					E-48-32-C-c
xóm Khe Cao	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 17"	105° 31' 42"					E-48-32-C-c
xóm Khe Lau	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 10"	105° 31' 55"					E-48-32-C-c
xóm Khe Nước	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 11"	105° 33' 12"					E-48-32-C-c
xóm Mảnh San	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 19"	105° 33' 04"					E-48-32-C-c
Làng Mới	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 24"	105° 32' 25"					E-48-32-C-c
xóm Môn Định	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 52"	105° 32' 08"					E-48-32-C-c
xóm Nhà Hiếu	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 32' 51"					E-48-32-C-c
xóm Tam Giáp	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 41"	105° 34' 23"					E-48-32-C-c
Hồ Thành	TV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 27"	105° 32' 15"					E-48-32-C-c
xóm Thung Huyện	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 53"	105° 33' 03"					E-48-32-C-c
xóm Thượng Truy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 33"	105° 34' 47"					E-48-32-C-c
xóm Tiền Láng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 16"	105° 34' 36"					E-48-32-C-c
xóm Trang Này	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 22"	105° 32' 50"					E-48-32-C-c
xóm Yên Mã	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 43"	105° 33' 41"					E-48-32-C-c
xóm Yên Vĩnh	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 20"	105° 33' 21"					E-48-32-C-c
xóm Yên Vực	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 52"	105° 33' 25"					E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 31"	105° 32' 31"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 51"	105° 32' 18"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 58"	105° 32' 05"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 03"	105° 32' 22"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 55"	105° 32' 30"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 00"	105° 32' 46"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 52"	105° 33' 01"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 51"	105° 33' 18"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 14"	105° 34' 19"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 37"	105° 34' 27"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm 11	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 56"	105° 34' 05"						E-48-32-C-a	
xóm 12	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 43' 10"	105° 33' 57"						E-48-32-C-a	
xóm 13	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 45"	105° 33' 46"						E-48-32-C-a	
quốc lộ 46	KX	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-a	
đường tỉnh 539	KX	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 40' 24"	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"		E-48-32-C-a	
núi Đại Huệ	SV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 43' 21"	105° 34' 40"						E-48-32-C-a	
Sông Đào	TV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn					18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	E-48-32-C-a	
sông Lam Trà	TV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn					18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 30"	105° 29' 36"						E-48-31-D	
xóm 2	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 16"	105° 29' 47"						E-48-31-D	
xóm 3	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 00"	105° 29' 49"						E-48-31-D	
xóm 4	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 49"	105° 29' 44"						E-48-31-D	
xóm 5	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 43"	105° 29' 50"						E-48-31-D	
xóm 6	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 19"	105° 29' 56"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 29' 43"						E-48-31-D	
xóm 8	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 09"	105° 30' 05"						E-48-32-C-a	
xóm 9	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 01"	105° 30' 19"						E-48-32-C-a	
xóm 10	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 38' 38"	105° 30' 26"						E-48-32-C-a	
quốc lộ 15	KX	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-31-D, E-48-32-C-a	
đường tỉnh 533	KX	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"		E-48-31-D, E-48-32-C-a	
Làng Chải	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 38"	105° 29' 55"						E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 16"	105° 27' 15"						E-48-31-B-d	
xóm 2	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 09"	105° 27' 24"						E-48-31-B-d	
xóm 3	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 47"	105° 27' 01"						E-48-31-B-d	
xóm 4	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 27' 22"						E-48-31-B-d	
xóm 5	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 42"	105° 27' 42"						E-48-31-B-d	
xóm 6	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 51"	105° 27' 50"						E-48-31-B-d	
xóm 7	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 45"	105° 28' 12"						E-48-31-B-d	
xóm 8	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 58"	105° 28' 26"						E-48-31-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm 9	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 32"	105° 27' 55"						E-48-31-B-d	
xóm 10	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 38"	105° 27' 38"						E-48-31-B-d	
xóm 11	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 16"	105° 27' 34"						E-48-31-B-d	
quốc lộ 15	KX	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-31-B-d, E-48-31-D	
Suối Cam	TV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn			18° 45' 40"	105° 27' 15"	18° 44' 21"	105° 29' 08"		E-48-31-B-d	
đập Cửa Ông	TV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 40"	105° 27' 15"						E-48-31-B-d	
núi Thần Tuy	SV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 46' 51"	105° 27' 12"						E-48-31-B-d	
xóm 1	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 22"	105° 34' 25"						E-48-32-C-c	
xóm 2	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 34' 54"						E-48-32-C-c	
xóm 3	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 35' 09"						E-48-32-C-c	
xóm 4	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 23"	105° 35' 10"						E-48-32-C-c	
xóm 5	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 16"	105° 34' 56"						E-48-32-C-c	
xóm 6	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 34' 56"						E-48-32-C-c	
xóm 7	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 14"	105° 35' 09"						E-48-32-C-c	
xóm 8	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 35' 11"						E-48-32-C-c	
Hội Đồng	TV	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"		E-48-32-C-c	
xóm 1	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 21"	105° 28' 21"						E-48-31-D	
xóm 2	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 02"	105° 28' 29"						E-48-31-D	
xóm 3	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 15"	105° 28' 39"						E-48-31-D	
xóm 4	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 09"	105° 29' 03"						E-48-31-D	
xóm 5	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 53"	105° 28' 59"						E-48-31-D	
xóm 6	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 41"	105° 29' 05"						E-48-31-D	
xóm 7	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 38"	105° 29' 13"						E-48-31-D	
quốc lộ 15	KX	xã Nam Tân	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"		E-48-31-D	
núi Động Chúa	SV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 39' 51"	105° 28' 01"						E-48-31-D	
Sông Lam	TV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-31-D, E-48-32-C-a	
cầu Nam Đàn	KX	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 29' 37"						E-48-31-D	
Núi Voi	SV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 09"	105° 28' 53"						E-48-31-D	
xóm 1	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 10"	105° 26' 40"						E-48-31-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 2	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 13"	105° 26' 57"						E-48-31-D	
xóm 3	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 42' 59"	105° 27' 14"						E-48-31-D	
xóm 4	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 02"	105° 27' 34"						E-48-31-D	
xóm 5	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 41"	105° 27' 15"						E-48-31-D	
xóm 6	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 42"	105° 26' 55"						E-48-31-D	
xóm 7	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 44' 01"	105° 26' 32"						E-48-31-D	
xóm 8	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 42' 35"	105° 27' 30"						E-48-31-D	
quốc lộ 15	KX	xã Nam Thái	H. Nam Đàn					19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Nam Thái	H. Nam Đàn					18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Nam Thái	H. Nam Đàn					18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
xóm 1A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 17"	105° 30' 12"							E-48-32-C-a
xóm 1B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 49"	105° 30' 22"							E-48-32-C-a
xóm 2A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 08"	105° 30' 05"							E-48-32-C-a
xóm 2B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 37"	105° 30' 20"							E-48-32-C-a
xóm 3A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 15"	105° 29' 57"							E-48-32-C-a
xóm 3B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 59"	105° 30' 18"							E-48-31-D
xóm 4A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 28"	105° 30' 04"							E-48-31-D
xóm 4B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 18"	105° 30' 06"							E-48-31-D
xóm 5A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 34"	105° 29' 53"							E-48-31-D
xóm 5B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 29' 45"							E-48-31-D
xóm 6A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 46"	105° 29' 13"							E-48-31-D
xóm 6B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 36"	105° 29' 46"							E-48-31-D
xóm 7A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 47"	105° 29' 53"							E-48-32-C-a
xóm 7B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 53"	105° 29' 25"							E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 45"	105° 29' 33"							E-48-31-D
xóm 9B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 35"	105° 29' 07"							E-48-31-B-d
xóm 10B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 42"	105° 28' 54"			18° 45' 40"	105° 27' 15"	18° 44' 21"	105° 29' 08"	E-48-31-B-d
Suối Cam	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn									E-48-31-D
núi Cồn Túi	SV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 08"	105° 28' 36"							E-48-31-B-d
đập Đá Hân	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 53"	105° 28' 46"							E-48-31-B-d
núi Đá Mài	SV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 46' 01"	105° 29' 24"							E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
đập Hưng Cốc	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 30' 37"						E-48-32-C-a	
đập Rào Báng	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 02"	105° 29' 56"						E-48-31-D	
xóm 1	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 08"	105° 26' 35"						E-48-31-D	
xóm 2	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 00"	105° 26' 48"						E-48-31-D	
xóm 3	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 27' 09"						E-48-31-D	
xóm 4	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 12"	105° 27' 51"						E-48-31-D	
xóm 5	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 34"	105° 28' 01"						E-48-31-D	
Núi Đụn	SV	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 42' 07"	105° 28' 04"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-31-D	
Sông Lam	TV	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn								E-48-32-C-c	
xóm 1	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 51"	105° 34' 04"						E-48-32-C-c	
xóm 2	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 39"	105° 33' 59"						E-48-32-C-c	
xóm 3	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 42"	105° 34' 13"						E-48-32-C-c	
xóm 4	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 41"	105° 34' 25"						E-48-32-C-c	
xóm 5	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 44"	105° 34' 34"						E-48-32-C-c	
xóm 6	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 36"	105° 34' 41"						E-48-32-C-c	
xóm 7	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 22"	105° 34' 27"						E-48-32-C-c	
xóm 8	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 21"	105° 34' 39"						E-48-32-C-c	
xóm 9	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 35' 56"	105° 34' 41"						E-48-32-C-c	
xóm 10	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 07"	105° 34' 48"						E-48-32-C-c	
xóm 11	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 22"	105° 34' 56"						E-48-32-C-c	
xóm 12	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 27"	105° 35' 03"						E-48-32-C-c	
xóm 13	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 19"	105° 35' 12"						E-48-32-C-c	
xóm 14	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 13"	105° 35' 16"	18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"		E-48-32-C-c	
Hới Đông	TV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn								E-48-32-C-c	
Núi Hốc	SV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 38"	105° 33' 41"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-a	
Sông Lam	TV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn								E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 44"	105° 31' 55"						E-48-32-C-a	
xóm 2	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 38"	105° 32' 10"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 48"	105° 32' 21"						E-48-32-C-a	
xóm 4	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 37"	105° 32' 28"						E-48-32-C-a	
xóm 5	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 16"	105° 32' 40"						E-48-32-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm 6	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 17"	105° 32' 53"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 05"	105° 33' 07"						E-48-32-C-a	
xóm 8	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 41"	105° 32' 58"						E-48-32-C-a	
xóm 9	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 36"	105° 33' 16"						E-48-32-C-a	
xóm 10	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 34"	105° 33' 32"						E-48-32-C-a	
xóm 11	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 11"	105° 33' 15"						E-48-32-C-a	
xóm 12	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 00"	105° 33' 17"						E-48-32-C-a	
Sông Đào	TV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn					18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
dãy núi Đại Huệ	SV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 32"	105° 33' 24"			18° 45' 57"	105° 30' 34"	18° 45' 19"	105° 32' 32"	E-48-32-C-c
núi Hùng Vĩ	SV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 55"	105° 32' 59"							E-48-32-C-a
đập Khe Đình	TV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn					19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 15	KX	xã Văn Diên	H. Nam Đàn					18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Văn Diên	H. Nam Đàn									E-48-31-D
xóm Bắc Sơn	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 22"	105° 29' 47"							E-48-31-D
xóm Bắc Thung	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 00"	105° 29' 03"							E-48-31-D
núi Cồn Tú	SV	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 44' 08"	105° 28' 36"							E-48-31-D
Sông Đào	TV	xã Văn Diên	H. Nam Đàn					18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm Đông Tiến	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 55"	105° 30' 19"							E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 07"	105° 28' 04"							E-48-31-D
xóm Đụn Sơn	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 23"	105° 28' 38"							E-48-31-D
xóm Hà Long	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 21"	105° 29' 15"							E-48-31-D
xóm Hồ Sơn	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 18"	105° 28' 48"							E-48-31-D
xóm Hùng Lĩnh	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 31"	105° 28' 23"			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Văn Diên	H. Nam Đàn									E-48-31-D
xóm Nam Bình	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 29"	105° 29' 49"							E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 09"	105° 29' 45"							E-48-31-D
xóm Nam Thung	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 49"	105° 28' 50"							E-48-31-D
xóm Nhật Đông	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 23"	105° 30' 27"							E-48-31-D
xóm Nhật Quang	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 20"	105° 30' 02"							E-48-31-D
xóm Quy Chính 1	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 52"	105° 29' 46"							E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm Quy Chính 2	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 48"	105° 29' 53"						E-48-31-D	
xóm Sư Phạm	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 37"	105° 29' 01"						E-48-31-D	
Núi Thung	SV	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 49"	105° 29' 01"						E-48-31-D	
xóm Trung Đông	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 35"	105° 29' 51"						E-48-31-D	
xóm Trường Long	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 58"	105° 28' 28"						E-48-31-D	
xóm Vạn An	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 08"	105° 29' 50"						E-48-31-D	
xóm Vệ Nông	DC	xã Văn Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 54"	105° 28' 53"						E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 27"	105° 30' 43"						E-48-32-C-a	
xóm 2	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 21"	105° 30' 52"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 39"	105° 31' 11"						E-48-32-C-a	
xóm 4	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 31' 06"						E-48-32-C-a	
xóm 5	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 59"	105° 31' 19"						E-48-32-C-a	
xóm 6	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 06"	105° 31' 13"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 31' 15"						E-48-32-C-a	
xóm 8	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 25"	105° 31' 18"						E-48-32-C-a	
xóm 9	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 21"	105° 31' 32"						E-48-32-C-a	
xóm 10	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 31' 30"						E-48-32-C-a	
xóm 11	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 31' 41"						E-48-32-C-a	
xóm 12	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 54"	105° 31' 16"						E-48-32-C-a	
quốc lộ 46	KX	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-C-a	
đường tỉnh 542	KX	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-a	
Sông Đào	TV	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"		E-48-32-C-a	
Sông Lam	TV	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"		E-48-32-C-a	
xóm 1	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 27"	105° 31' 57"						E-48-32-C-a	
xóm 2	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 24"	105° 32' 01"						E-48-32-C-a	
xóm 3	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 24"	105° 32' 10"						E-48-32-C-a	
xóm 4	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 26"	105° 32' 21"						E-48-32-C-a	
xóm 5	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 28"	105° 32' 28"						E-48-32-C-a	
xóm 6	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 29"	105° 32' 42"						E-48-32-C-a	
xóm 7	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 25"	105° 32' 48"						E-48-32-C-a	
xóm 8	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 25"	105° 32' 59"						E-48-32-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm 9	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 18"	105° 33' 07"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 12"	105° 33' 16"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 06"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 14"	105° 33' 26"					E-48-32-C-a
xóm 13	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 15"	105° 33' 20"					E-48-32-C-a
xóm 14	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 17"	105° 33' 32"					E-48-32-C-a
xóm 15	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 23"	105° 33' 19"					E-48-32-C-a
xóm 16	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 33"	105° 33' 08"					E-48-32-C-a
xóm 17	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 26"	105° 33' 10"					E-48-32-C-a
xóm 18	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 20"	105° 33' 19"					E-48-32-C-a
xóm 19	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 27"	105° 33' 24"					E-48-32-C-a
xóm 20	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 33"	105° 33' 26"					E-48-32-C-a
xóm 21	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 04"	105° 33' 34"					E-48-32-C-a
xóm 22	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 11"	105° 33' 44"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
quốc lộ 1	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
xóm Kim Liên	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 38' 26"					E-48-32-A-d
ga Quán Hành	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 1	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 38' 34"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 2	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 15"	105° 38' 27"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 3	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 02"	105° 38' 28"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 4	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 28"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 5	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 26"	105° 38' 28"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 6	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 38' 26"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 7	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 49"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 8	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 36"	105° 37' 57"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 9	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 39"	105° 38' 45"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 03"	105° 32' 09"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 48"	105° 32' 44"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 41"	105° 32' 51"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 49"	105° 33' 02"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 33' 08"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 33' 14"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 33' 29"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 33' 44"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 34"	105° 33' 59"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 31"	105° 34' 13"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 24"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 34' 29"					E-48-32-A-c
Núi Công	SV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 12"					E-48-32-A-c
Núi Dài	SV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 31' 17"					E-48-32-A-c
hồ Nghi Công	TV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 29"	105° 32' 21"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 10"	105° 34' 06"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 45' 50"	105° 33' 39"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 48"	105° 33' 24"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 58"	105° 33' 36"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 08"	105° 33' 40"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 06"	105° 33' 23"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 33' 43"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 33' 56"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 02"	105° 34' 09"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 07"	105° 34' 22"					E-48-32-A-c
Núi Công	SV	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 12"					E-48-32-A-c
hồ Khe Thi	TV	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 19"	105° 32' 41"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 45' 52"	105° 37' 31"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 45' 59"	105° 37' 26"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 09"	105° 37' 21"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 20"	105° 37' 27"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 31"	105° 37' 26"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)			
xóm 6	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 46"	105° 37' 21"						E-48-32-A-c	
xóm 7	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 10"	105° 37' 31"						E-48-32-A-d	
xóm 8	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 11"	105° 37' 09"						E-48-32-A-c	
xóm 9	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 08"	105° 36' 57"						E-48-32-A-c	
xóm 10	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 43"	105° 37' 15"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 33"	105° 37' 15"						E-48-32-A-d	
xóm 12	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 18"	105° 37' 19"						E-48-32-A-d	
xóm 13	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 05"	105° 37' 20"	18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"		E-48-32-A-c	
sông Chợ Cầu	TV	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-c	
xóm 1	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 36' 23"						E-48-32-A-c	
xóm 2	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 36' 16"						E-48-32-A-c	
xóm 3	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 46"	105° 35' 57"						E-48-32-A-c	
xóm 4	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 54"	105° 35' 51"						E-48-32-A-c	
xóm 5	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 53"	105° 34' 59"						E-48-32-A-c	
xóm 6	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 19"	105° 35' 20"						E-48-32-A-c	
xóm 7	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 16"	105° 35' 43"						E-48-32-A-c	
xóm 8	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 36' 12"						E-48-32-A-c	
xóm 9	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 03"	105° 36' 31"	18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-c	
Sông Cẩm	TV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-c	
Núi Chờ	SV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"						E-48-32-A-c	
Núi Khê	SV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 36' 43"						E-48-32-A-c	
đập Ô Ô	TV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 19"	105° 35' 28"						E-48-32-A-c	
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-A-c	
kênh 17	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"		E-48-32-A-c	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-32-A-c	
Sông Cẩm	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-c, E-48-32-A-d	
xóm Chợ Quán	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 59"	105° 37' 37"						E-48-32-A-c	
xóm Đức Thành	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 37' 23"						E-48-32-A-c	
xóm Hậu Hoà	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 37' 11"						E-48-32-A-c	
xóm Hoa Bắc	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 38' 26"						E-48-32-A-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
xóm Hoa Đông	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 47"	105° 38' 37"						E-48-32-A-d	
xóm Hoa Nam	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 46"	105° 38' 24"						E-48-32-A-d	
xóm Hoa Tây	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 01"	105° 37' 49"						E-48-32-A-d	
xóm Hoa Trung	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 55"	105° 38' 24"						E-48-32-A-c	
xóm Ngọc Đường	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 37' 22"						E-48-32-A-c	
cầu Phương Tích	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 36' 46"						E-48-32-A-c	
sông Phương Tích	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"		E-48-32-A-c	
xóm Thượng Thọ	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 02"	105° 37' 21"						E-48-32-A-c	
xóm Trung Thành	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 52"	105° 37' 13"						E-48-32-A-c	
xóm Vạn Tài	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 09"	105° 37' 17"						E-48-32-A-d	
xóm 1	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 41' 36"						E-48-32-A-d	
xóm 2	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 06"	105° 41' 29"						E-48-32-A-d	
xóm 3	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 41' 28"						E-48-32-A-d	
xóm 4	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 46"	105° 41' 38"						E-48-32-A-d	
xóm 5	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 46"	105° 41' 21"						E-48-32-A-d	
xóm 6	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 41' 24"						E-48-32-A-d	
xóm 7	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 32"	105° 41' 23"						E-48-32-A-d	
xóm 8	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 25"	105° 41' 13"						E-48-32-A-d	
xóm 9	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 37"	105° 40' 58"						E-48-32-A-d	
xóm 10	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 27"	105° 40' 52"						E-48-32-A-d	
xóm 11	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 41' 57"						E-48-32-A-d	
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-A-d	
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"		E-48-32-A-d	
Núi Hang	SV	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 42' 09"						E-48-32-A-d	
cầu Nghi Xá	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 41' 08"						E-48-32-A-d	
Núi Thông	SV	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	19° 19' 25"	104° 10' 59"						E-48-17-A	
xóm 1	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 11"	105° 37' 42"						E-48-32-A-d	
xóm 2	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 37' 12"						E-48-32-A-c	
xóm 3	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 49' 19"	105° 37' 05"						E-48-32-A-c	
xóm 4	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 28"	105° 35' 53"						E-48-32-A-d	
xóm 5	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 36' 37"						E-48-32-A-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 6	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 40"	105° 36' 11"						E-48-32-A-c	
xóm 7	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 53"	105° 36' 06"						E-48-32-A-c	
xóm 8	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 51"	105° 36' 20"						E-48-32-A-c	
xóm 9	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 49"	105° 36' 42"						E-48-32-A-c	
xóm 10	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 49"	105° 36' 52"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 52"	105° 37' 03"						E-48-32-A-c	
xóm 12	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 45"	105° 37' 10"						E-48-32-A-c	
xóm 13	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 48"	105° 37' 18"						E-48-32-A-c	
xóm 14	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 37' 20"						E-48-32-A-d	
xóm 15	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 37' 36"						E-48-32-A-d	
Sông Cấm	TV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-c, E-48-32-A-d	
núi Thần Vũ	SV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 52' 02"	105° 35' 42"						E-48-32-A-c	
đèo Trường Sát	SV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 51' 09"	105° 37' 19"						E-48-32-A-c	
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-A-d	
Núi Hang	SV	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 42' 09"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Đền	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 30"	105° 42' 15"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Đông	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 42' 13"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Nghĩa	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 20"	105° 41' 37"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Sơn	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 41' 48"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Tân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 11"	105° 41' 44"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Thịnh	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 45"	105° 42' 08"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Tiến	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 28"	105° 41' 58"						E-48-32-A-d	
xóm Khánh Trung	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 38"	105° 42' 16"						E-48-32-A-d	
xóm Long Chùa	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 41' 25"						E-48-32-A-d	
xóm Long Đồng	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 41' 16"						E-48-32-A-d	
xóm Long Đồng	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 50"	105° 41' 19"						E-48-32-A-d	
xóm Long Nam	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 41' 21"						E-48-32-A-d	
xóm Long Tân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 34"	105° 41' 37"						E-48-32-A-d	
xóm Long Thi	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 26"	105° 41' 28"						E-48-32-A-d	
xóm Long Xuân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 54"	105° 41' 39"						E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
xóm 1A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 30' 37"						E-48-32-A-c	
xóm 1B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 30' 39"						E-48-32-A-c	
xóm 2	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 41"	105° 30' 17"						E-48-32-A-c	
xóm 3	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 46"	105° 30' 04"						E-48-32-A-c	
xóm 4	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 20"	105° 30' 22"						E-48-31-B-d	
xóm 5	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 55"	105° 29' 51"						E-48-31-B-d	
xóm 6	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 36"	105° 29' 43"						E-48-31-B-d	
xóm 7	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 29' 30"						E-48-31-B-d	
xóm 8	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 24"	105° 29' 16"						E-48-31-B-d	
xóm 9	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 02"	105° 29' 12"						E-48-31-B-d	
xóm 10A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 55"	105° 29' 26"						E-48-32-A-c	
xóm 10B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 48"	105° 29' 40"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 18"	105° 30' 28"						E-48-31-B-d	
xóm 12A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 34"	105° 30' 06"						E-48-32-A-c	
xóm 12B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 30"	105° 29' 52"						E-48-31-B-d	
xóm 13A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 30' 08"						E-48-32-A-c	
xóm 13A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 30' 07"						E-48-31-B-d	
xóm 13B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 55"	105° 29' 44"						E-48-31-B-d	
xóm 14A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 51"	105° 29' 06"						E-48-31-B-d	
xóm 14B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 29' 02"						E-48-31-B-d	
xóm 15A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 38"	105° 28' 49"						E-48-31-B-d	
xóm 15B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 28' 45"						E-48-31-B-d	
xóm 16	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 13"	105° 28' 56"						E-48-31-B-d	
xóm 17	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 28' 42"						E-48-31-B-d	
xóm 18	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 31"	105° 28' 18"						E-48-31-B-d	
xóm 19	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 48"	105° 28' 14"						E-48-31-B-d	
xóm 20	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 11"	105° 28' 17"						E-48-31-B-d	
xóm 21	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc			18° 49' 36"	105° 27' 12"	18° 48' 38"	105° 31' 04"		E-48-31-B-d, E-48-32-A-c	
sông Bàn Thẩn	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc								E-48-31-B-d	
đập Đường Trẹ	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 47' 38"	105° 28' 06"						E-48-31-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đập Khe Lăng	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 18"	105° 29' 30"						E-48-31-B-d	
đập Khe Nu	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 30' 13"						E-48-32-A-c	
Núi Tượng	SV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 16"	105° 30' 07"						E-48-32-A-c	
Núi Voi	SV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 41' 09"	105° 28' 53"						E-48-31-D	
xóm 1	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 30' 51"						E-48-32-A-c	
xóm 2	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 50' 04"	105° 31' 00"						E-48-32-A-c	
xóm 3	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 52"	18° 50' 04"						E-48-32-A-c	
xóm 4	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 54"	105° 32' 05"						E-48-32-A-c	
xóm 5	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 43"	105° 32' 20"						E-48-32-A-c	
xóm 6	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 14"	105° 31' 40"						E-48-32-A-c	
xóm 8	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 05"	105° 31' 42"						E-48-32-A-c	
xóm 9	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 31' 55"						E-48-32-A-c	
xóm 10	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 49"	105° 31' 55"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 01"	105° 32' 05"						E-48-32-A-c	
xóm 12	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 32' 11"						E-48-32-A-c	
xóm 13	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 18"	105° 32' 01"						E-48-32-A-c	
xóm 14	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 05"	105° 32' 13"						E-48-32-A-c	
xóm 15	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 28"	105° 32' 48"						E-48-32-A-c	
xóm 16	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 32' 31"						E-48-32-A-c	
xóm 17	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 32' 12"						E-48-32-A-c	
xóm 18	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 31' 50"						E-48-32-A-c	
xóm 19	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 04"	105° 31' 16"						E-48-32-A-c	
xóm 20	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 17"	105° 31' 07"						E-48-32-A-c	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-32-A-c	
Núi Dài	SV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 31' 17"						E-48-32-A-c	
núi Đại Vạc	SV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 51' 36"	105° 33' 09"						E-48-32-A-c	
hồ Khe Gõ	TV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 50' 19"	105° 32' 13"						E-48-32-A-c	
sông Tân Giai	TV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc			18° 49' 36"	105° 27' 12"	18° 48' 38"	105° 31' 04"		E-48-32-A-c	
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-A-d	
xóm 1	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 50' 14"	105° 38' 59"						E-48-32-A-d	
xóm 2	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 38' 54"						E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 3	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 44"	105° 39' 19"						E-48-32-A-d	
xóm 4	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 39' 22"						E-48-32-A-d	
xóm 5	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 41"	105° 39' 23"						E-48-32-A-d	
xóm 6	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 42"	105° 39' 02"						E-48-32-A-d	
xóm 7	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 09"	105° 39' 18"						E-48-32-A-d	
xóm 8	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 08"	105° 39' 33"						E-48-32-A-d	
xóm 9	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 25"	105° 39' 38"						E-48-32-A-d	
xóm 10	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 39' 33"						E-48-32-A-d	
xóm 11	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 20"	105° 39' 32"						E-48-32-A-d	
xóm 12	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 04"	105° 39' 15"						E-48-32-A-d	
xóm 13	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 51"	105° 39' 26"						E-48-32-A-d	
xóm 14	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 46"	105° 38' 49"						E-48-32-A-d	
xóm 15	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 30"	105° 39' 18"						E-48-32-A-d	
xóm 16	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 39' 08"	18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-d	
Sông Cấm	TV	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-c	
xóm 1	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 32' 55"						E-48-32-A-c	
xóm 2	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 32' 53"						E-48-32-A-c	
xóm 3	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 55"	105° 33' 06"						E-48-32-A-c	
xóm 4	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 33' 29"						E-48-32-A-c	
xóm 5	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 34"	105° 33' 44"						E-48-32-A-c	
xóm 6	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 01"	105° 33' 20"						E-48-32-A-c	
xóm 7	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 27"	105° 34' 05"						E-48-32-A-c	
xóm 8	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 34' 15"						E-48-32-A-c	
xóm 9	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 34' 41"						E-48-32-A-c	
xóm 10	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 13"	105° 33' 39"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 33' 21"						E-48-32-A-c	
xóm 12	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 17"	105° 33' 15"						E-48-32-A-c	
xóm 13	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 22"	105° 33' 01"						E-48-32-A-c	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-c	
Núi Chờ	SV	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"						E-48-32-A-c	
xóm 1	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 28"	105° 42' 05"	18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 2	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 46"	105° 41' 50"					E-48-32-A-d		
xóm 3	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 36"	105° 41' 34"					E-48-32-A-d		
xóm 4	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 18"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d		
xóm 5	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b		
xóm 6	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 41' 56"					E-48-32-C-b		
xóm 7	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 53"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b		
xóm 8	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 55"	105° 42' 38"					E-48-32-C-b		
xóm 9	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 41"	105° 42' 27"					E-48-32-C-b		
xóm 10	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 07"	105° 42' 24"					E-48-32-C-b		
xóm 11	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 10"	105° 42' 47"					E-48-32-C-b		
xóm 12	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 24"	105° 43' 09"					E-48-32-C-b		
xóm 13	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 17"	105° 43' 05"					E-48-32-C-b		
xóm 14	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 13"	105° 43' 09"					E-48-32-C-b		
xóm 15	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 50"	105° 43' 07"					E-48-32-C-b		
xóm 16	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 49"	105° 42' 58"					E-48-32-C-b		
xóm 17	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 57"	105° 42' 34"					E-48-32-C-b		
xóm 18	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 06"	105° 42' 10"					E-48-32-C-b		
xóm 19	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 43"	105° 42' 10"					E-48-32-C-b		
xóm 20	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 49"	105° 42' 47"					E-48-32-C-b		
xóm 21	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 31"	105° 42' 26"					E-48-32-C-b		
xóm 22	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 06"	105° 42' 38"					E-48-32-C-b		
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d		
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b		
xóm 1	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 36' 45"					E-48-32-A-c		
xóm 2	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 23"	105° 36' 41"					E-48-32-A-c		
xóm 3	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 39"	105° 36' 20"					E-48-32-A-c		
xóm 4	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 24"	105° 36' 07"					E-48-32-A-c		
xóm 5	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 35' 50"					E-48-32-A-c		
xóm 6	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 35' 46"					E-48-32-A-c		
xóm 7	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 54"	105° 35' 28"					E-48-32-A-c		
xóm 8	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 42"	105° 35' 05"					E-48-32-A-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm 9	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 06"	105° 35' 11"						E-48-32-A-c	
xóm 10	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 15"	105° 33' 50"						E-48-32-A-c	
xóm 11	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 21"	105° 33' 53"						E-48-32-A-c	
xóm 12	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 31"	105° 33' 58"						E-48-32-A-c	
xóm 13	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 36"	105° 34' 06"						E-48-32-A-c	
xóm 14	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 45"	105° 34' 07"						E-48-32-A-c	
xóm 15	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 50' 01"	105° 34' 03"						E-48-32-A-c	
xóm 16	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 50' 11"	105° 34' 30"						E-48-32-A-c	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-32-A-c, E-48-32-A-d,	
Sông Cấm	TV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-c	
Núi Chờ	SV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"						E-48-32-A-c	
Núi Khê	SV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 36' 43"						E-48-32-A-c	
cầu Phương Tích	KX	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 36' 46"						E-48-32-A-d	
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-A-d	
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"		E-48-32-A-d	
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 25"	105° 40' 00"						E-48-32-A-d	
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 41' 05"						E-48-32-A-d	
Cầu Cấm	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 39' 01"						E-48-32-A-d	
Sông Cấm	TV	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"		E-48-32-A-d	
cầu Nghi Xá	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 41' 08"						E-48-32-A-d	
hồ Sầu Lầy	TV	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 13"	105° 40' 46"						E-48-32-A-d	
xóm Tân Lập 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 41' 05"						E-48-32-A-d	
xóm Tân Lập 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 22"	105° 41' 10"						E-48-32-A-d	
xóm Thành Vinh 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 41' 06"						E-48-32-A-d	
xóm Thành Vinh 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 42"	105° 41' 13"						E-48-32-A-d	
xóm Trung Tiến	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 41"	105° 41' 01"						E-48-32-A-d	
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"		E-48-32-A-d	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-32-A-d	
xóm Bắc Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 04"	105° 42' 26"						E-48-32-A-d	
xóm Đại Cừ	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 15"	105° 43' 05"						E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đông Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 06"	105° 42' 52"						E-48-32-A-d	
xóm Nam Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 45' 55"	105° 42' 36"						E-48-32-A-d	
cầu Nha La	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 18"	105° 41' 33"						E-48-32-A-d	
xóm Tây Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 45' 59"	105° 42' 17"						E-48-32-A-d	
xóm Trung Khánh	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 35"	105° 42' 43"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Hoa	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 41' 54"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Hoà	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 24"	105° 41' 51"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Lạc	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 10"	105° 41' 41"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Phúc	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 46"	105° 42' 02"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 29"	105° 41' 49"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 01"	105° 41' 56"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Tiến	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 14"	105° 41' 59"						E-48-32-A-d	
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-b	
đường tỉnh 542	KX	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"		E-48-32-C-b	
sông Rào Đồng	TV	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"		E-48-32-C-b	
xóm Thái Bình	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 30"	105° 44' 05"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Cát	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 23"	105° 44' 30"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Hoà	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 43' 05"	105° 43' 22"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Học	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 35"	105° 44' 30"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Hưng	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 16"	105° 43' 55"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Lộc	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 28"	105° 43' 44"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Phúc	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 54"	105° 43' 43"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Quang	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 30"	105° 44' 19"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Sơn	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 33"	105° 43' 24"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Thịnh	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 43' 11"	105° 43' 01"						E-48-32-C-b	
xóm Thái Thọ	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 56"	105° 43' 00"						E-48-32-C-b	
xóm Bắc Thịnh	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 13"	105° 42' 06"						E-48-32-A-d	
Xóm Bần	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 14"	105° 42' 16"						E-48-32-A-d	
xóm Chùa 1	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 20"	105° 42' 03"						E-48-32-A-d	
xóm Chùa 2	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 15"	105° 41' 46"						E-48-32-A-d	
cảng Cửa Lò	KX	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 49' 47"	105° 42' 21"						E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 1	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 50' 05"	105° 38' 23"					E-48-32-A-d		
xóm 2	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 49"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d		
xóm 3	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 36"	105° 38' 19"					E-48-32-A-d		
xóm 4	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 24"	105° 38' 15"					E-48-32-A-d		
xóm 5	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 20"	105° 38' 16"					E-48-32-A-d		
xóm 6	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 16"	105° 38' 13"					E-48-32-A-d		
xóm 7	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 04"	105° 37' 34"					E-48-32-A-d		
xóm 8	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 37' 37"					E-48-32-A-d		
xóm 9	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 37' 49"					E-48-32-A-d		
xóm 10	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 54"	105° 37' 45"					E-48-32-A-d		
xóm 11	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 38' 01"					E-48-32-A-d		
xóm 12	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 15"	105° 38' 35"					E-48-32-A-d		
xóm 13	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 11"	105° 38' 32"					E-48-32-A-d		
xóm 14	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 23"	105° 38' 36"					E-48-32-A-d		
xóm 15	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 38' 36"					E-48-32-A-d		
xóm 16	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 12"	105° 38' 48"					E-48-32-A-d		
xóm 17	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d		
Sông Cấm	TV	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d		
xóm Nhân Hoà	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 37' 42"					E-48-32-A-d		
xóm 1	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 34"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d		
xóm 2	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 27"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d		
xóm 3	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 23"	105° 40' 30"					E-48-32-A-d		
xóm 4	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 07"	105° 40' 29"					E-48-32-A-d		
xóm 5	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 23"	105° 40' 45"					E-48-32-A-d		
xóm 6	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 05"	105° 40' 48"					E-48-32-A-d		
xóm 7	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 03"	105° 41' 20"					E-48-32-A-d		
xóm 8	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	105° 41' 13"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d		
xóm 9	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 51"	105° 41' 26"					E-48-32-A-d		
xóm 10	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 40"	105° 41' 34"					E-48-32-A-d		
xóm 11	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 33"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm 12	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 17"	105° 41' 38"						E-48-32-A-d	
xóm 13	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 08"	105° 41' 21"						E-48-32-A-d	
xóm 14	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 27"	105° 40' 32"						E-48-32-A-d	
động Ba Vung	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 50"	105° 39' 04"						E-48-32-A-d	
	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 36' 06"	105° 32' 36"						E-48-32-A-d	
	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 37"	105° 41' 47"						E-48-32-A-d	
Núi Giun	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-A-d	
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-d	
xóm 4	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 04"	105° 38' 33"						E-48-32-A-d	
xóm 5	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 02"	105° 38' 30"						E-48-32-A-d	
xóm 6	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 42"	105° 38' 41"						E-48-32-A-d	
xóm 7	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 07"	105° 39' 13"						E-48-32-A-d	
xóm 8	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 26"	105° 39' 21"						E-48-32-A-d	
xóm 9	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 30"	105° 39' 09"						E-48-32-A-d	
xóm 10	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 22"	105° 38' 51"						E-48-32-A-d	
xóm 11	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 38' 57"						E-48-32-A-d	
xóm 12	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 00"	105° 38' 59"						E-48-32-A-d	
xóm 13	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 07"	105° 39' 08"						E-48-32-A-d	
xóm 14	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 19"	105° 39' 22"						E-48-32-A-d	
xóm 15	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 24"	105° 39' 45"						E-48-32-A-d	
xóm 17	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 56"	105° 39' 23"						E-48-32-A-d	
xóm 18	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 39' 24"						E-48-32-A-d	
xóm 19	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 08"	105° 39' 42"						E-48-32-A-d	
xóm 20	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 55"	105° 39' 43"						E-48-32-A-d	
xóm 21	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 50"	105° 39' 57"						E-48-32-A-d	
xóm 22	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 00"	105° 38' 52"						E-48-32-A-d	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-32-A-d	
Cầu Nhon	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 03"	105° 39' 36"						E-48-32-A-d	
ga Quán Hành	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 38' 44"						E-48-32-A-d	
xóm 1	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 39' 59"						E-48-32-A-d	
xóm 2	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 52"	105° 40' 10"						E-48-32-A-d	
xóm 3	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 40"	105° 40' 14"						E-48-32-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 34"	105° 40' 05"							E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 31"	105° 39' 54"							E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 21"	105° 40' 16"							E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 29"	105° 40' 24"							E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 39"	105° 40' 35"							E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 00"	105° 40' 33"							E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 38"	105° 41' 04"							E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 03"	105° 41' 07"							E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 13"	105° 41' 27"							E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 24"	105° 41' 30"							E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 43"	105° 41' 20"							E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 41' 14"							E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 39"	105° 41' 13"							E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 41' 05"							E-48-32-A-d
xóm 18	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 14"	105° 40' 45"			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc									E-48-32-A-d
xóm Bệnh Viện	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 39' 55"							E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 31' 11"							E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 32"	105° 30' 12"							E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 16"	105° 29' 59"							E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 21"	105° 30' 39"							E-48-32-A-c
xóm 5A	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 05"	105° 30' 17"							E-48-32-A-c
xóm 5B	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 22"	105° 30' 22"							E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 02"	105° 30' 08"							E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 29' 50"							E-48-31-B-d
xóm 8 + 9	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 51"	105° 29' 44"							E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 57"	105° 29' 29"							E-48-31-B-d
xóm 11 + 12	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 46"	105° 29' 22"							E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 43"	105° 28' 52"							E-48-31-B-d
xóm 14	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 53"	105° 28' 59"							E-48-31-B-d
xóm 15	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 31"	105° 28' 45"							E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm 16	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 06"	105° 28' 43"						E-48-32-A-a	
xóm 17	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 59"	105° 29' 13"						E-48-32-A-a	
xóm 18	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 58"	105° 29' 25"						E-48-31-B-b	
xóm 19 + 20	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 21"	105° 29' 54"						E-48-31-B-b	
xóm 21	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 24"	105° 30' 28"						E-48-32-A-a	
xóm 22	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 31' 08"						E-48-32-A-a	
xóm 23	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 05"	105° 31' 04"						E-48-32-A-a	
xóm 24	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 07"	105° 29' 09"						E-48-32-A-a	
xóm 25	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 32"	105° 30' 51"						E-48-32-A-c	
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"		E-48-31-B-d, E-48-32-A-c	
sông Bao A	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"		E-48-31-B-d	
Đập Bưởi	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 24"	105° 31' 44"						E-48-32-A-c	
núi Động Rầy	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 45"	105° 29' 48"						E-48-31-B-b	
núi Động Ru	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 26"	105° 31' 46"						E-48-32-A-a	
hồ Khe Bưởi	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 11"	105° 31' 54"						E-48-32-A-c	
đập Khe Lách	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 23"	105° 31' 31"						E-48-32-A-c	
kênh 17	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"		E-48-32-A-c	
Núi Bạc	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 46"	105° 35' 37"						E-48-32-A-c	
xóm Bắc Bó Sơn	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 37' 27"						E-48-32-C-a	
xóm Bắc Kỳ La	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 37' 25"						E-48-32-C-a	
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 45' 20"	105° 37' 36"						E-48-32-C-a	
Sông Đào	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"		E-48-32-C-a	
xóm Đồng Vạn	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 48"	105° 37' 00"						E-48-32-C-a	
Xóm Làng	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 04"	105° 37' 32"						E-48-32-C-a	
xóm Lương Đồng	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 53"	105° 38' 29"						E-48-32-C-a	
xóm Lương Sơn	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 46"	105° 38' 22"						E-48-32-C-b	
xóm Nam Bó Sơn	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 41"	105° 37' 26"						E-48-32-C-a	
xóm Nam Kỳ La	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 44' 17"	105° 37' 27"						E-48-32-C-a	
xóm Phúc Sơn	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 45' 11"	105° 37' 38"						E-48-32-A-d	
sông Phương Tích	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"		E-48-32-A-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 10"	105° 38' 13"					E-48-32-A-d
xóm Tây Vạn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 43"	105° 36' 54"					E-48-32-C-a
xóm Thịnh Lạc	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 32"	105° 37' 28"					E-48-32-C-a
xóm Thọ Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 17"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
xóm Viên Lao	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 02"	105° 38' 26"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 28"	105° 40' 16"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 40' 20"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 40' 27"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 40' 38"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 40' 35"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 40' 20"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 44"	105° 40' 12"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 11"	105° 39' 42"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 21"	105° 39' 44"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 33"	105° 39' 57"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 39' 41"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b, E-48-32-A-d
Sông Lam	TV	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
xóm Lộc Mỹ	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 57"	105° 43' 42"					E-48-32-C-b
xóm Phong Hồ	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 08"	105° 43' 30"					E-48-32-A-d
xóm Tân Nghĩa	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 43' 33"					E-48-32-C-b
xóm Tiên Lạc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 34"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Cảnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 47"	105° 43' 58"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Dương	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 14"	105° 44' 10"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Giang	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 26"	105° 44' 03"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Khánh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Lan	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 36"	105° 43' 58"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Lộc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 29"	105° 43' 50"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Phúc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 18"	105° 43' 08"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 10"	105° 43' 25"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Tân	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 08"	105° 43' 52"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Tinh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 39"	105° 42' 44"						E-48-32-A-d	
xóm Xuân Trang	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 58"	105° 43' 52"						E-48-32-A-d	
xóm Yên Thịnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 27"	105° 43' 39"						E-48-32-A-d	
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"		E-48-32-A-a, E-48-32-A-c, E-48-32-A-d	
xóm 1	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 33"	105° 39' 33"						E-48-32-A-d	
xóm 2	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 36"	105° 39' 22"						E-48-32-A-d	
xóm 3	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 40"	105° 39' 10"						E-48-32-A-d	
xóm 4	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 38' 54"						E-48-32-A-d	
động Ba Vùng	SV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 50"	105° 39' 04"						E-48-32-A-b	
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 05"	105° 38' 44"						E-48-32-A-d	
Cầu Cẩm	KX	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 39' 01"			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	
Sông Cẩm	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-b	
Xóm Chùa	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 02"	105° 39' 11"						E-48-32-A-d	
sông Cửa Lò	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc								E-48-32-A-d	
xóm Cửa Mỏ	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 38' 05"						E-48-32-A-b	
Xóm Đình	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 53"	105° 38' 42"						E-48-32-A-b	
xóm Đông Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 02"	105° 38' 56"						E-48-32-A-b	
Xóm Gốm	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 40"	105° 37' 59"						E-48-32-A-b	
Xóm Lài	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 54"	105° 38' 20"						E-48-32-A-b	
sông Nhà Lê	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"		E-48-20-C-c	
xóm Tân Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 11"	105° 38' 10"						E-48-32-A-d	
xóm Tây Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 19"	105° 37' 16"						E-48-32-A-d	
xóm Tiên Phong	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 30"	105° 37' 27"						E-48-32-A-a	
xóm Trung Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 47"	105° 38' 56"						E-48-32-A-b	
xóm Trường Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 00"	105° 38' 50"						E-48-32-A-b	
xóm Tùng Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 18"	105° 38' 23"						E-48-32-A-b	
xóm Yên Lưu	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 58"	105° 38' 59"						E-48-32-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 44' 04"	105° 43' 59"							E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 57"	105° 43' 43"							E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 41"	105° 43' 44"							E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 24"	105° 43' 57"							E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 50"	105° 43' 22"							E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 39"	105° 44' 29"							E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 19"	105° 44' 23"							E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 05"	105° 43' 56"							E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 19"	105° 43' 39"							E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 09"	105° 44' 00"							E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 10"	105° 44' 17"							E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 42' 55"	105° 44' 26"							E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 04"	105° 44' 31"							E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 13"	105° 44' 33"							E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 09"	105° 44' 43"							E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 42' 50"	105° 44' 49"							E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 23"	105° 44' 39"			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
xóm Bình Minh	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 23"	105° 44' 39"							E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc					19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-D-a
xóm Ngự Phong	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 44' 05"	105° 44' 13"							E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc					18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 531	KX	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn					19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
Khe Nghĩa	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn					19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
hồ Ông Hoa	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 27' 56"							E-48-19-B-d
hồ Ông Kỳ	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 26"	105° 27' 46"							E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn					19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
khối Tân An	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 07"	105° 29' 04"							E-48-19-B-d
khối Tân Cường	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 27"	105° 29' 31"							E-48-19-B-d
khối Tân Đồng	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 36"							E-48-19-B-d
khối Tân Đức	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 33"	105° 29' 15"							E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
khối Tân Hiếu	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 31"	105° 29' 30"						E-48-19-B-d	
khối Tân Hoà	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 16"	105° 29' 47"						E-48-19-B-d	
khối Tân Hồng	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 55"	105° 29' 09"						E-48-19-B-d	
khối Tân Lâm	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 11"	105° 28' 56"						E-48-19-B-d	
khối Tân Mai	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 29' 28"						E-48-19-B-d	
khối Tân Minh	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 17"	105° 29' 29"						E-48-19-B-d	
khối Tân Thái	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 28' 45"						E-48-19-B-d	
khối Tân Thành	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 15"	105° 29' 11"						E-48-19-B-d	
khối Tân Thọ	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 05"						E-48-19-B-d	
khối Tân Tiến	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 39"	105° 28' 40"						E-48-19-B-d	
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn					19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn					19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
xóm An Mỹ	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 34"	105° 23' 19"							E-48-19-B-d
xóm Cát Tâm	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 11"	105° 23' 38"							E-48-19-B-d
Sông Con	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn					19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Đồng Minh	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 57"	105° 23' 05"							E-48-19-D-b
hồ Đồng Ngang	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 23' 24"							E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm 1	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 14"	105° 24' 31"							E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm 2	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 23"	105° 24' 46"							E-48-19-B-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 15"	105° 22' 56"							E-48-19-B-d
Hồ Gián	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 09"	105° 23' 29"			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn									E-48-19-B-d
xóm Hữu Lập	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 39"	105° 22' 38"							E-48-19-D-b
xóm Long An	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 55"	105° 22' 40"							E-48-19-B-d
xóm Nho Hạp	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 46"	105° 23' 05"							E-48-19-B-d
xóm Nho Tân	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 28"	105° 23' 33"							E-48-19-B-d
xóm Phú Yên	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 28"	105° 23' 20"							E-48-19-B-d
xóm Phúc An	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 03"	105° 23' 12"							E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn					19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
xóm Bình Hải	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 13"	105° 29' 06"							E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bình Hạnh	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 20"	105° 29' 59"					E-48-20-A-c
xóm Bình Lâm	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 04"	105° 30' 20"					E-48-20-A-c
xóm Bình Nghĩa	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 03"	105° 28' 11"					E-48-19-B-d
xóm Bình Tâm	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 35"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm Bình Thành	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 59"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm Bình Yên	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 18"	105° 30' 42"					E-48-19-B-d
xóm BìnhThái	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 03"	105° 30' 41"					E-48-19-B-d
Khe Nghĩa	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
hồ Ông Hoa	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 27' 56"					E-48-19-B-d
hồ Ông Kỳ	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 26"	105° 27' 46"					E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn.			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Suối Da	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 44"	105° 21' 18"	19° 12' 46"	105° 21' 33"	E-48-19-D-a
Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 05"	105° 20' 41"	19° 13' 44"	105° 21' 18"	E-48-19-D-a
xóm Đức Hựu	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 03"	105° 21' 08"					E-48-19-D-a
xóm Đức Lam	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 47"	105° 21' 05"					E-48-19-D-a
xóm Đức Thắng	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 57"	105° 22' 16"					E-48-19-D-a
xóm Đức Tiến	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 11"	105° 22' 07"					E-48-19-D-a
xóm Đức Tiến Tây	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 22"	105° 21' 56"					E-48-19-D-a
xóm Đức Trung	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 03"	105° 21' 30"					E-48-19-D-a
xóm Đức Xuân	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 41"	105° 21' 46"					E-48-19-D-a
xóm Hưng Minh	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 09"	105° 22' 26"					E-48-19-D-a
đập Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 20' 42"					E-48-19-D-a
hồ Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 04"	105° 20' 14"					E-48-19-D-a
Hòn Mai	SV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 25"	105° 19' 53"					E-48-19B-c, E-48-19C
Xóm Mít	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 35"	105° 21' 17"					E-48-19-D-a
Xóm Nung	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 20"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a
xóm Quang Sú	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 20' 56"					E-48-19-D-a
Xóm Ráng	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 24"	105° 20' 18"					E-48-19-B-c
xóm Rú Âm	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 11"	105° 21' 54"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c		
xóm Cát Mộng	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 02"	105° 21' 26"					E-48-19-B-c		
xóm Cát Sơn	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 57"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c		
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c		
suối Đồng Bầy	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 21"	105° 21' 08"	19° 20' 45"	105° 20' 51"	E-48-19-B-c		
xóm Lê Lai	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn							E-48-19-B-c		
xóm Lê Lợi	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn							E-48-19-B-c		
Lên Mông	SV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c		
Khe Tắm	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 16' 42"	105° 19' 35"	19° 18' 20"	105° 21' 07"	E-48-19-B-c		
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 49"	105° 19' 43"					E-48-19-B-c		
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 52"	105° 20' 00"					E-48-19-B-c		
xóm Tân Xuân	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 49"	105° 20' 35"					E-48-19-B-c		
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 00"	105° 20' 16"					E-48-20-A-c		
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c		
hồ 19/5	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 53"	105° 31' 33"					E-48-20-A-c		
xóm Bình Minh	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 40"	105° 31' 57"					E-48-20-A-c		
Suối Cãi	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b		
Xóm Chợ	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 55"					E-48-20-A-c		
Núi Chuối	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 19"	105° 31' 38"					E-48-20-A-c		
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c		
xóm Dốc Đá	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 58"	105° 31' 05"					E-48-20-A-c		
suối Đá Hân	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 16"	105° 32' 20"	19° 18' 32"	105° 33' 49"	E-48-20-A-c		
xóm Đồng Ao	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 14"	105° 30' 08"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Chùa	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 19"	105° 29' 43"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Hội 1	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 53"	105° 30' 47"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Hội 2	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 45"	105° 31' 06"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Nấp	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 46"	105° 29' 40"					E-48-19-B-d		
hồ Đồng Sắng	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 11"	105° 31' 12"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Sắng	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 49"	105° 30' 35"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Tắm	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 30' 18"					E-48-20-A-c		
xóm Đồng Thanh	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 29' 39"					E-48-19-B-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ (Độ,phút,giây)		
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 29' 46"								E-48-19-B-d
xóm Đồng Trường	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 01"	105° 30' 12"								E-48-20-A-c
xóm Hoà Hội	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 31' 14"								E-48-20-A-c
xóm Hoa Vinh Sơn	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 26"	105° 32' 24"								E-48-20-A-c
núi K7	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 32"	105° 31' 44"								E-48-20-A-c
xóm Khe Bai	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 30' 11"								E-48-20-A-c
hồ Khe Bãi	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 54"	105° 32' 00"								E-48-20-A-c
xóm Làng Cháng	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 35"	105° 33' 21"								E-48-20-A-c
Hồ Lim	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 21"	105° 30' 31"								E-48-20-A-c
Núi Lọ	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 43"	105° 29' 52"								E-48-20-A-c
xóm Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 36"	105° 32' 17"								E-48-20-A-c
hồ Săng 2	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 30"	105° 31' 00"								E-48-20-A-c
xóm Thanh Hoà	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 31' 11"								E-48-20-A-c
xóm Vinh Quang	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 25"	105° 32' 54"								E-48-20-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"				E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"				E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"				E-48-19-B-b
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"				E-48-19-B-b
Suối Dền	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 56"	105° 24' 11"	19° 20' 19"	105° 25' 04"				E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"				E-48-19-B-d
xóm Hồng Cường	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 34"	105° 22' 35"								E-48-19-B-a
xóm Hồng Đức	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 02"	105° 23' 39"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Lam	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 22"	105° 24' 58"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Lợi	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 24"	105° 23' 05"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Phú	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 23' 43"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Quang	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 19"	105° 24' 32"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Thái	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 55"	105° 21' 52"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Thắng	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 07"	105° 23' 09"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 53"	105° 22' 15"								E-48-19-B-c
xóm Hồng Thọ	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 21"	105° 23' 23"								E-48-19-B-d
xóm Hồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 43"	105° 23' 18"								E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm Hồng Trường	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 36"	105° 25' 20"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Việt	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 46"	105° 23' 27"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Yên	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 10"	105° 23' 59"					E-48-19-B-b
suối Khe Ang	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 05"	105° 22' 58"	19° 21' 45"	105° 22' 25"	E-48-19-B-b
Núi Sẻ	SV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 01"	105° 22' 00"					E-48-19-B-c
hồ 405	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 09"	105° 19' 33"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 49"	105° 20' 06"					E-48-19-B-a
làng Bình Long 1	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 08"	105° 20' 06"					E-48-19-B-c
làng Bình Long 2	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-a
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 19' 42"					E-48-19-B-c
làng Đồng Cẩn	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 58"	105° 19' 52"					E-48-19-B-c
làng Đồng Sim	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 19' 50"					E-48-19-B-c
làng Hưng Châu	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 26"	105° 18' 53"					E-48-19-B-c
làng Hưng Xuân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 34"	105° 18' 40"					E-48-19-B-c
hồ Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 19' 24"					E-48-19-B-c
làng Lam Xuân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 18' 58"					E-48-19-B-c
hồ Làng Mới	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 11"	105° 19' 58"					E-48-19-B-c
Làng Mới	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 10"	105° 19' 22"					E-48-19-B-c
làng Nghĩa Nhân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 18"	105° 19' 39"					E-48-19-B-c
làng Nhân Nghĩa	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 40"	105° 20' 07"					E-48-19-B-a
làng Phú Long	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 28"	105° 19' 47"					E-48-19-B-c
hồ Rộc Mây	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 02"	105° 18' 28"					E-48-19-B-c
cầu Sông Dinh	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 30"	105° 20' 27"					E-48-19-B-c
cầu Sông Hiếu	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 35"	105° 19' 54"					E-48-19-B-c
làng Tân Quang	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 22"	105° 20' 01"					E-48-19-B-c
Làng Thi	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 14"	105° 19' 03"					E-48-19-B-c
làng Xuân Hưng	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 09"	105° 18' 40"					E-48-19-B-c
làng Xuân Phong	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-b
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Xóm Bàu	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 52"	105° 23' 04"						E-48-19-D-b	
xóm Bến Hương	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 30"	105° 24' 28"						E-48-19-D-b	
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"		E-48-19-D-b	
xóm Cồn Nại	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 37"	105° 22' 47"						E-48-19-D-b	
Xóm Cường	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 27"	105° 23' 17"						E-48-19-D-b	
xóm Đồng Đại	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 34"	105° 22' 39"						E-48-19-D-b	
hồ Eo Sủ	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 23' 24"						E-48-19-B-d	
xóm Hạ Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 45"	105° 23' 32"						E-48-19-D-b	
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-19-B-d	
xóm Hồng Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 34"	105° 23' 33"						E-48-19-D-b	
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 48"	105° 25' 43"						E-48-19-D-b	
xóm Lĩnh Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 44"	105° 23' 29"						E-48-19-D-b	
Xóm Mét	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 55"	105° 23' 12"						E-48-19-D-b	
Xóm Mười	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 14"	105° 24' 50"						E-48-19-D-b	
xóm Tân Hợp	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 46"	105° 23' 54"						E-48-19-D-b	
xóm Tân Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 07"	105° 23' 46"						E-48-19-D-b	
xóm Thọ Lộc	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 35"	105° 23' 30"						E-48-19-D-b	
xóm Thượng Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 16"	105° 24' 06"						E-48-19-D-b	
Hòn Trọc	SV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 24' 48"						E-48-19-D-b	
Xóm Trôi	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 10"	105° 23' 12"						E-48-19-D-b	
Xóm Trù	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 29"	105° 23' 30"						E-48-19-D-b	
xóm Trung Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 05"	105° 23' 55"						E-48-19-D-b	
núi Ba Lốc	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 34"	105° 31' 45"						E-48-20-A-a	
Bó Bụi	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 25' 38"	105° 31' 39"	19° 23' 54"	105° 29' 16"		E-48-20-A-a	
Núi Đền	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 30"	105° 32' 19"						E-48-20-A-a	
Xóm Giày	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 35"	105° 30' 11"	E-48-20-A					E-48-20-A-a	
Lên Hồng	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 18"	105° 31' 43"						E-48-20-A-a	
Xóm Lạc	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 17"	105° 31' 16"	E-48-20-A					E-48-20-A-a	
Xóm Mền	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 47"	105° 30' 41"	E-48-20-A					E-48-20-A-a	
Hồ Mỏn	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 10"	105° 31' 20"						E-48-20-A-a	
Xóm Mỏn	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 13"	105° 30' 38"	E-48-20-A					E-48-20-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
Xóm Tân	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 24"	105° 30' 31"					E-48-20-A-a
suối Tơ Lương	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 27' 11"	105° 32' 00"	19° 26' 00"	105° 30' 26"	E-48-20-A-a
Xóm Vằng	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 46"	105° 30' 59"	E-48-20-A				E-48-19-B-b
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
xóm Bắc Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 16"	105° 27' 27"					E-48-19-B-b
Làng Chảo	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 22"	105° 27' 31"					E-48-19-B-b
làng Cuồn Đà	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 37"	105° 28' 07"					E-48-19-B-b
Làng Đán	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 35"	105° 26' 47"					E-48-19-B-b
xóm Đông lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 33"	105° 28' 30"					E-48-19-B-b
xóm Đồng Xan	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 23"	105° 26' 00"					E-48-19-B-b
Làng Gia	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 26' 22"			18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"			E-48-19-B-b
xóm Khe Lau	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 16"	105° 26' 14"					E-48-19-B-b
hồ Khe Yếu	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 56"	105° 25' 37"					E-48-19-B-b
xóm Khe Yếu	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 44"	105° 26' 04"					E-48-19-B-b
Làng Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 48"	105° 27' 03"					E-48-19-B-b
xóm Nam Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 02"	105° 26' 15"					E-48-19-B-b
xóm Nghĩa Chính	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 15"	105° 28' 31"			19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"			E-48-19-B-b
xóm Tân Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 53"	105° 28' 39"					E-48-19-B-b
Làng Tra	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 26' 33"					E-48-19-B-b
Làng Xám	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 24"	105° 27' 10"					E-48-19-B-b
xóm Yên Khang	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 20"	105° 26' 31"					E-48-19-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 00"	105° 27' 49"					E-48-19-B-b
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
Xóm Bai	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 13"	105° 21' 11"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 40"	105° 21' 21"					E-48-19-B-c
Khe Hữu	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 21"	105° 21' 08"	19° 20' 45"	105° 20' 51"	E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
xóm Hều 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 51"	105° 21' 33"					E-48-19-B-c
xóm Hều 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 21' 26"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 20' 57"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 21' 08"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 3	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 21' 24"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Lên Mông	SV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hiệp	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 01"	105° 20' 43"					E-48-19-B-c
Xóm Tháp	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 03"	105° 21' 07"					E-48-19-B-c
Xóm Thiét	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 25"	105° 21' 41"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 11"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 25"	105° 20' 57"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 3	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 28"	105° 21' 19"					E-48-19-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-b
xóm Áp Bồng	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 09"	105° 27' 58"					E-48-19-D-b
xóm Bình Minh	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 29' 20"					E-48-19-B-d
núi Bô Bô	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 44"	105° 27' 45"					E-48-19-D-b
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
xóm Cồn Cả	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 16"	105° 28' 47"					E-48-19-D-b
xóm Đập Đanh	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 00"	105° 27' 54"					E-48-19-D-b
xóm Đồng Phong	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 22"	105° 27' 37"					E-48-19-D-b
xóm Đồng Rành	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 51"	105° 26' 52"					E-48-19-D-b
xóm Hải Lào	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 15"	105° 26' 16"					E-48-19-D-b
xóm Hải Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 30"	105° 26' 56"					E-48-19-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-b
đập Hòn Mác	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 44"	105° 26' 32"					E-48-19-D-b
xóm Hồng Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 30"	105° 29' 08"					E-48-19-D-b
xóm Hùng Lập	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 00"	105° 28' 56"					E-48-19-D-b
Hòn Mác	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 38"	105° 26' 07"					E-48-19-D-b
xóm Khánh Tiến	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 40"	105° 27' 30"					E-48-19-D-b
xóm Khe Sài 1	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 34"	105° 25' 50"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
xóm Khe Sài 2	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 11"	105° 25' 17"						E-48-19-D-b	
xóm Kim Hồng	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 14"	105° 28' 23"						E-48-19-D-b	
xóm Mỹ Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 28"	105° 27' 23"						E-48-19-D-b	
Khe Sơn	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 10"	105° 31' 37"	19° 15' 27"	105° 29' 48"		E-48-20-C-a	
xóm Sơn Hải	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 17"	105° 25' 41"						E-48-19-D-b	
xóm Sông Lim	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 42"	105° 26' 46"						E-48-19-D-b	
Núi Sừng	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 24"	105° 30' 08"						E-48-20-C-a	
xóm Tân Hữu	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 33"	105° 29' 04"						E-48-19-D-b	
xóm Tân Lập	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 37"	105° 28' 39"						E-48-19-D-b	
xóm Tân Xuân	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 33"	105° 28' 14"						E-48-19-D-b	
xóm Tháp Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 29' 28"						E-48-19-D-b	
xóm Thịnh Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 34"	105° 28' 36"						E-48-19-D-b	
xóm Thọ Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 27' 32"						E-48-19-D-b	
Xóm Trại	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 01"	105° 28' 33"						E-48-19-D-b	
xóm Vạn Lộc 1	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 43"	105° 25' 15"						E-48-19-D-b	
xóm Vạn Lộc 2	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 42"	105° 24' 28"						E-48-19-D-b	
xóm Vĩnh Giang	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 02"	105° 28' 57"						E-48-19-D-b	
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"		E-48-20-A-a	
Núi Cốc	SV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 31' 18"						E-48-20-A-a	
xóm Hưng Nghĩa	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 38"	105° 30' 52"						E-48-20-A-a	
xóm Lung Bình	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 41"	105° 32' 11"						E-48-20-A-a	
xóm Lung Hạ	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 34"	105° 32' 11"						E-48-20-A-a	
xóm Lung Thượng	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 51"	105° 32' 19"						E-48-20-A-a	
Xóm Mít	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 28"	105° 30' 52"						E-48-20-A-a	
Khe Nghĩa	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"		E-48-20-A-a	
xóm Ngọc Hưng	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 20"	105° 30' 36"						E-48-20-A-c	
hồ Ngọc Lam	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 30' 24"						E-48-20-A-c	
xóm Ngọc Lam	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 53"	105° 30' 38"						E-48-20-A-c	
xóm Tân Cay	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 31"	105° 34' 10"						E-48-20-A-a	
xóm Tân Sỏi	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 55"	105° 31' 14"						E-48-20-A-a	
xóm Tân Thái	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 57"	105° 30' 13"						E-48-20-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Cái	TV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 15' 27"	105° 29' 48"	19° 14' 29"	105° 27' 44"	E-48-19-B-d, E-48-19-D-b		
xóm Đông Sơn/Đông	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 24"	105° 27' 42"					E-48-19-B-d		
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-b		
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 48"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Cát	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 08"	105° 28' 15"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Hoà	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 57"	105° 27' 57"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Hương	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 31"	105° 26' 54"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Khế	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 35"	105° 26' 11"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Kim	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 58"	105° 26' 12"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Long	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 49"	105° 27' 18"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Phong	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 14"	105° 26' 55"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Sơn	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 26' 46"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Tân	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 31"	105° 27' 25"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Thái	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 38"	105° 27' 59"					E-48-19-D-b		
xóm Nam Thắng	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 28"	105° 26' 18"			19° 13' 10"	105° 31' 37"	E-48-19-B-d		
Khe Sơn	TV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn					19° 13' 10"	105° 29' 48"	E-48-20-C-a		
Hòn Sường	SV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 25' 07"					E-48-19-D-b		
xóm Vạn Lộc	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 09"	105° 26' 09"					E-48-19-D-b		
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-a		
Làng Bái	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 05"	105° 21' 22"					E-48-19-B-a		
làng Bái Bằng	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 28"	105° 21' 48"					E-48-19-B-a		
Làng Bát	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 13"	105° 21' 07"					E-48-19-B-a		
Làng Bàu	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 04"	105° 22' 22"					E-48-19-B-a		
làng Bàu Thịnh	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 55"	105° 22' 29"					E-48-19-B-a		
Làng Bong	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 17"	105° 21' 52"					E-48-19-B-a		
Làng Bui	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 05"	105° 22' 10"					E-48-19-B-a		
Làng Cáo	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 04"	105° 20' 50"					E-48-19-B-a		
suối Cây Trôi	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 27' 12"	105° 20' 47"	19° 25' 38"	105° 21' 57"	E-48-19-B-a		
Suối Chai	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C		
Làng Chè	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 07"	105° 21' 13"					E-48-19-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Chuột Bạch	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 30' 30"	105° 21' 21"							E-48-19-B-a
Suối Cung	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 29' 59"	105° 21' 34"	19° 26' 21"	105° 18' 28"			E-48-19-B-a
Làng Đồn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 57"	105° 21' 57"							E-48-19-B-a
Làng Gia	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 38"	105° 22' 03"							E-48-19-B-a
Làng Giản	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 01"	105° 21' 30"							E-48-19-B-a
Làng Gióm	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 34"	105° 20' 53"							E-48-19-B-a
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"			E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"			E-48-19-B-a
Suối Hòn	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 30' 45"	105° 20' 49"	19° 28' 13"	105° 17' 39"			E-48-19-B-a
suối Khe Ang	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 05"	105° 22' 58"	19° 21' 45"	105° 22' 25"			E-48-19-B-b
làng Lai Châu	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 52"	105° 22' 56"							E-48-19-B-a
hồ Làng Cáo	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 59"	105° 20' 44"							E-48-19-B-a
Làng Lê	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 27"	105° 21' 19"							E-48-19-B-a
làng Mai Hồng	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 21' 41"							E-48-19-B-a
Làng Nạn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 20"	105° 21' 55"							E-48-19-B-a
làng Quỳnh Mai	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 39"	105° 21' 17"							E-48-19-B-a
làng Quỳnh Yên	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 01"	105° 21' 39"			19° 28' 22"	105° 23' 06"	19° 24' 05"	105° 22' 58"	E-48-19-B-a
Suối Sao	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn									E-48-19-B-a
Làng Se	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 20' 44"							E-48-19-B-a
Đồi Sò	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 07"	105° 21' 20"							E-48-19-B-a
Làng Sừa	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 03"	105° 22' 17"							E-48-19-B-a
núi Tân Đồng	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 30"	105° 20' 22"							E-48-19-B-a
làng Tân Mai	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 42"	105° 22' 16"			19° 32' 05"	105° 19' 57"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-19-B-a
Suối Tong	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn									E-48-19-B-a
Núi Trám	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 47"	105° 19' 03"							E-48-19-B-a
Làng Vín	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 23"	105° 23' 01"							E-48-19-B-b
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn					19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn					19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Làng Bết	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 19"	105° 25' 49"							E-48-19-B-d
Làng Bó	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 09"	105° 25' 09"							E-48-19-B-d
Làng Cam	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 24' 52"							E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 47"	105° 26' 25"							E-48-19-B-b
làng Lâm Trường	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 23"	105° 24' 49"							E-48-19-B-b
Làng Lện	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 25' 15"							E-48-19-B-d
Núi Lện	SV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 32"	105° 25' 36"							E-48-19-B-d
làng Minh Hùng	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 58"	105° 26' 02"							E-48-19-B-d
Làng Ngã	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 00"	105° 25' 09"							E-48-19-B-b
Làng Sanh	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 35"	105° 26' 17"							E-48-19-B-d
làng Tiên Long	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 28"	105° 23' 41"							E-48-19-B-b
Hòn Xưa	SV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 05"	105° 26' 43"							E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"			E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"			E-48-19-D-b
Núi Cốc	SV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 31' 18"							E-48-20-A-c
suối Làng Thuyền	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 09"	105° 32' 20"	19° 20' 13"	105° 33' 50"			E-48-20-A-c
xóm Phú Hoà	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 11"	105° 32' 13"							E-48-20-A-c
xóm Phú Lộc	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 32' 10"							E-48-20-A-c
xóm Phú Lợi	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 21"	105° 32' 29"							E-48-20-A-a
xóm Phú Nguyên	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 21"	105° 31' 57"							E-48-20-A-c
xóm Phú Thắng	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 31"	105° 32' 57"							E-48-20-A-c
xóm Phú Tiến	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 09"	105° 32' 23"							E-48-20-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"			E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"			E-48-19-B-b
hồ Đồng Canh	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 24' 11"							E-48-19-B-b
xóm Làng Bé	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 06"	105° 24' 45"							E-48-19-B-b
đồi Rú Hang	SV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 30"	105° 25' 47"							E-48-19-B-b
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"			E-48-19-B-b
xóm Sơn Bắc	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 21"	105° 26' 53"							E-48-19-B-b
xóm Sơn Đoài	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 12"	105° 26' 34"							E-48-19-B-b
xóm Sơn Đông	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 56"	105° 27' 35"							E-48-19-B-b
xóm Sơn Hạ	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 25' 23"							E-48-19-B-b
xóm Sơn Liên	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 17"	105° 26' 43"							E-48-19-B-b
xóm Sơn Nam	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 34"	105° 27' 21"							E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Sơn Tây	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 55"	105° 26' 28"						E-48-19-B-b	
xóm Sơn Thượng	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 08"	105° 24' 59"						E-48-19-B-b	
xóm Sơn Trung	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 21"	105° 24' 50"						E-48-19-B-b	
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"		E-48-19-B-c	
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-19-B-d	
xóm Hưng Lập	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 20"	105° 22' 43"						E-48-19-B-c	
Lên Mông	SV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"						E-48-19-B-d	
hồ Ngã Hai	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 32"	105° 22' 46"						E-48-19-B-c	
xóm Quán Mít	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 24"	105° 21' 55"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Hồng	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 46"	105° 21' 45"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Lập	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 48"	105° 23' 08"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Liên	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 32"	105° 21' 43"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 19"	105° 22' 14"						E-48-19-B-d	
xóm Tân Tiến	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 36"	105° 22' 55"						E-48-19-B-c	
xóm Cao Trai	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 25"	105° 23' 37"						E-48-19-B-d	
Bầu Cờ	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 43"	105° 22' 24"	19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-19-B-d	
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn								E-48-19-B-c	
Núi Nậy	SV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 24"	105° 23' 28"						E-48-19-B-d	
Xóm Rải	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 43"	105° 22' 50"						E-48-19-B-d	
hồ Rộc U	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 23' 42"						E-48-19-B-d	
Hồ Sinh	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 54"	105° 23' 10"						E-48-19-B-d	
Xóm Sinh	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 59"	105° 22' 50"						E-48-19-B-d	
xóm Tân Phong	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 48"	105° 23' 23"						E-48-19-B-d	
Xóm U	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 45"	105° 23' 34"						E-48-19-B-c	
Xóm Vạn	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 22' 08"						E-48-19-B-c	
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"		E-48-19-B-c	
suối Bà Trường	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 21' 32"	105° 21' 30"	19° 21' 28"	105° 21' 54"		E-48-19-B-c	
xóm Đoàn Kết	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 21' 55"						E-48-19-B-c	
xóm Độc Lập	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 21' 01"						E-48-19-B-c	
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-19-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Khe Thái	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 34"	105° 21' 25"					E-48-19-B-a, E-48-19-B-c
xóm Quyết Tâm	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 12"	105° 21' 02"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 25"	105° 20' 59"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Tiến	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 24"	105° 20' 46"					E-48-19-B-c
Núi Sẻ	SV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 01"	105° 22' 00"					E-48-19-B-c
cầu Sông Hiếu	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 30"	105° 20' 27"					E-48-19-B-d, E-48-19-D-b
hồ Tân Đông	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 15"	105° 21' 31"					E-48-19-B-c
xóm Tân Phú	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 21' 16"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 33"	105° 22' 03"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 36"	105° 21' 49"					E-48-19-B-c
xóm Thành Công	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 21' 36"					E-48-19-B-c
xóm Tổng Mòn	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 21"	105° 21' 37"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
Làng Cầu	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 21"	105° 32' 13"					E-48-20-A-c
núi Cột Móc	SV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 15"	105° 33' 54"					E-48-20-A-c
khe Đồng Báng	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 21' 04"	105° 32' 24"	19° 20' 38"	105° 33' 48"	E-48-20-A-c
hồ Khe Lung	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 59"	105° 32' 31"					E-48-20-A-c
khe Làng Thuyền	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 09"	105° 32' 20"	19° 20' 13"	105° 33' 50"	E-48-20-A-c
Làng Mần	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 30"	105° 33' 02"					E-48-20-A-a
Làng Men	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 58"	105° 31' 56"					E-48-20-A-c
xóm Tân Thọ	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 46"	105° 33' 16"					E-48-20-A-a
Làng Trống	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 42"	105° 33' 22"					E-48-20-A-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-d
xóm Áp Đon	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 33"	105° 27' 45"					E-48-19-B-d
Hòn Bàn	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 25' 58"					E-48-19-B-d
xóm Bàu Lạng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 08"	105° 27' 25"					E-48-19-B-d
xóm Đập Bể	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 48"	105° 28' 27"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Đồng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 29"	105° 28' 00"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 06"	105° 28' 34"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Diên Xuân	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 27' 32"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Be	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 12"	105° 26' 40"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Bông	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 23"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Nheo	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 48"	105° 26' 14"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Quý	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 00"	105° 27' 01"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Quý	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 36"	105° 26' 35"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tám	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 10"	105° 27' 43"					E-48-19-B-d
Hồ Gừa	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 44"	105° 28' 13"					E-48-19-B-d
xóm Hòn Tổng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 49"	105° 27' 22"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Nguyên	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 20"	105° 26' 13"					E-48-19-B-d
xóm Làng Mết	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 43"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm Làng Mít	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
Núi Lện	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 28' 45"	19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn							E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 59"	105° 27' 25"					E-48-19-B-d
xóm Tân Trung	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 13"	105° 26' 12"					E-48-19-B-d
Núi Tọ	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 14"	105° 27' 21"					E-48-19-B-d
xóm Trung Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 27' 06"					E-48-19-B-d
Núi Vệt	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 05"	105° 26' 43"					E-48-19-B-d
Hòn Xưa	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 10"	105° 28' 00"	19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
xóm Xuân Yên	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn							E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 53"	105° 24' 20"					E-48-19-B-b
Làng Canh	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 41"	105° 22' 40"					E-48-19-B-b
làng Chấn Nuôi	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 28"	105° 24' 33"					E-48-19-B-b
Làng Chong	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn							E-48-19-B-b
hồ Đồng Canh	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 24' 11"					E-48-19-B-b
làng Đồng Hưng	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 39"	105° 23' 41"					E-48-19-B-b
làng Đồng Song	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 41"	105° 23' 01"					E-48-19-B-b
Làng Dừa	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 09"	105° 23' 55"					E-48-19-B-b
làng Hưng Thông	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 54"	105° 23' 46"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
làng Kim Yên	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 26"	105° 24' 19"							E-48-19-B-b
làng Lâm Sinh	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 25"	105° 22' 08"							E-48-19-B-a
hồ Làng Nhâm	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 08"	105° 24' 46"							E-48-19-B-b
Làng Lập	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 23"	105° 25' 41"							E-48-19-B-b
Làng Mới	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 30"	105° 25' 11"							E-48-19-B-b
Làng Nhâm	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 57"	105° 24' 30"							E-48-19-B-b
Suối Sao	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 22"	105° 23' 06"	19° 24' 05"	105° 22' 58"			E-48-19-B-b
làng Yên Hưng	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 31"	105° 23' 39"							E-48-19-B-b
khối 1	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 37' 06"	104° 55' 35"							E-48-6-D
khối 2	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 56"	104° 55' 25"							E-48-6-D
khối 3	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 50"	104° 55' 19"							E-48-6-D
khối 4	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 40"	104° 55' 18"							E-48-6-D
khối 5	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 31"	104° 55' 12"							E-48-6-D
khối 6	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 30"	104° 55' 16"							E-48-6-D
khối 7	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 19"	104° 55' 11"							E-48-6-D
khối 8	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 18"	104° 55' 07"							E-48-6-D
khối 9	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 25"	104° 55' 02"							E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			
Bản Bó	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 43"	104° 49' 03"							E-48-6-D
bản Cẩm Càng	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 51"	104° 49' 20"							E-48-6-D
bản Cẩm Nọc	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 42"	104° 48' 56"							E-48-6-D
bản Cẩm Pòm	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 36"	104° 48' 58"							E-48-18-B
bản Đôn Phạt	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 30' 22"	104° 49' 49"							E-48-6-D
Suối Kép	TV	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong			19° 29' 55"	104° 41' 54"	19° 29' 01"	104° 37' 01"			E-48-18-A
bản Mòng 1	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 04"	104° 50' 28"							E-48-6-D
bản Mòng 2	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 06"	104° 50' 40"							E-48-6-D
bản Mòng 3	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 06"	104° 50' 51"							E-48-6-D
bản Nà Cho	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 17"	104° 49' 35"							E-48-6-D
suối Na Quya	TV	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong			19° 29' 01"	104° 44' 55"	19° 28' 30"	104° 47' 08"			E-48-18-B
bản Phả Pát	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 10"	104° 49' 39"							E-48-6-D
bản Piếng Cẩm	DC	xã Cẩm Muộn	H. Quế Phong	19° 32' 05"	104° 49' 45"							E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối						
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Quảng	TV	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 33' 57"	104° 47' 50"			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Quạnh	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 33' 57"	104° 47' 50"							E-48-6-D
Nậm Tột	TV	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 33' 25"	104° 48' 26"			19° 41' 37"	104° 40' 58"	19° 34' 39"	104° 47' 46"	E-48-6-D
bản Xóm Mới	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 33' 25"	104° 48' 26"							E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D
núi Bù Giỏi	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 25"	105° 05' 54"							E-48-7-A
suối Cà Dai	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 51' 41"	105° 11' 03"	19° 53' 31"	105° 07' 46"	E-48-7-A
Núi Cam	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			18° 55' 56"	105° 18' 46"							E-48-31-B-a
suối Canh Ke	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 54' 24"	105° 01' 49"	19° 55' 34"	105° 05' 03"	E-48-7-A
suối Chà Là	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 49' 32"	105° 00' 39"	19° 47' 02"	105° 00' 03"	E-48-7-A
suối Chiềng Noong	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 51' 27"	105° 08' 53"	19° 52' 57"	105° 06' 26"	E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 55' 06"	104° 50' 25"	19° 55' 25"	105° 08' 50"	E-48-7-A, E-48-6-B
Núi Cọc	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 07"	105° 03' 05"							E-48-7-A
núi Cột Cờ	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 18' 31"	105° 30' 41"							E-48-20-A-c
bản Đồng Mới	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 46' 12"	104° 59' 39"							E-48-6-B
bản Đồng Tiến	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 56"	105° 02' 26"							E-48-7-A
Suối Duộc	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 47' 12"	105° 04' 06"	19° 48' 19"	105° 04' 05"	E-48-7-A
núi Hám Chạng	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 48' 08"	105° 07' 32"							E-48-7-A
Suối Hình	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 45' 03"	105° 07' 04"	19° 48' 46"	105° 03' 49"	E-48-7-A
núi Hồng Na	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 50' 14"	105° 08' 38"							E-48-7-A
Suối Hoang	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 48' 09"	105° 01' 31"	19° 49' 21"	105° 01' 26"	E-48-7-A
Suối Ke	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 45' 39"	105° 03' 20"	19° 49' 23"	105° 03' 11"	E-48-7-A
Nậm Khúc	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 55' 12"	105° 02' 39"	19° 55' 07"	105° 08' 00"	E-48-7-A
bản Khùn Na	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 12"	105° 04' 31"							E-48-7-A
suối Lạc Nhỏ	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 49' 38"	105° 07' 44"	19° 50' 34"	105° 05' 32"	E-48-7-A
suối Lạc To	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 49' 53"	105° 08' 11"	19° 51' 45"	105° 06' 00"	E-48-7-A
Suối Man	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 47' 26"	105° 03' 39"	19° 48' 27"	105° 03' 54"	E-48-7-A
Suối Mản	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							19° 53' 47"	105° 08' 54"	19° 54' 32"	105° 07' 59"	E-48-7-A
bản Mường Hình	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 26"	105° 02' 23"							E-48-7-A
bản Na Chảo	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 14"	105° 00' 34"							E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Nậm Hát	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 48' 42"	104° 57' 07"	19° 43' 17"	104° 58' 28"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Núi	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 47"	105° 04' 20"	19° 47' 50"	105° 02' 24"	E-48-7-A
Suối Pa	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Bản Pang	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong							E-48-7-A
Suối Pang	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 45' 24"	104° 59' 04"	19° 54' 11"	105° 09' 43"	19° 54' 49"	105° 08' 10"	E-48-7-A
bản Piêng Ván	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 48' 30"	105° 00' 53"					E-48-7-A
bản Pu Duộc	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 50"	105° 05' 02"					E-48-7-A
bản Pu Khóang	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 26"	105° 04' 41"					E-48-7-A
Bản Tục	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 44' 15"	104° 58' 42"					E-48-6-B
núi Cao Ma	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 46' 30"	104° 53' 48"					E-48-6-D
Bản Châm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 45"	104° 55' 52"					E-48-6-D
bản Châm Pút	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 40' 38"	104° 53' 27"					E-48-6-D
Bản Chiếng	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 23"	104° 56' 23"					E-48-6-D
núi Chóp Chóp	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 44' 14"	104° 46' 29"					E-48-6-D
Bản Cóng	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 41' 33"	104° 52' 26"	19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 43' 20"	104° 50' 55"					E-48-6-D
bản Hua Mương	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 43' 35"	104° 41' 42"					E-48-6-A, E-48-6-C
Núi Khăm	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong							E-48-6-D
Bản Khóm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 40' 23"	104° 53' 53"					E-48-6-D
Suối Lán	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 44' 54"	104° 48' 32"	19° 44' 04"	104° 50' 22"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Lán	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 29"	104° 45' 59"	19° 44' 54"	104° 48' 32"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Mít	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 47' 05"	104° 48' 35"	19° 44' 30"	104° 49' 43"	E-48-6-B, E-48-6-D
Bản Mứt	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 41' 17"	104° 52' 53"					E-48-6-D
Suối Ná	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 47' 17"	104° 51' 12"	19° 44' 22"	104° 50' 17"	E-48-6-B, E-48-6-D
bản Pá Cọ	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 41"	104° 55' 30"					E-48-6-D
bản Pá Kim	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 55' 50"					E-48-6-D
núi Pá Mòn	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 44' 41"	104° 54' 52"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Pôm Om	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 29"	104° 54' 51"							E-48-6-D
Suối Sáng	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 28"	104° 53' 15"	19° 43' 31"	104° 53' 03"			E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Sùng	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 44' 30"	104° 54' 42"	19° 43' 09"	104° 52' 14"			E-48-6-D
suối Vài Ôm	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 05"	104° 52' 36"	19° 42' 25"	104° 52' 15"			E-48-6-B, E-48-6-D
Bản Cánh	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 37' 09"	104° 54' 50"							E-48-6-D
bản Có Nồng	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 15"	104° 55' 17"							E-48-6-D
Bản Dón	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 53"	104° 55' 07"							E-48-6-D
bản Đón Cham	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 32"	104° 55' 35"							E-48-6-D
Xóm Dừa	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 07"	104° 55' 05"							E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Mường Nọc	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"			E-48-6-D
Bản Hăn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 37' 18"	104° 55' 06"							E-48-6-D
bản Lông Không	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 39"	104° 54' 35"							E-48-6-D
Bản Luống	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 29"	104° 54' 55"							E-48-6-D
bản Mường Mùn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 37"	104° 54' 31"							E-48-6-D
bản Na Nga	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 06"	104° 55' 22"							E-48-6-D
bản Ná Phầy	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 12"	104° 55' 37"							E-48-6-D
bản Na Phi	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 30"	104° 55' 21"							E-48-6-D
bản Na Pu	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 38"	104° 54' 29"							E-48-6-D
bản Pà Cà	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 33"	104° 54' 21"							E-48-6-D
bản Pà Nát	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 25"	104° 54' 49"							E-48-6-D
Bản Tám	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 19"	104° 54' 43"							E-48-6-D
Bản Cánh	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 49' 06"							E-48-6-D
bản Chả Lầu	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 37' 40"	104° 49' 19"							E-48-6-D
núi Chóp Chóp	SV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 44' 14"	104° 46' 29"							E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"			E-48-6-D
Núi Khảm	SV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 43' 35"	104° 41' 42"							E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Méo	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 41' 51"	104° 47' 19"							E-48-6-D
Bản Mờ	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 38' 25"	104° 49' 26"							E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Suối Piêng	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 42' 27"	104° 46' 22"	19° 42' 29"	104° 46' 18"	19° 41' 11"	104° 48' 35"	E-48-6-D
bản Piêng Láng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 39' 14"	104° 49' 14"					E-48-6-D
Bản Pòng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 41' 37"	104° 48' 03"					E-48-6-D
Bản Pục	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong					19° 38' 52"	104° 51' 16"	19° 37' 37"	104° 50' 05"	E-48-6-D
Suối Quẩn	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong					19° 42' 54"	104° 48' 29"	19° 41' 11"	104° 48' 35"	E-48-6-D
suối Tà Nọi	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong									E-48-6-D
Bản Tóng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 38' 58"	104° 49' 21"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Bù Đĩnh	SV	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 30' 39"	104° 41' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Chà Lết	SV	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Cam	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 32' 57"	104° 45' 24"					E-48-6-D
bản Lin Khưỡng	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 33' 16"	104° 45' 48"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Mờ	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 32' 18"	104° 44' 20"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Na	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 32' 03"	104° 43' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Na Ba	SV	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 33' 00"	104° 44' 27"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Hốc 1	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 32' 20"	104° 42' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Hốc 2	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 32' 18"	104° 41' 41"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nhóng	TV	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong					19° 31' 49"	104° 42' 43"	19° 33' 57"	104° 45' 33"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nhọt Nhóng	DC	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong			19° 33' 12"	104° 41' 02"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Nhọt Nhóng	TV	xã Nậm Nhóng	H. Quế Phong					19° 33' 07"	104° 40' 57"	19° 31' 49"	104° 42' 43"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Ca	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 29' 58"	104° 52' 22"					E-48-6-D
Bản Cào	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 30' 21"	104° 52' 05"					E-48-6-D
Bản Chiềng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 30' 39"	104° 52' 08"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Núi Cò	SV	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 32' 31"	105° 00' 11"							E-48-7-C
bản Cỏ Hường	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 53"	104° 51' 44"							E-48-6-D
Huổi Cối	TV	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 33' 03"	104° 52' 50"	19° 30' 57"	104° 54' 25"			E-48-6-D
Bản Cu	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 43"	104° 52' 16"							E-48-6-D
bản Hừa Khố	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 18"	104° 51' 16"							E-48-6-D
bản Páo 1	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 58"	104° 53' 46"							E-48-6-D
bản Páo 2	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 57"	104° 53' 27"							E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"			E-48-6-D
Bản Quyển	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 27"	104° 53' 06"							E-48-6-D
Bản Tạ	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 12"	104° 51' 32"							E-48-6-D
bản Tân Cánh	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 29' 55"	104° 51' 32"							E-48-18-B
bản Tân Pù	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 56"	104° 51' 35"							E-48-6-D
Nằm Xái	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 37"	104° 56' 15"							E-48-6-D
xóm 1	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 56' 57"							E-48-6-D
xóm 2	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 56' 12"							E-48-6-D
xóm 3	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 11"	104° 56' 08"							E-48-6-D
Bản Cọc	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 34' 21"	104° 57' 35"							E-48-6-D
Bản Đại	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 33' 26"	104° 58' 12"							E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"			E-48-6-D
xóm Hải Lâm 1	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 21"	104° 58' 29"							E-48-6-D
xóm Hải Lâm 2	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 34"	104° 58' 48"							E-48-6-D
bản Ná Ca	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 33"	104° 55' 49"							E-48-6-D
bản Ná Cống	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 55' 59"							E-48-6-D
bản Ná Tộc	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 50"	104° 56' 39"							E-48-6-D
núi Pà Pàng	SV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 51"	104° 58' 34"							E-48-6-D
xóm Phong Quang	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 05"	104° 57' 21"							E-48-6-D
bản Piêng Mòn	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 34' 40"	104° 58' 01"							E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"			E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-6-B
Bản Ảng	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 52' 12"	104° 57' 44"							E-48-6-B
bản Cà Na	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 53' 04"	104° 56' 47"							E-48-6-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Nậm Cắn	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 59' 30"	104° 57' 01"	19° 53' 51"	104° 55' 00"	E-48-6-B
núi Cao Ma	SV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 46' 30"	104° 53' 48"							E-48-6-B
Suối Cát	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
sưởi Chà Cà	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 54' 28"	104° 59' 06"	19° 52' 59"	104° 56' 49"	E-48-6-B
Sông Chu	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 55' 06"	104° 50' 25"	19° 55' 25"	105° 08' 50"	E-48-7-A, E-48-6-B
Suối Co	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 46' 50"	104° 55' 48"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-B
Huồi Cụt	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 47' 49"	104° 52' 34"	19° 49' 28"	104° 52' 54"	E-48-6-B
Suối Đừa	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 50' 03"	104° 57' 12"	19° 51' 20"	104° 58' 12"	E-48-6-B
Nậm Hàn	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 58' 51"	104° 55' 06"	19° 55' 06"	104° 50' 27"	E-48-6-B
bản Hiệp An	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 47' 50"	104° 59' 02"							E-48-6-B
bản Hiệp Phong	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 48' 56"	104° 58' 18"							E-48-6-B
bản Hòa Na 1	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 49' 34"	104° 58' 01"							E-48-6-B
bản Hòa Na 2	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 48' 29"	104° 58' 52"							E-48-6-B
bản Huồi Đừa	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 50' 58"	104° 58' 01"							E-48-6-B
Nậm Liềm	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 57' 57"	104° 56' 39"	19° 54' 11"	104° 53' 16"	E-48-6-B
Suối Lìn	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 47' 01"	104° 53' 00"	19° 49' 43"	104° 53' 43"	E-48-6-B
Bản Lốc	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 25"	104° 56' 59"			19° 47' 12"	104° 54' 57"	19° 45' 52"	104° 55' 04"	E-48-6-B
Suối Lướm	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong									E-48-6-B
Bản Mai	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 09"	104° 59' 09"							E-48-6-B
bản Mường Phú	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 26"	104° 52' 16"							E-48-6-B
bản Mường Piết	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 29"	104° 52' 56"							E-48-6-B
bản Na Lướm	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	104° 56' 56"	19° 51' 19"							E-48-6-B
núi Nậm Liềm	SV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 56' 41"	104° 53' 49"							E-48-6-B
bản Phú Lâm	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	104° 57' 03"	19° 51' 27"							E-48-6-B
Suối Piết	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 51' 06"	104° 54' 03"	19° 51' 25"	104° 58' 11"	E-48-6-B
Suối Púng	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 57' 31"	104° 56' 21"	19° 56' 25"	104° 57' 07"	E-48-6-B
Huồi Sung	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 55' 35"	104° 59' 39"	19° 56' 45"	105° 01' 47"	E-48-7-A, E-48-6-B
Nậm Tó	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong					19° 50' 33"	104° 54' 17"	19° 51' 06"	104° 54' 03"	E-48-6-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Tó	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 36' 11"	104° 29' 09"	19° 35' 33"	104° 25' 48"	E-48-5-D
Suối Ty	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 48' 59"	104° 56' 10"	19° 50' 58"	104° 55' 22"	E-48-6-B
quốc lộ 48	KX	xã Tiên Phong	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D
cầu Bai Việc	KX	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 39' 47"	104° 57' 28"					E-48-6-D
Bản Bón	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 08"	104° 56' 01"					E-48-6-D
cầu Châu Tiến	KX	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 36' 42"	104° 59' 52"					E-48-6-D
Suối Co	TV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong			19° 46' 50"	104° 55' 48"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-D
Bản Còi	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 29"	104° 56' 47"					E-48-6-D
bản Đan 1	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 36"	104° 59' 14"					E-48-6-D
bản Đan 2	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 29"	104° 59' 11"					E-48-6-D
Suối Hạt	TV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong			19° 43' 48"	104° 57' 56"	19° 40' 3 "	105° 00' 45"	E-48-7-C, E-48-6-D
Sông Hiếu	TV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-6-D
Núi Huống	SV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D
Bản Khùm	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 32"	104° 58' 00"					E-48-6-D
bản Lâm Trường 2	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 19"	104° 57' 44"					E-48-6-D
bản Lâm Trường 3	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 30"	104° 57' 37"					E-48-6-D
bản Long Quang	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 45"	104° 57' 56"					E-48-6-D
bản Mường Hìn	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 28"	104° 56' 42"					E-48-6-D
bản Na Bón	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 40' 46"	104° 57' 19"					E-48-6-D
bản Na Càng	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 43' 48"	104° 58' 03"					E-48-6-D
bản Na Cày	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 58"	104° 56' 48"					E-48-6-D
bản Na Chang	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 42' 16"	104° 58' 02"					E-48-6-D
bản Na Đến	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 53"	104° 57' 34"					E-48-6-D
bản Na Nháng	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 43"	104° 56' 24"					E-48-6-D
bản Na Sánh	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 44' 09"	105° 00' 50"					E-48-6-D
suối Nậm Niền	TV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong			19° 45' 52"	104° 55' 04"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-D
núi Pá Pự	SV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 36' 21"	104° 59' 39"					E-48-6-D
Suối Phụng	TV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong			19° 42' 34"	105° 01' 07"	19° 42' 09"	105° 00' 28"	E-48-6-D
bản Phương Tiến 1	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 55"	104° 58' 55"					E-48-7-C
bản Phương Tiến 2	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 15"	104° 58' 44"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Phương Tiến 3	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 38' 17"	104° 58' 27"	19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D		
Sông Quảng	TV	xã Tiên Phong	H. Quế Phong							E-48-6-D		
Bản Tang	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 37' 35"	104° 56' 10"					E-48-6-D		
bản Thịnh Phong	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 57' 12"					E-48-6-D		
bản Xấp Sành	DC	xã Tiên Phong	H. Quế Phong	19° 42' 15"	105° 00' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Bản Bò	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 23"	104° 43' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Chà Lành	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 44"	104° 41' 59"					E-48-6-A, E-48-6-C		
núi Chà Lặt	SV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Bản Chiềng	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 23"	104° 41' 32"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Xóm Chợ	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 31"	104° 41' 13"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Bản Chọt	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 29"	104° 41' 33"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Nậm Chọt	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 38' 54"	104° 39' 58"	19° 36' 30"	104° 41' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Đ1	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 58"	104° 42' 22"					E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Đ2	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 44"	104° 43' 06"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Bản Đôn	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 57"	104° 41' 30"					E-48-6-A, E-48-6-C		
Nóng Ên	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 36' 50"	104° 42' 57"	19° 37' 09"	104° 44' 12"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Hủa Na	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 02"	104° 40' 58"					E-48-6-A, E-48-6-C		
suối Huồi Mới	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 41' 17"	104° 40' 19"	19° 37' 43"	104° 41' 25"	E-48-6-A, E-48-6-C		
bản Huồi Mới 1	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 04"	104° 40' 56"					E-48-6-A, E-48-6-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Huồi Mới 2	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 26"	104° 40' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huồi Sái 1	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 23"	104° 44' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huồi Sái 2	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 33"	104° 44' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Kém Ải	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 37' 33"	104° 41' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Khảm	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 35' 44"	104° 40' 13"	19° 35' 27"	104° 40' 37"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Lằm	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 14"	104° 41' 34"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Mường Lống	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 04"	104° 45' 39"					E-48-6-D
bản Ná Ca	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 03"	104° 40' 53"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Cán	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 32"	104° 42' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Chàng	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 15"	104° 42' 35"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Lịt	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 08"	104° 42' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Niếng	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 13"	104° 41' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Túi	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 37"	104° 42' 30"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nậm Cắm	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 55"	104° 41' 10"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nậm Tột	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 33"	104° 43' 20"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nghiến	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 37' 48"	104° 39' 23"	19° 36' 30"	104° 41' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nóng 1	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 20"	104° 41' 12"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Nóng 2	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 32"	104° 41' 01"							E-48-6-A, E-48-6-C
bản Pà Khóm	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 17"	104° 37' 59"							E-48-6-A, E-48-6-C
núi Păng Nơ	SV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 37' 33"	104° 42' 04"							E-48-6-A, E-48-6-C
núi Phả Mật	SV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 10"	104° 38' 04"							E-48-6-A, E-48-6-C
núi Phấn Mò	SV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 28"	104° 42' 40"							E-48-6-A, E-48-6-C
bản Pích Niệng	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 33' 47"	104° 43' 16"							E-48-6-A, E-48-6-C
bản Piềng Lôm	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 03"	104° 41' 38"							E-48-6-A, E-48-6-C
bản Piềng Luống	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 19"	104° 39' 08"							E-48-6-A, E-48-6-C
núi Pù Kha	SV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 08"	104° 40' 14"							E-48-6-A, E-48-6-C
núi Pù Vĩ	SV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 41"	104° 39' 02"							E-48-6-D
Sông Quảng	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"			E-48-6-A, E-48-6-C
suối Sa Lam	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 37' 12"	104° 38' 51"	19° 35' 20"	104° 41' 35"			E-48-6-A, E-48-6-C
bản Tà Pàn	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 01"	104° 44' 10"							E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Tột	TV	xã Trí Lễ	H. Quế Phong			19° 41' 37"	104° 40' 58"	19° 34' 39"	104° 47' 46"			E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Xan	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 43"	104° 40' 09"							E-48-6-A, E-48-6-C
bản Yên Sơn	DC	xã Trí Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 14"	104° 40' 46"							E-48-6-A, E-48-6-C
khối 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 02"	105° 05' 28"							E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 2A	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 13"	105° 05' 25"							E-48-7-C
khối 2B	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 11"	105° 05' 41"							E-48-7-C
khối 3	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 32' 56"	105° 05' 52"							E-48-7-C
khối 4	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 03"	105° 05' 57"							E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-7-C
khối Định Hoa	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 51"	105° 05' 29"							E-48-7-C
khối Hạnh Khai	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 35"	105° 05' 58"							E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"			E-48-19-B-d
khối Hoa Hải 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 25"	105° 05' 57"							E-48-7-C
khối Hoa Hải 2	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 23"	105° 06' 06"							E-48-7-C
khối Tân Hương 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 36"	105° 04' 58"							E-48-7-C
khối Tân Hương 2	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 32"	105° 04' 37"							E-48-7-C
khối Tân Thịnh	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 32' 54"	105° 06' 02"							E-48-7-C
Suối Xén	TV	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 31' 17"	105° 04' 45"	19° 33' 12"	105° 05' 51"			E-48-7-C
bản Bình Thọ	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 01' 59"							E-48-7-C
Huồi Canh	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 43' 43"	105° 06' 04"	19° 42' 10"	105° 05' 36"			E-48-7-C
núi Cát Xa	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 43' 44"	105° 08' 52"							E-48-7-C
Huồi Chai	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"			E-48-7-C
núi Chấm Can	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 44' 36"	105° 06' 59"							E-48-7-C
Bản Chảo	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 57"	105° 01' 35"							E-48-7-C
Huồi Chút	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 44' 03"	105° 06' 55"	19° 42' 57"	105° 06' 40"			E-48-7-C
Bản Cọc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 39' 08"	105° 00' 57"							E-48-7-C
Huồi Đổng	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 41' 50"	105° 01' 08"	19° 41' 30"	105° 00' 37"			E-48-7-C
núi Hang Pua	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 01' 51"							E-48-7-C
Bản Hạt	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 09"	105° 01' 28"							E-48-7-C
Nậm Hạt	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 40' 03"	105° 00' 45"	19° 36' 45"	104° 59' 53"			E-48-7-C
huồi Hín Lớ	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 40' 26"	105° 01' 11"	19° 40' 06"	105° 00' 50"			E-48-7-C
Huồi Hun	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 41' 27"	105° 08' 44"	19° 41' 59"	105° 08' 52"			E-48-7-C
đập Khe Cọc	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 39' 43"	105° 01' 06"							E-48-7-C
đập Khe Nhả	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 39' 15"	105° 01' 51"							E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Huội Khôn	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 41' 18"	104° 59' 39"	19° 41' 09"	105° 00' 12"	E-48-6-D, E-48-7-C		
bản Kiêng 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 14"	105° 00' 13"					E-48-7-C		
bản Kiêng 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 05"	105° 00' 14"					E-48-7-C		
Huội Kớ	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 40' 48"	105° 05' 45"	19° 40' 09"	105° 02' 19"	E-48-7-C		
Bản Lành	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 37' 44"	105° 01' 14"					E-48-7-C		
Huội Luồng	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 41' 45"	105° 07' 39"	19° 42' 35"	105° 06' 13"	E-48-7-C		
Bản Luồng	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 02"	105° 01' 19"					E-48-7-C		
huội Ma Chà Nước	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 44' 08"	105° 08' 23"	19° 43' 08"	105° 07' 24"	E-48-7-C		
núi Ma Chà Nước	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 43' 13"	105° 08' 28"					E-48-7-C		
Huội Mái	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 42' 03"	105° 02' 15"	19° 40' 33"	105° 02' 14"	E-48-7-C		
Bản Mờ	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 48"	105° 01' 45"					E-48-7-C		
Huội Mười	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 42' 00"	105° 07' 59"	19° 42' 31"	105° 07' 53"	E-48-7-C		
Huội Nhả	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 41' 47"	105° 09' 36"	19° 39' 12"	105° 01' 17"	E-48-7-C		
bản Nông Trang	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 23"	105° 01' 53"					E-48-7-C		
núi Phà Can Đánh	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 37' 55"	105° 03' 05"					E-48-7-C		
bản Phá Đáy	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 37' 19"	105° 03' 02"					E-48-7-C		
Huội Phạt	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 41' 09"	105° 06' 54"	19° 42' 08"	105° 05' 55"	E-48-7-C		
Huội Phụng	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 43' 09"	105° 03' 31"	19° 42' 03"	105° 02' 15"	E-48-7-C		
núi Pù Huống	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D		
núi Pù Quạt	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 40' 29"	105° 05' 24"					E-48-7-C		
núi Pù Sánh	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 40' 02"	105° 03' 26"					E-48-7-C		
Núi Quang	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 41' 15"	105° 09' 07"					E-48-7-C		
huội Rú Chi	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 43' 27"	105° 09' 06"	19° 42' 11"	105° 08' 35"	E-48-7-C		
bản Xáng 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 45"	105° 00' 52"					E-48-7-C		
bản Xáng 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 00' 47"					E-48-7-C		
đội 4	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 26"	105° 08' 51"					E-48-7-C		
bản 32	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 38"	105° 12' 46"					E-48-19-A		
bản 34	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 46"	105° 14' 31"					E-48-19-A, E-48-19-B-a		
quốc lộ 48	KX	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bải Gổ	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 18"	105° 12' 24"							E-48-19-A
Suối Bàn	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 29' 52"	105° 07' 24"	19° 30' 20"	105° 12' 00"			E-48-19-A, E-48-7-C
bản Bình 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 11"	105° 12' 07"							E-48-7-C
bản Bình 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 07"	105° 12' 51"							E-48-7-C
bản Bình 3	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 27"	105° 13' 39"							E-48-19-A
bản Bình Quang	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 45"	105° 16' 46"							E-48-19-B-a
núi Bù Cấm	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 33"	105° 13' 00"							E-48-7-C
núi Bù Đỏ	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 14"	105° 15' 54"							E-48-19-B-a
núi Bù Giải	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 14"	105° 09' 58"							E-48-19-A
núi Bù Khạng	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 25' 49"	105° 11' 06"							E-48-19-A
núi Bù Khạng Nhỏ	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 25' 51"	105° 10' 08"							E-48-19-A
bản Cà Giặc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 45"	105° 10' 38"							E-48-19-A
Bản Cánh	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 02"	105° 11' 11"							E-48-19-A
Bản Cháy	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 40"	105° 11' 17"							E-48-19-A
cầu Cỏ Ba	KX	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 14"	105° 12' 50"							E-48-7-C
suối Cỏ Ba	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 30' 20"	105° 12' 00"	19° 31' 35"	105° 14' 28"			E-48-7-C
bản Độ 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 06"	105° 12' 07"							E-48-19-A
bản Độ 3	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 33"	105° 12' 49"							E-48-19-A
Sông Hiếu	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"			E-48-19-B-d
bản Hoà Bình	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 12' 11"							E-48-7-C
bản Kê Can	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 22"	105° 10' 02"							E-48-7-C
bản Kê Đua	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 52"	105° 12' 19"							E-48-19-A
xóm Kê Kén	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 49"	105° 13' 50"							E-48-19-A
bản Kê Khoang	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 47"	105° 13' 08"							E-48-19-A
Suối Khảm	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 29' 29"	105° 15' 40"	19° 29' 36"	105° 16' 28"			E-48-19-B-a
Nậm Khạng	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 28' 38"	105° 11' 21"	19° 30' 20"	105° 12' 00"			E-48-19-A, E-48-7-C
bản Khe Bàn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 09' 10"							E-48-7-C
bản Lầu 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 15"	105° 11' 37"							E-48-7-C
bản Lầu 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 12' 11"							E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Ná Bàn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 16"	105° 11' 52"							E-48-7-C
xóm Na San	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 53"	105° 12' 43"							E-48-19-A
xóm Na Són	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 13"	105° 12' 44"							E-48-19-A
bản Pà Hóc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 38"	105° 11' 11"							E-48-19-A
bản Quỳnh 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 04"	105° 14' 41"							E-48-19-A
bản Quỳnh 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 22"	105° 14' 52"							E-48-19-A
Bản Sắn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 51"	105° 11' 46"							E-48-19-A
núi Sắn Đến Miếng	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 09"	105° 09' 12"			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu					19° 29' 52"	105° 07' 24"	19° 30' 20"	105° 12' 00"	E-48-19-A, E-48-7-C
Suối Bàn	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu									E-48-7-C
dốc Bù Bài	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 11"	105° 03' 04"							E-48-7-C
bản Đình Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 15"	105° 06' 48"							E-48-7-C
bản Đồng Minh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 37"	105° 06' 02"							E-48-7-C
Huổi Hán	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu					19° 35' 10"	105° 04' 07"	19° 34' 17"	105° 03' 59"	E-48-7-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 21"	105° 07' 15"							E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu					19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-7-C
bản Hủa Na	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 16"	105° 04' 52"							E-48-7-C
bản Kê Bọn	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 05"	105° 04' 58"							E-48-7-C
cầu Kê Bọn	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 25"	105° 05' 07"							E-48-7-C
bản Kê Ninh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 34"	105° 06' 57"							E-48-7-C
bản Khe Hán	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 31"	105° 04' 04"							E-48-7-C
cầu Khe Hán	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 19"	105° 04' 00"							E-48-7-C
bản Khe Lan	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 59"	105° 04' 36"							E-48-7-C
bản Khe Mỹ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 47"	105° 06' 15"							E-48-7-C
suối Khố Xung	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu					19° 35' 42"	105° 04' 43"	19° 33' 55"	105° 04' 07"	E-48-7-C
Khe Lan	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu					19° 30' 56"	105° 03' 26"	19° 31' 41"	105° 04' 42"	E-48-7-C
núi Lèn Phá Đại	SV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 27"	105° 07' 22"							E-48-7-C
bản Minh Châu	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 58"	105° 06' 47"							E-48-7-C
bản Minh Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 41"	105° 06' 16"							E-48-7-C
bản Ná Ca	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 46"	105° 05' 49"							E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
bản Ná Xén	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 14"	105° 04' 48"							E-48-7-C
suối Nặm Đỉnh	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 40' 05"	105° 08' 21"	19° 34' 07"	105° 07' 06"			E-48-7-C
suối Nặm Pông	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"			E-48-7-C
Huổi Pa	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 36' 40"	105° 04' 36"	19° 33' 32"	105° 05' 39"			E-48-7-C
bản Pà Cọ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 27"	105° 07' 03"							E-48-7-C
núi Phá Hới	SV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 03' 56"							E-48-7-C
bản Tà Cỏ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 06"	105° 06' 45"							E-48-7-C
bản Tà Lạnh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 05"	105° 06' 11"							E-48-7-C
bản Tà Sỏi	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 18"	105° 03' 28"							E-48-7-C
bản Thuận Lập	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 03"	105° 05' 48"							E-48-7-C
Suối Xén	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 31' 17"	105° 04' 45"	19° 33' 12"	105° 05' 51"			E-48-7-C
bản Mờ Póm	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 42"	104° 57' 38"							E-48-18-B
bản Ná Ba	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 04"	104° 56' 50"							E-48-18-B
bản Ná Cống	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 30"	104° 57' 07"							E-48-18-B
bản Ná Mỹ	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 43"	104° 56' 19"							E-48-18-B
bản Ná Ngóm	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 55' 04"							E-48-18-B
bản Na Xá	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 27"	104° 57' 32"							E-48-18-B
suối Nặm Cam	TV	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu			19° 25' 30"	104° 51' 57"	19° 29' 13"	104° 59' 05"			E-48-18-B
bản Nật Dưới	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 50"	104° 55' 59"							E-48-18-B
bản Nật Trên	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 55' 10"							E-48-18-B
bản Pông Canh	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 54"	104° 58' 13"							E-48-18-B
quốc lộ 48	KX	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-7-C
làng 8/3	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 37"	105° 10' 57"							E-48-7-C
núi Bù Ca	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 40' 55"	105° 10' 46"							E-48-7-C
núi Bù Đơn	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 36' 36"	105° 11' 21"							E-48-7-C
Núi Cầu	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 40' 04"	105° 12' 02"							E-48-7-C
núi Chóm Quan	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 38' 58"	105° 13' 19"							E-48-7-C
Núi Cốc	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 39' 23"	105° 12' 48"							E-48-7-C
Bản Đơn	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 20"	105° 10' 09"							E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"			E-48-19-B-d
bản Hội 1	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 33"	105° 09' 20"							E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
bản Hội 2	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 34' 02"	105° 09' 51"						E-48-7-C	
bản Hội 3	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 34' 31"	105° 09' 45"						E-48-7-C	
Bản Khưm	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 41"	105° 11' 18"						E-48-7-C	
suối Khưm	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 32' 32"	105° 11' 15"	19° 33' 34"	105° 11' 19"		E-48-7-C	
Bản Khun	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 09"	105° 09' 13"						E-48-7-C	
làng Lâm Hội	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 07"	105° 09' 40"						E-48-7-C	
Bản Lê	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 42"	105° 08' 31"						E-48-7-C	
Suối Mưn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 37' 33"	105° 14' 18"	19° 33' 42"	105° 11' 29"		E-48-7-C	
núi Pà Nhau	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 11' 08"						E-48-7-C	
Bản Sơn	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 09' 02"						E-48-7-C	
Khe Sơn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 39' 22"	105° 10' 31"	19° 38' 23"	105° 09' 04"		E-48-7-C	
Suối Sơn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 38' 23"	105° 09' 04"	19° 33' 34"	105° 09' 02"		E-48-7-C	
Khe Tẩn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 40' 40"	105° 10' 18"	19° 36' 57"	105° 10' 18"		E-48-7-C	
Suối Tẩn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 36' 57"	105° 10' 18"	19° 33' 32"	105° 09' 11"		E-48-7-C	
bản Tẩn 1	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 36' 48"	105° 10' 19"						E-48-7-C	
bản Tẩn 2	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 37' 25"	105° 10' 46"						E-48-7-C	
núi Tang Quai	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 39' 02"	105° 10' 42"						E-48-7-C	
Núi Tọ	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 57"	105° 09' 08"						E-48-7-C	
làng Việt Hương	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 54"	105° 10' 26"						E-48-7-C	
Huồi Cầm	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 38' 30"	105° 13' 40"	19° 37' 33"	105° 14' 18"		E-48-7-C	
núi Chóm Quan	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 38' 58"	105° 13' 19"						E-48-7-C	
huồi Chúi Lúi	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 34' 00"	105° 14' 45"	19° 31' 43"	105° 14' 18"		E-48-7-C	
Núi Co	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 32' 38"	105° 15' 44"						E-48-7-D-c	
Núi Đền	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 36"	105° 11' 21"						E-48-7-C	
Sông Hiếu	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-19-B-d	
núi Huồi Phạt	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 34' 48"	105° 13' 02"						E-48-7-C	
bản Liên Minh	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 32"	105° 13' 32"						E-48-7-C	
Huồi Mưn	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 37' 33"	105° 14' 18"	19° 33' 42"	105° 11' 29"		E-48-7-C	
Huồi Na	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 35' 55"	105° 14' 40"	19° 32' 52"	105° 12' 57"		E-48-7-C	
bản Nga My	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 14' 17"						E-48-7-C	
bản Nga Sơn	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 37' 03"	105° 13' 48"						E-48-7-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Pa Nhau	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 11' 08"							E-48-7-C
bản Tân Tiến	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 54"	105° 13' 41"							E-48-7-C
bản Thanh Sơn	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 10"	105° 12' 47"							E-48-7-C
bản Thanh Tân	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 48"	105° 12' 32"							E-48-7-C
bản Ban 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 03"	105° 01' 29"							E-48-19-A
bản Ban 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 11"	105° 01' 25"							E-48-19-A
suối Bản Chiềng	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 22' 02"	104° 59' 49"	19° 26' 52"	105° 01' 40"			E-48-18-B, E-48-19-A
Nậm Cam	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 29' 13"	104° 59' 05"	19° 28' 44"	104° 59' 59"			E-48-18-B, E-48-19-A
Bản Chiềng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 48"	105° 01' 47"							E-48-19-A
Núi Cò	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 32' 31"	105° 00' 11"							E-48-7-C
Nậm Cướm	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 25' 52"	104° 58' 15"	19° 28' 44"	104° 59' 59"			E-48-18-B
Huổi Đóm	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 05"	105° 05' 15"	19° 28' 49"	105° 00' 53"			E-48-19-A
bản Đóm 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 22"	105° 03' 02"							E-48-19-A
bản Đóm 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 10"	105° 02' 56"							E-48-19-A
Bản Lầu	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 18"	104° 59' 11"							E-48-18-B
Bản Lim	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 52"	105° 00' 17"							E-48-18-B
Bản Luồng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 32"	105° 03' 21"							E-48-19-A
Núi Má	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 05"	105° 06' 51"							E-48-19-A
Khe Mạt	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 32' 21"	105° 00' 51"	19° 32' 35"	105° 02' 33"			E-48-7-C
Bản May	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 35"	104° 59' 41"							E-48-18-B
Xóm Mới	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 53"	105° 01' 04"							E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 32' 32"	105° 00' 40"							E-48-7-C
bản Piềng Cẩm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 45"	105° 01' 32"							E-48-19-A
bản Piềng Điểm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 56"	105° 02' 45"							E-48-19-A
Núi Pó	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 21"	105° 04' 00"							E-48-19-A
Nậm Pông	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"			E-48-19-A, E-48-7-C
Huổi Púng	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 38"	105° 06' 23"	19° 28' 05"	105° 05' 15"			E-48-19-A
Bản Quảng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 21"	104° 59' 33"							E-48-18-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
bản Tầm 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 09"	104° 59' 54"						E-48-18-B	
bản Tầm 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 24"	105° 00' 06"						E-48-18-B	
bản Tống 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 29"	105° 01' 14"						E-48-19-A	
bản Tống 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 45"	105° 00' 52"						E-48-19-A	
núi Tống Khang	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 41"	105° 05' 49"						E-48-19-A	
huổi Xám Tang	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 24' 59"	105° 00' 35"	19° 27' 33"	104° 59' 51"		E-48-19-A, E-48-18-B	
dãy Xang Tang	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu								E-48-18-B	
bản Xóp Cam	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 48"	105° 00' 04"	19° 25' 45"	104° 59' 37"	19° 24' 47"	105° 00' 02"		E-48-19-A	
quốc lộ 48	KX	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu								E-48-7-C	
Bản Bài	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 34' 33"	105° 02' 10"	19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"		E-48-7-C	
Bản Càng	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 34' 44"	105° 01' 51"						E-48-7-C	
Suối Càng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 34' 02"	105° 00' 58"	19° 34' 51"	105° 01' 51"		E-48-7-C	
bản Chiềng Ban 1	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 54"	105° 00' 40"						E-48-7-C	
bản Chiềng Ban 2	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 49"	105° 00' 30"						E-48-7-C	
Núi Cò	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 32' 31"	105° 00' 11"						E-48-7-C	
núi Cụt Lá	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 36' 19"	105° 01' 48"						E-48-19-B-d	
Sông Hiếu	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-7-C	
bản Ké Bận	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 01' 44"						E-48-18-B, E-48-7-C	
suối Nậm Pông	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"		E-48-7-C	
núi Phá May	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 32' 32"	105° 00' 40"						E-48-7-C, E-48-6-D	
Sông Quàng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"		E-48-7-C	
Núi Tuồng	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 01' 12"						E-48-7-C	
bản Xệt 1	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	105° 00' 19"	19° 35' 24"						E-48-7-C	
bản Xệt 2	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 06"	105° 00' 17"						E-48-7-C	
bản Xóm Mới	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 05"	105° 01' 14"						E-48-7-C	
Suối Bông	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 13"	105° 04' 43"	19° 38' 28"	105° 03' 21"		E-48-7-C	
bản Bông 1	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 03' 10"						E-48-7-C	
bản Bông 2	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 38"	105° 03' 47"						E-48-7-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Núi Chai	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 55"	105° 07' 57"							E-48-7-C
Suối Chai	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"			E-48-7-C
Bản Chàng	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 23"	105° 05' 10"							E-48-7-C
Bản Chiềng	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 05' 24"							E-48-7-C
Khe Cua	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 39' 11"	105° 06' 12"	19° 38' 29"	105° 05' 16"			E-48-7-C
suối Khún	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 16"	105° 05' 58"	19° 38' 40"	105° 04' 32"			E-48-7-C
Bản Men	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 39' 05"	105° 04' 47"							E-48-7-C
Khe Muồng	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 38' 33"	105° 06' 16"	19° 38' 27"	105° 05' 45"			E-48-7-C
Suối Nghiu	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 41"	105° 07' 00"	19° 39' 22"	105° 06' 42"			E-48-7-C
Suối Ninh	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 04"	105° 10' 12"	19° 40' 05"	105° 08' 21"			E-48-7-C
Bản Noong	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 42"	105° 05' 41"							E-48-7-C
bản Noóng Hao	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 06' 00"							E-48-7-C
núi Phá Đảnh	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 37' 55"	105° 03' 05"							E-48-7-C
Khe Phai	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 37' 46"	105° 05' 44"	19° 38' 27"	105° 05' 45"			E-48-7-C
Bản Piu	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	105° 04' 43"							E-48-7-C
núi Pù Quạt	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 40' 29"	105° 05' 24"							E-48-7-C
núi Pù Sánh	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 40' 02"	105° 03' 26"							E-48-7-C
Núi Quang	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 41' 15"	105° 09' 07"							E-48-7-C
dãy Sán Sừ	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 39' 32"	105° 04' 25"	19° 40' 29"	105° 05' 24"			E-48-7-C
bản Thăm 1	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 54"	105° 04' 28"							E-48-7-C
bản Thăm 2	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 39' 00"	105° 04' 35"							E-48-7-C
Núi Tôn	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 41' 04"	105° 09' 50"							E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-7-C, E-48-6-D
bản Bua Lầu	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 47"	105° 00' 37"							E-48-6-D
cầu Châu Tiến	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 42"	104° 59' 52"							E-48-6-D
núi Cụt La	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 19"	105° 01' 48"							E-48-7-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 32"	105° 00' 17"							E-48-7-C
Nậm Hặt	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 40' 03"	105° 00' 45"	19° 36' 45"	104° 59' 53"			E-48-7-C, E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Sông Hiếu	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-7-C, E-48-6-D		
bản Hoa Tiến 1	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 37' 43"	104° 59' 43"					E-48-6-D		
bản Hoa Tiến 2	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 37' 36"	104° 59' 38"					E-48-6-D		
bản Hồng Tiến 1	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 36' 42"	105° 00' 46"					E-48-6-D		
bản Hồng Tiến 2	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 37' 13"	105° 00' 58"					E-48-7-C		
bản Hợp Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 36' 41"	105° 00' 28"					E-48-7-C		
bản Minh Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 36' 12"	105° 00' 38"					E-48-6-D		
núi Pù Huống	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-7-C		
núi Hang Pua	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 37' 21"	105° 01' 51"					E-48-7-C		
Núi Tuồng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳnh Châu	19° 36' 03"	105° 01' 12"	19° 22' 04"	104° 53' 57"	19° 23' 59"	104° 55' 56"	E-48-18-B		
Suối Bò	TV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 26' 30"	104° 58' 12"					E-48-18-B		
Bản Chao	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu			19° 23' 01"	104° 59' 02"	19° 25' 05"	104° 59' 07"	E-48-18-B		
Huổi Chao	TV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 26' 15"	104° 58' 11"					E-48-18-B		
bản Có Hường	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu			19° 20' 26"	104° 55' 55"	19° 24' 01"	104° 57' 20"	E-48-18-B		
Suối Cua	TV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 24' 17"	104° 57' 57"					E-48-18-B		
Bản Cướm	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu			19° 25' 52"	104° 58' 15"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B		
Nậm Cướm	TV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu			19° 22' 46"	104° 52' 40"	19° 25' 52"	104° 58' 15"	E-48-18-B		
Suối Cướm	TV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu							E-48-18-B		
Bản Hóc	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 27' 12"	104° 57' 43"					E-48-18-B		
bản Na Ca	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 25' 58"	104° 58' 08"					E-48-18-B		
bản Na Lạnh	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 25' 03"	104° 58' 07"					E-48-18-B		
bản Na Luộc	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 24' 20"	104° 58' 12"					E-48-18-B		
bản Na Mỏ	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 24' 32"	104° 57' 48"					E-48-18-B		
bản Na Môn	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 25' 16"	104° 57' 57"					E-48-18-B		
bản Na No	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 26' 56"	104° 57' 49"					E-48-18-B		
bản Na Sơn	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 24' 59"	104° 57' 55"					E-48-18-B		
Huổi Pá	TV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu							E-48-18-B		
dãy Xang Tang	SV	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu							E-48-18-B		
bản Xốp Hóc	DC	xã Diễn Lâm	H. Quỳnh Châu	19° 26' 37"	104° 58' 22"	19° 25' 05"	104° 59' 07"	19° 25' 52"	104° 58' 15"	E-48-18-B		
đường tỉnh 532	KX	TT. Quỳnh Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 25' 45"	104° 59' 37"	19° 24' 47"	105° 00' 02"	E-48-18-B		
				19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		
quốc lộ 48C	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 36"	105° 11' 04"	19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
khối Bắc Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp									E-48-19-A
Sông Dinh	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp					19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A
khối Đông Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 26"	105° 11' 05"					E-48-19-A
khối Hợp Bình	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 53"	105° 10' 38"					E-48-19-A
khối Hợp Châu	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 24"	105° 10' 24"					E-48-19-A
khối Hợp Hoà	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 58"	105° 10' 47"					E-48-19-A
khối Hợp Minh	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 18' 57"	105° 10' 39"					E-48-19-A
khối Hợp Nhất	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 28"	105° 11' 18"					E-48-19-A
khối Hợp Quang	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 40"	105° 11' 23"					E-48-19-A
khối Hợp Sơn	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 35"	105° 10' 13"					E-48-19-A
khối Hợp Tâm	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 40"	105° 11' 15"					E-48-19-A
khối Hợp Tân	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 53"	105° 11' 12"					E-48-19-A
khối Hợp Thái	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 41"	105° 10' 27"					E-48-19-A
khối Hợp Thắng	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 20"	105° 10' 43"					E-48-19-A
khối Hợp Thành	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 13"	105° 10' 31"					E-48-19-A
khối Hợp Thịnh	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 54"	105° 11' 21"					E-48-19-A
khối Hợp Tiến	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 46"	105° 10' 46"					E-48-19-A
khối Hợp Trung	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 47"	105° 11' 01"					E-48-19-A
khối Hợp Xuân	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 19"	105° 11' 14"					E-48-19-A
khối Nam Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 06"	105° 11' 00"					E-48-19-A
cầu Nậm Tồn	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 32"	105° 10' 01"					E-48-19-A
khối Tây Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 33"	105° 10' 41"					E-48-19-A
hồ Thung Máy	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 27"	105° 10' 57"					E-48-19-A
Nậm Tồn	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp					19° 20' 54"	105° 09' 22"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp					19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-C
nằm Chung	TV	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp					19° 13' 20"	105° 01' 17"	19° 13' 32"	105° 07' 26"	E-48-19-C
núi Cồn Cha	SV	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 12' 26"	105° 02' 44"					E-48-19-C
Bản Hiêng	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 13' 04"	105° 04' 35"					E-48-19-C
Bản Mánh	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 12' 13"	105° 03' 51"					E-48-19-C
bản Nậm Huống	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 13' 37"	105° 04' 24"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Bản Ngước	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 34"	105° 04' 28"						E-48-19-C	
Bản Nháo	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 39"	105° 05' 28"						E-48-19-C	
bản Pạ Pục	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 51"	105° 06' 08"						E-48-19-C	
Bản Vạn	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 22"	105° 04' 13"						E-48-19-C	
Bản Vi	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 11"	105° 04' 49"						E-48-19-C	
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"		E-48-19-A	
Nậm Con	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 20' 48"	105° 05' 36"	19° 19' 15"	105° 07' 30"		E-48-19-A	
Huổi Dền	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 24' 25"	105° 01' 47"	19° 20' 48"	105° 05' 36"		E-48-19-A	
xóm Đồng Tiền	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 06' 45"						E-48-19-A	
xóm Hạ Đông	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 41"	105° 07' 06"						E-48-19-A	
Huổi Khi	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 18' 13"	104° 59' 50"	19° 20' 48"	105° 05' 36"		E-48-19-A, E-48-18-B	
Bản Khi	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 23"	105° 04' 37"						E-48-19-A	
Phu Mãng	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 03' 07"						E-48-19-A	
xóm Mường Ham	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 55"	105° 06' 53"						E-48-19-A	
Bản Nát	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 20"	105° 05' 54"						E-48-19-A	
Suối Này	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 21' 29"	104° 59' 05"	19° 19' 56"	105° 00' 34"		E-48-19-A, E-48-18-B	
Bản Ngưỡng	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 12"	105° 06' 36"						E-48-19-A	
Bản Nhạ	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 50"	105° 05' 55"						E-48-19-A	
Bản Nhang	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 02"	105° 07' 16"						E-48-19-A	
Huổi Nhanh	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 22' 47"	105° 06' 22"	19° 21' 12"	105° 05' 42"		E-48-19-A	
Bản Nhọi	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 08"	105° 07' 01"						E-48-19-A	
núi Phá Cùm	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 53"	105° 07' 26"						E-48-19-A	
núi Phá Liếng	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 40"	105° 06' 53"						E-48-19-A	
núi Phá May	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 06' 57"						E-48-19-A	
núi Tang Cón	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 04' 36"						E-48-19-A	
Bản Tèo	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 05"	105° 04' 12"						E-48-19-A	
Bản Thắm	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 41"	105° 07' 04"						E-48-19-A	
xóm Bản Bù Sen	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 11' 56"						E-48-19-A	
xóm Bản Cáng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 16' 24"	105° 09' 42"						E-48-19-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)				
xóm Bản Căng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 11' 18"						E-48-19-A	
xóm Bản Côi	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 02"	105° 10' 37"						E-48-19-A	
xóm Bản Cúng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 16' 27"	105° 10' 20"						E-48-19-A	
xóm Bản Điểm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 00"	105° 11' 19"						E-48-19-A	
xóm Bản Hàm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 34"	105° 11' 32"						E-48-19-A	
xóm Bản Quệ	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 17' 41"	105° 10' 57"						E-48-19-A	
xóm Bản Rốc	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 11' 53"						E-48-19-A	
xóm Bản Thịnh	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 41"	105° 10' 40"						E-48-19-A	
xóm Căng Điểm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 56"	105° 11' 46"						E-48-19-A	
xóm Châu Quế	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 11' 01"						E-48-19-A	
núi Chôm Cúc	SV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"						E-48-19-A	
Nậm Chông	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp				19° 15' 24"	105° 08' 46"	19° 16' 51"	105° 10' 20"	E-48-19-A	
Nậm Choòng	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp				19° 16' 51"	105° 10' 20"	19° 18' 51"	105° 10' 55"	E-48-19-A	
xóm Hợp Hưng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 05"	105° 10' 02"						E-48-19-A	
xóm Hợp Nhãn	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 44"	105° 13' 01"						E-48-19-A	
xóm Hương Châu	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 43"	105° 12' 27"						E-48-19-A	
Huổi Lìn	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp				19° 15' 49"	105° 11' 45"	19° 19' 24"	105° 12' 22"	E-48-19-A	
Xóm Mới	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 07"	105° 11' 15"						E-48-19-A	
xóm Mỹ Đình	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 01"	105° 12' 24"						E-48-19-A	
xóm Mỹ Tân	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 21"	105° 12' 38"						E-48-19-A	
núi Phá Hóc	SV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 13"	105° 12' 41"						E-48-19-A	
Huổi Thuần	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp				19° 17' 39"	105° 11' 35"	19° 18' 08"	105° 12' 07"	E-48-19-A	
xóm Tổng Hóc	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 11' 52"						E-48-19-A	
xóm Xuân Đình	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 17' 23"	105° 12' 38"						E-48-19-A	
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp				19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A	
núi Bù Má	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 27' 05"	105° 06' 51"						E-48-19-A	
Bản Chảo	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 05' 27"						E-48-19-A	
Bản Công	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 31"	105° 06' 09"						E-48-19-A	
suối Hủa Tả	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp				19° 24' 32"	105° 05' 00"	19° 24' 51"	105° 06' 03"	E-48-19-A	
bản Huống	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 05' 25"						E-48-19-A	
Bản Hy	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 42"	105° 05' 29"						E-48-19-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Lân Toong	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 23' 38"	105° 04' 43"						E-48-19-A	
Bản Muộng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 05' 44"						E-48-19-A	
bản Na Hiêng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 51"	105° 05' 48"						E-48-19-A	
bản Na Noong	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 06' 29"						E-48-19-A	
bản Nậm Tịu	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 38"	105° 06' 38"						E-48-19-A	
Bản Ngọc	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 23"	105° 06' 26"						E-48-19-A	
núi Nhọt Tịu	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 37"	105° 06' 57"	19° 26' 00"	105° 06' 50"	19° 24' 43"	105° 06' 14"		E-48-19-A	
suối Nhọt Tịu	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp								E-48-19-A	
núi Phá Bàng	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 41"	105° 06' 27"						E-48-19-A	
núi Phá May	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 06' 57"						E-48-19-A	
núi Phá Pháng	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 06' 13"						E-48-19-A	
suối Phái Hom	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 26' 05"	105° 04' 41"	19° 24' 39"	105° 06' 14"		E-48-19-A	
Bản Phầy	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 29"	105° 06' 11"						E-48-19-A	
Bản Poòng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 48"	105° 05' 56"						E-48-19-A	
Huổi San	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 24' 04"	105° 06' 19"	19° 24' 49"	105° 06' 07"		E-48-19-A	
núi Tổng Khang	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 26' 41"	105° 05' 49"						E-48-19-A	
quốc lộ 48C	KX	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"		E-48-19-A	
dốc Bù Tạt	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 20"	105° 12' 25"						E-48-19-A	
núi Bù Tè	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 59"	105° 13' 10"						E-48-19-A	
núi Bù Xung	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 07"	105° 12' 37"						E-48-19-A	
suối Châu Lộc	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 22' 29"	105° 13' 33"	19° 20' 23"	105° 14' 44"		E-48-19-A	
Bản Chỏ	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 11' 48"						E-48-19-A	
Bản Cụt	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 01"	105° 12' 39"						E-48-19-A	
Suối Cụt	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 23' 33"	105° 12' 06"	19° 22' 29"	105° 13' 33"		E-48-19-A	
Bản Đan	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 25"	105° 14' 29"						E-48-19-A	
hồ Đồng Xương	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 05"	105° 14' 57"						E-48-19-A	
Bản Inh	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 34"	105° 13' 09"						E-48-19-A	
Bản Kèn	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 26"	105° 12' 12"						E-48-19-A	
Bản Khục	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 15"	105° 13' 26"						E-48-19-A	
Bản Lìn	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 55"	105° 14' 03"						E-48-19-A	
xóm Na Tỳ	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 18"	105° 13' 57"						E-48-19-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Khe Nòn	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 25' 10"	105° 12' 00"	19° 22' 29"	105° 13' 33"	E-48-19-A		
núi Phà Đáy	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 36"	105° 11' 00"					E-48-19-A		
Bản Ròng	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 42"	105° 13' 35"					E-48-19-A		
xóm Tổng Huống	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 01"	105° 14' 04"					E-48-19-A		
quốc lộ 48C	KX	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A, E-48-19-C		
xóm Bản Bàng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 10"	105° 09' 25"					E-48-19-A		
xóm Bản Bồn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 13"	105° 08' 59"					E-48-19-C		
xóm Bản Bù Lầu	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 36"	105° 07' 49"					E-48-19-C		
xóm Bản Bùng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 33"	105° 07' 22"					E-48-19-C		
xóm Bản Chạng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 54"	105° 07' 38"					E-48-19-C		
xóm Bản Cồn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 54"	105° 07' 58"					E-48-19-C		
xóm Bản Dền	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 12' 24"	105° 06' 21"					E-48-19-C		
xóm Bản Khúa	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 28"	105° 08' 33"					E-48-19-A		
xóm Bản Lầu	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 02"	105° 08' 47"					E-48-19-A		
xóm Bản Na Lạn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 17"	105° 07' 45"					E-48-19-C		
xóm Bản Ngọn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 13"	105° 08' 08"					E-48-19-A		
xóm Bản Pạn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 23"	105° 08' 35"					E-48-19-A		
xóm Bản Thẩm	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 28"	105° 08' 03"					E-48-19-C		
xóm Bản Vực	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 01"	105° 07' 03"					E-48-19-C		
xóm Bản Xáo	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 08"	105° 07' 05"					E-48-19-A		
xóm Bản Xét	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 01"	105° 08' 28"					E-48-19-C		
Núi Chạng	SV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 12' 00"	105° 07' 44"					E-48-19-C		
núi Đen Địn	SV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	18° 56' 31"	104° 33' 18"					E-48-30-A		
suối Nậm Chạng	TV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp			19° 13' 32"	105° 07' 26"	19° 15' 24"	105° 08' 46"	E-48-19-A, E-48-19-C		
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A		
xóm Bản Ấng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 37"	105° 09' 01"					E-48-19-A		
xóm Bản Bành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 56"	105° 08' 40"					E-48-19-A		
xóm Bản Cà	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 25"	105° 09' 06"					E-48-19-A		
xóm Bản Cồn	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 09' 59"					E-48-19-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Bản Cù	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 08' 19"						E-48-19-A	
xóm Bản Lê	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 12"	105° 09' 57"						E-48-19-A	
xóm Bản Mọn	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 08' 36"						E-48-19-A	
xóm Bản Phẩy	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 08' 41"						E-48-19-A	
núi Chôm Cúc	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	19° 19' 15"	105° 07' 30"		E-48-19-A	
Nậm Con	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp								E-48-19-A	
núi Con Đòng	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 42"	105° 10' 54"						E-48-19-A	
xóm Diêm Bày	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 08' 02"						E-48-19-A	
Sông Dinh	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"		E-48-19-A	
xóm Đồn Mộng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 16"	105° 09' 17"						E-48-19-A	
xóm Đồn Hướng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 56"	105° 07' 46"						E-48-19-A	
xóm Đồn Lùm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 07' 43"						E-48-19-A	
xóm Đồn Nại	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 27"	105° 09' 39"						E-48-19-A	
xóm Đồn Tầm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 17"	105° 07' 52"						E-48-19-A	
xóm Hoa Thành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 26"	105° 09' 14"						E-48-19-A	
xóm Học Mọi	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 09' 46"						E-48-19-A	
xóm Khánh Quang	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 09' 33"						E-48-19-A	
xóm Na Xén	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 29"	105° 07' 40"	19° 19' 15"	105° 07' 30"	19° 19' 24"	105° 10' 12"		E-48-19-A	
Nậm Nọc	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp								E-48-19-A	
xóm Phà Mệt	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 54"	105° 08' 56"						E-48-19-A	
Hang Poồng	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 54"	105° 09' 53"						E-48-19-A	
xóm Quang Hưng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 44"	105° 09' 29"						E-48-19-A	
xóm Quang Hương	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 24"	105° 09' 39"						E-48-19-A	
xóm Quang Minh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 08' 08"						E-48-19-A	
xóm Quang Thành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 09"	105° 09' 09"						E-48-19-A	
xóm Quang Thịnh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 08' 35"						E-48-19-A	
xóm Quang Vinh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 47"	105° 08' 42"						E-48-19-A	
Nậm Tôn	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 20' 54"	105° 09' 22"	19° 19' 24"	105° 10' 12"		E-48-19-A	
Huổi Xé	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 18' 02"	105° 09' 34"	19° 18' 41"	105° 09' 14"		E-48-19-A	
xóm Yên Lướm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 43"	105° 09' 08"						E-48-19-A	
đường tỉnh 532	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"		E-48-19-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Bản Bom	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 58"	105° 05' 05"					E-48-19-A		
xóm Bản Chảo	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 49"	105° 08' 30"					E-48-19-A		
xóm Bản Có	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 05"	105° 04' 49"					E-48-19-A		
xóm Bản Hát	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 05' 51"					E-48-19-A		
xóm Bản La	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 06' 35"					E-48-19-A		
xóm Bản Lòng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 29"	105° 08' 08"					E-48-19-A		
hồ Bản Muống	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 52"	105° 06' 49"					E-48-19-A		
xóm Bản Muống	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 03"	105° 08' 01"					E-48-19-A		
xóm Bản Phầy	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 14"	105° 05' 41"					E-48-19-A		
xóm Bản Tiềm	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 06' 45"					E-48-19-A		
xóm Bản Tiếng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 08"	105° 08' 50"					E-48-19-A		
xóm Bù Sánh	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 49"	105° 08' 58"					E-48-19-A		
núi Chôm Cúc	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A		
xóm Đồng Hín	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 43"	105° 08' 05"					E-48-19-A		
xóm Đồng Minh	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 23"	105° 05' 56"					E-48-19-A		
xóm Học Mội	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 06"	105° 09' 24"					E-48-19-A		
xóm Hưng Long	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 08"	105° 09' 17"					E-48-19-A		
Huổi Huống	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 16' 02"	105° 01' 56"	19° 17' 54"	105° 06' 00"	E-48-19-A		
Suối Lao	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 16' 53"	105° 06' 10"	19° 19' 04"	105° 09' 20"	E-48-19-A		
xóm Na Ca	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 44"	105° 07' 44"					E-48-19-A		
xóm Na Mon	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 38"	105° 08' 32"					E-48-19-A		
xóm Na Toòng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 06' 01"					E-48-19-A		
xóm Noong Ôn	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 20"	105° 05' 01"					E-48-19-A		
núi Phá Trạng	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 07"	105° 08' 40"					E-48-19-A		
xóm Tam Thành	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 44"	105° 08' 24"					E-48-19-A		
núi Tang Cón	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 04' 36"					E-48-19-A		
xóm Thái Lâm	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 16' 55"	105° 08' 56"					E-48-19-A		
xóm Thái Quang	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 31"	105° 06' 59"					E-48-19-A		
Huổi Thiêm	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 17' 56"	105° 00' 24"	19° 17' 44"	105° 03' 03"	E-48-19-A		
Suối Tiềm	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 17' 44"	105° 03' 03"	19° 18' 59"	105° 08' 51"	E-48-19-A		
núi Vang Sao	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 16' 21"	105° 05' 36"					E-48-19-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Xóm Xán	DC	xã Châu Thái	H. Quỳnh Hợp	19° 17' 52"	105° 08' 30"					E-48-19-A		
Huổi Xẻ	TV	xã Châu Thái	H. Quỳnh Hợp			19° 18' 02"	105° 09' 34"	19° 18' 41"	105° 09' 14"	E-48-19-A		
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A		
Suối Bắc	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp			19° 25' 02"	105° 04' 26"	19° 23' 25"	105° 02' 52"	E-48-19-A		
xóm Bàn Cai	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 25"	105° 04' 23"					E-48-19-A		
xóm Bàn Có	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 24' 04"	105° 02' 28"					E-48-19-A		
xóm Bàn Hang	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 32"	105° 05' 04"					E-48-19-A		
núi Bù Cầm	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 44"	105° 02' 30"					E-48-19-A		
núi Cha Vang	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 21' 59"	105° 04' 35"					E-48-19-A		
xóm Chấm Hiêng	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 41"	105° 04' 05"					E-48-19-A		
bản Có Báy	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 35"	105° 04' 21"			19° 24' 25"	105° 01' 47"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A
Suối Dôn	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp					19° 37' 38"	104° 25' 04"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
Suối Hang	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 24' 40"	105° 04' 02"							E-48-19-A
núi Keo Lôm	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 23' 38"	105° 04' 43"							E-48-19-A
núi Lân Toong	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp					19° 21' 24"	105° 01' 17"	19° 22' 44"	105° 03' 37"	E-48-19-A
Suối Lục	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp					19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
Suối Mai	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp					19° 23' 12"	105° 01' 06"	19° 23' 17"	105° 02' 50"	E-48-19-A
Suối Mán	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 21' 58"	105° 05' 20"							E-48-19-A
Núi Máy	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 23' 41"	105° 01' 41"							E-48-19-A
núi Mèn Kẹp	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 25' 29"	105° 01' 24"							E-48-19-A
xóm Na An	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 25' 03"	105° 01' 45"							E-48-19-A
xóm Na Bon	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 36"	105° 06' 08"							E-48-19-A
núi Pa Máy	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 16"	105° 05' 12"							E-48-19-A
xóm Piêng Cầm	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp					19° 22' 02"	104° 59' 492"	19° 26' 52"	105° 01' 40"	E-48-19-A, E-48-18B
suối Phường Can	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp									E-48-19-A
núi Pù Còi	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 24' 53"	105° 02' 22"							E-48-19-A
núi Pù Pò	SV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 21"	105° 04' 00"							E-48-19-A
Suối Sài	TV	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp					19° 22' 18"	105° 00' 39"	19° 22' 19"	105° 03' 02"	E-48-19-A
xóm Tiến Thành	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 23' 25"	105° 02' 43"							E-48-19-A
xóm Trung Thành	DC	xã Châu Thành	H. Quỳnh Hợp	19° 23' 54"	105° 02' 58"							E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A		
xóm Bản Cáng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 58"	105° 08' 04"					E-48-19-A		
xóm Bản Chiềng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 44"	105° 08' 19"					E-48-19-A		
suối Bản Hạt	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 26' 33"	105° 08' 59"	19° 24' 57"	105° 07' 59"	E-48-19-A		
xóm Bản Lồng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 13"	105° 09' 15"					E-48-19-A		
xóm Bản Mới	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 34"	105° 08' 19"					E-48-19-A		
xóm Bản Pát	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 40"	105° 07' 31"					E-48-19-A		
xóm Bản Phầy	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 19"	105° 08' 01"					E-48-19-A		
xóm Bản Tền	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 27"	105° 07' 56"					E-48-19-A		
núi Con Ló	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 28' 14"	105° 07' 23"					E-48-19-A		
xóm Na Biêng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 20"	105° 07' 42"					E-48-19-A		
xóm Na Buồm	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 08' 35"					E-48-19-A		
núi Phá Choòng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 13"	105° 08' 05"			19° 25' 44"	105° 09' 42"	E-48-19-A		
suối Phà Đánh	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp							E-48-19-A		
núi Phá Lồng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 23"	105° 08' 47"					E-48-19-A		
núi Phá Nghiêm	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 07"	105° 08' 44"					E-48-19-A		
núi Phá Thắm	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 47"	105° 07' 07"					E-48-19-A		
núi Póm Bó	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 07' 27"					E-48-19-A		
núi Pù Mả	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A		
núi Sắn Đén Miếng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 27' 09"	105° 09' 12"					E-48-19-A		
quốc lộ 48	KX	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a		
xóm Bải Kè	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 07"	105° 18' 25"					E-48-19-B-a		
xóm Bản Mát	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 15' 12"					E-48-19-B-a		
hồ Cây Đa	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 52"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a		
Suối Chiềng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C		
Núi Đồng	SV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 46"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a		
hồ Đồng Ban	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 18"	105° 16' 30"					E-48-19-B-a		
xóm Đồng Ban	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 16' 51"					E-48-19-B-a		
xóm Đồng Báng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 37"	105° 16' 28"					E-48-19-B-a		
cầu Đồng Cạn	KX	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 58"	105° 17' 02"					E-48-19-B-a		
xóm Đồng Cạn	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 06"	105° 16' 59"					E-48-19-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Bản Duộc	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 35"	105° 09' 04"							E-48-19-A
Suối Duộc	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 47' 12"	105° 04' 06"	19° 48' 19"	105° 04' 05"			E-48-7-A
suối Huồi Phái	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 24' 54"	105° 10' 29"	19° 24' 45"	105° 09' 42"			E-48-19-A
suối Khe Đồi	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 23' 16"	105° 07' 59"	19° 22' 37"	105° 08' 29"			E-48-19-A
Bản Khột	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 05"	105° 10' 59"							E-48-19-A
Bản Na	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 22"	105° 10' 13"							E-48-19-A
bản Ná Xài	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 17"	105° 10' 29"							E-48-19-A
núi Phà Đáy	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 36"	105° 11' 00"							E-48-19-A
núi Póm Bó	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 07' 27"							E-48-19-A
Bản Quẩn	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 09' 12"							E-48-19-A
Bản Quên	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 38"	105° 09' 47"							E-48-19-A
xóm Trung Cỏ	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 28"	105° 09' 53"							E-48-19-A
núi Váng Ná	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 01"	105° 08' 40"							E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-19-A, E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"			E-48-19-B-c
núi Hòn Mai	SV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 15' 25"	105° 19' 53"							E-48-19-B-c
suối Lò Mố	TV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 36"	105° 17' 30"	19° 20' 58"	105° 17' 53"			E-48-19-B-c
xóm Minh Cao	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 50"	105° 16' 40"							E-48-19-B-c
xóm Minh Cầu	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 07"	105° 15' 36"							E-48-19-B-c
xóm Minh Chùa	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 16' 58"	105° 18' 14"							E-48-19-B-c
xóm Minh Đình	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 07"	105° 13' 31"							E-48-19-A
xóm Minh Hồ	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 50"	105° 16' 59"							E-48-19-B-c
xóm Minh Hoà	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 21"	105° 15' 40"							E-48-19-B-c
xóm Minh Hồng	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 04"	105° 16' 56"							E-48-19-B-c
xóm Minh Kinh	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 44"	105° 18' 04"							E-48-19-B-c
xóm Minh Lợi	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 29"	105° 15' 16"							E-48-19-B-c
xóm Minh Long	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 16' 06"							E-48-19-B-c
xóm Minh Quang	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 32"	105° 16' 35"							E-48-19-B-c
xóm Minh Tám	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 22"	105° 18' 05"							E-48-19-B-c
xóm Minh Tân	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 46"	105° 17' 28"							E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
xóm Minh Thắng	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 12"	105° 16' 48"							E-48-19-B-c
xóm Minh Thành	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 17' 17"							E-48-19-B-c
xóm Minh Thọ	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 28"	105° 17' 35"							E-48-19-B-c
xóm Minh Tiến	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 25"	105° 17' 04"							E-48-19-B-c
xóm Minh Trung	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 32"	105° 17' 08"							E-48-19-B-c
xóm Minh Trường	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 17' 29"							E-48-19-B-c
xóm Minh Xá	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 06"	105° 17' 15"							E-48-19-B-c
xóm Minh Xuân	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 50"	105° 17' 39"							E-48-19-B-c
suối Ông Giao	TV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 15' 29"	105° 16' 52"	19° 19' 34"	105° 17' 08"			E-48-19-B-c
cầu Tổng Hợp	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 44"	105° 17' 53"			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-D, E-48-19-C
quốc lộ 48C	KX	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp									E-48-18-B
núi Bù Ca	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 15' 11"	104° 59' 32"							E-48-18-B
núi Bù Lèn	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 15' 35"	104° 59' 28"							E-48-19-C
bản Cà Vạt	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 50"	105° 00' 58"							E-48-18-D
núi Cẩn Nấp	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 33"	104° 59' 06"							E-48-19-C
bản Chá Hang	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 44"	105° 00' 23"							E-48-19-C
núi Cồn Cha	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 26"	105° 02' 44"			19° 26' 50"	105° 16' 40"	19° 26' 36"	105° 17' 40"	E-48-19-B-a
Suối Cồng	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp									E-48-18-D
Núi Cúm	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 36"	104° 59' 29"							E-48-19-C
Bản Hăm	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 02"	105° 01' 16"							E-48-19-C
Bản Khuyết	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 13' 15"	105° 00' 46"							E-48-19-C
suối Nậm Chung	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 13' 20"	105° 01' 17"	19° 13' 32"	105° 07' 26"			E-48-18-D, E-48-19-C
Suối Ngọa	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 13' 47"	104° 59' 04"	19° 14' 18"	105° 00' 52"			E-48-19-C
Bản Quảng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 23"	105° 00' 56"							E-48-18-D
núi Tan Mầu	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 08"	104° 59' 07"							E-48-19-C
Bản Tắng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 13' 29"	105° 01' 29"							E-48-19-B-c
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"			E-48-19-B-c
Xóm Chát	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 25"	105° 18' 15"							E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Xóm Dinh	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 21' 10"	105° 17' 17"							E-48-19-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 56"	105° 17' 40"							E-48-19-B-c
xóm Đột Tân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 46"	105° 16' 48"							E-48-19-B-c
xóm Hợp Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 19' 43"	105° 19' 30"							E-48-19-B-c
suối Khe Đổ	TV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp			19° 19' 35"	105° 17' 08"	19° 20' 58"	105° 17' 53"			E-48-19-B-c
xóm Khe Đổ	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 19' 49"	105° 19' 05"							E-48-19-B-c
Xóm Kinh	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 53"	105° 18' 03"							E-48-19-B-c
xóm Liên Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 38"	105° 18' 12"							E-48-19-B-c
Xóm Mỏ	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 21' 03"	105° 16' 33"							E-48-19-B-c
Xóm Mỏ	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 54"	105° 19' 14"							E-48-19-B-c
Xóm Mới	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 17"	105° 19' 11"							E-48-19-B-c
Nhà máy Đường Nghệ	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 37"	105° 18' 47"							E-48-19-B-c
Xóm Phương	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 21' 07"	105° 17' 10"							E-48-19-B-c
cầu Sông Dinh	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 21' 02"	105° 18' 28"							E-48-19-B-c
Xóm Tàu	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 34"	105° 18' 35"							E-48-19-B-c
xóm Thành Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 18"	105° 18' 20"							E-48-19-B-c
Đồi Thiếc	SV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 20"	105° 19' 35"							E-48-19-B-c
cầu Tổng Hợp	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 44"	105° 17' 53"							E-48-19-B-c
Xóm Vã	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 20' 51"	105° 17' 07"							E-48-19-B-c
hồ Vùng Trùng	TV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 48"	105° 18' 16"							E-48-19-B-c
quốc lộ 48	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"			E-48-19-B-a, E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"			E-48-19-A, E-48-19-B-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 43"	105° 16' 00"							E-48-19-B-a
Cầu Bản	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 23"	105° 16' 45"							E-48-19-B-c
xóm Bảo An	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 50"	105° 16' 12"							E-48-19-B-c
hồ Cây Đa	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 52"	105° 16' 00"							E-48-19-B-a
xóm Châu Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 22' 08"	105° 14' 42"							E-48-19-A
Sông Dinh	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"			E-48-19-A, E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Xóm Dinh	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 41"	105° 16' 47"						E-48-19-B-c	
Núi Đồng	SV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 46"	105° 15' 40"						E-48-19-B-a	
xóm Đồng Chạo	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 41"	105° 15' 06"						E-48-19-B-c	
Sông Hiếu	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"		E-48-19-B-a	
xóm Hợp Tâm	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 58"	105° 16' 43"						E-48-19-B-c	
xóm Hợp Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 51"	105° 18' 35"						E-48-19-B-a	
xóm Hợp Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 34"	105° 15' 55"						E-48-19-B-a	
cầu Làng Mùng	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 53"	105° 15' 51"						E-48-19-B-c	
xóm Long Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 35"	105° 17' 51"						E-48-19-B-c	
xóm Nam Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 27"	105° 16' 30"						E-48-19-B-c	
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 26"	105° 15' 28"						E-48-19-B-c	
xóm Quỳnh Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 20"	105° 15' 54"						E-48-19-B-c	
xóm Sơn Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 02"	105° 17' 09"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Hợp	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 43"	105° 16' 16"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Mùng	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 48"	105° 16' 00"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Mỹ	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 42"	105° 16' 35"						E-48-19-B-a	
xóm Tân Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 04"	105° 17' 01"						E-48-19-B-c	
xóm Tân Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 46"	105° 15' 11"						E-48-19-B-c	
Xóm Vực	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 10"	105° 15' 29"						E-48-19-B-c	
quốc lộ 48C	KX	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"		E-48-19-A	
suối Châu Lộc	TV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 22' 29"	105° 13' 33"	19° 20' 23"	105° 14' 44"		E-48-19-A	
xóm Cốc Mắm	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 36"	105° 12' 51"						E-48-19-A	
Sông Dinh	TV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"		E-48-19-A	
Xóm Đò	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 24"	105° 13' 36"						E-48-19-A	
núi Lèn Chu	SV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 35"	105° 13' 38"						E-48-19-A	
xóm Liên Tân	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 42"	105° 12' 23"						E-48-19-A	
xóm Sợi Dưới	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 39"	105° 14' 18"						E-48-19-A	
xóm Sơn Tiến	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 58"	105° 14' 21"						E-48-19-A	
xóm Thọ Sơn	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 07"	105° 12' 56"						E-48-19-A	
xóm Thung Khằng	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 09"	105° 12' 27"						E-48-19-A	
xóm Bắc Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 43"	105° 14' 22"						E-48-19-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Suối Bùng	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 14' 12"	105° 14' 14"	19° 16' 40"	105° 14' 12"	E-48-19-A, E-48-19-B-c, E-48-19-D-a		
xóm Đại Thành	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 15' 30"	105° 16' 09"					E-48-19-B-c		
xóm Đại Xuân	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 15' 46"	105° 15' 15"					E-48-19-B-c		
suối Đất Đỏ	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 15' 02"	105° 13' 51"	19° 16' 40"	105° 14' 12"	E-48-19-A		
suối Kê Láo	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 16' 04"	105° 12' 56"	19° 19' 20"	105° 15' 46"	E-48-19-A		
suối Kê Mo	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 15' 07"	105° 13' 20"	19° 16' 04"	105° 12' 56"	E-48-19-A		
suối Kê Sòng	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 16' 40"	105° 14' 12"	19° 17' 35"	105° 14' 46"	E-48-19-A		
núi Lèn Rêu	SV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 15' 11"	105° 14' 34"					E-48-19-A		
xóm Nam Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 32"	105° 14' 57"					E-48-19-A		
Suối Nào	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 17' 35"	105° 14' 46"	19° 21' 09"	105° 16' 44"	E-48-19-A, E-48-19-B-c		
suối Ông Giao	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp			19° 15' 29"	105° 16' 52"	19° 19' 34"	105° 17' 08"	E-48-19-B-c		
xóm Tây Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 15' 57"	105° 13' 14"					E-48-19-A		
xóm Thắng Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 16' 48"	105° 13' 00"					E-48-19-A		
xóm Văn Giai	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 17' 06"	105° 12' 51"					E-48-19-A		
xóm Văn Trường	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 18' 58"	105° 15' 06"					E-48-19-B-c		
xóm Xuân Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 16' 11"	105° 13' 57"					E-48-19-A		
xóm Xuân Sơn	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳnh Hợp	19° 15' 06"	105° 15' 10"					E-48-19-B-c		
quốc lộ 48	KX	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a		
Xóm Bọ	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 37"	105° 16' 26"					E-48-19-B-a		
Xóm Bọc	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 03"	105° 15' 24"					E-48-19-B-a		
núi Bù Khạng	SV	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 25' 49"	105° 11' 06"					E-48-19-A		
núi Cai Xát	SV	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 57"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a		
xóm Cầu Đá	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 31"	105° 15' 41"					E-48-19-B-a		
Suối Công	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 26' 50"	105° 16' 40"	19° 26' 36"	105° 17' 40"	E-48-19-B-a		
Xóm Công	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 25' 57"	105° 16' 57"					E-48-19-B-a		
Xóm Dé	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 42"	105° 15' 20"					E-48-19-B-a		
kênh Đồng Mông	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 27' 48"	105° 15' 47"	19° 26' 40"	105° 16' 56"	E-48-19-B-a		
xóm Đồng Mông	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 53"	105° 16' 40"					E-48-19-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hiếu	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-a		
xóm Hợp Thành	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 12"	105° 15' 58"					E-48-19-B-a		
xóm Khang	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 12"	105° 13' 40"					E-48-19-A		
Xóm Mới	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 10"	105° 16' 35"					E-48-19-B-a		
xóm Na Phê	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 27"	105° 16' 21"					E-48-19-B-a		
Xóm Sỏi	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 16"	105° 14' 30"					E-48-19-A		
Khe Tạt	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp			19° 26' 41"	105° 12' 29"	19° 27' 11"	105° 13' 28"	E-48-19-A		
Xóm Tạt	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 54"	105° 13' 03"					E-48-19-A		
xóm Thái Lão	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 27' 06"	105° 16' 31"					E-48-19-B-a		
Xóm Thơ	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 00"	105° 14' 51"					E-48-19-A		
xóm Trọng Cảnh	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 26"	105° 16' 53"					E-48-19-B-a		
Xóm Xat	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳnh Hợp	19° 26' 21"	105° 16' 01"					E-48-19-B-a		
quốc lộ 1	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b		
khối 1	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 37' 47"					E-48-20-C-b		
khối 2	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 45"	105° 37' 40"					E-48-20-C-b		
khối 3	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 38"	105° 37' 48"					E-48-20-C-b		
khối 4	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 37' 34"					E-48-20-C-b		
khối 5	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 42"	105° 37' 32"					E-48-20-C-b		
khối 6	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 37"	105° 37' 26"					E-48-20-C-b		
khối 7	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 37' 21"					E-48-20-C-a		
khối 8	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 20"	105° 37' 29"					E-48-20-C-a		
khối 9	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 53"	105° 37' 30"					E-48-20-C-b		
khối 10	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 04"	105° 37' 36"					E-48-20-C-b		
khối 11	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 14"	105° 37' 24"					E-48-20-C-b		
khối 12	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 33"	105° 37' 29"					E-48-20-C-b		
quốc lộ 48B	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a		
ga Cầu Giát	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 35"	105° 37' 28"					E-48-20-C-a		
Cầu Giát	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 37' 25"					E-48-20-C-a		
Sông Thái	TV	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 1	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
khối An Thịnh	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 01"	105° 42' 30"					E-48-20-C-b
khối Bắc Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 48"	105° 42' 16"					E-48-20-A-d
cầu Hoàng Mai	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 31"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
mỏ đá Hoàng Mai	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 03"	105° 43' 14"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
cầu Khe Sơn	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 27"	105° 43' 24"					E-48-20-A-d
sông Mỏ Đá	TV	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
khối Nam Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 39"	105° 42' 18"					E-48-20-A-d
khối Tân Hùng	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 29"	105° 43' 21"					E-48-20-A-d
khối Tân Hương	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 54"	105° 43' 22"					E-48-20-A-d
khối Tân Phong	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 42' 26"					E-48-20-A-d
khối Tân Sơn	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 42' 53"					E-48-20-A-d
khối Tân Thành	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 50"	105° 43' 16"					E-48-20-A-d
khối Tân Tiến	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 24"	105° 43' 09"					E-48-20-A-d
khối Thịnh Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 47"	105° 42' 07"					E-48-20-A-d
đường tỉnh 537B	KX	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
thôn Bắc Lợi	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 35"	105° 41' 17"					E-48-20-C-d
thôn Bút Ngọc	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 40' 17"					E-48-20-C-d
thôn Bút Thanh	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 17"	105° 40' 10"					E-48-20-C-d
thôn Bút Thành	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 08"	105° 40' 09"					E-48-20-C-d
Sông Hàu	TV	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
thôn Hồng Phong	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 40' 49"					E-48-20-C-d
thôn Minh Tiến	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 05"	105° 40' 24"					E-48-20-C-d
thôn Nam Tiến	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 41' 20"					E-48-20-C-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 26"	105° 41' 05"					E-48-20-C-d